

Tiết: 1,2 VĂN BẢN	<b>PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH</b> Lê Anh Trà	Ngày soạn: 4/9/2022 Ngày dạy:
----------------------	---	----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Nắm bắt ND văn bản nhật dụng thuộc chủ đề hội nhập với thế giới và bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc.

**2. Kỹ năng :**

- Vận dụng các biện pháp NT trong viết văn về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hoá, lối sống.

**3. Thái độ**

- Giáo dục lòng khâm phục và kính yêu lãnh tụ, học tập và làm theo tấm gương về cách sống và sinh hoạt của Bác.

**4. Tích hợp giáo dục ANQP:**

- Tình cảm của nhân dân ta và bè bạn khắp năm châu dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Bảng phụ. Nghiên cứu SGK- SGK, tư liệu về nhà văn, về tác phẩm,
- Sơ đồ tranh ảnh, tư liệu và những mẫu chuyện về Bác.
- Chuẩn kiến thức kỹ năng, SGK,SGV, SBT

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Tìm hiểu và sơ đồ các thông tin về tác giả, tác phẩm.
- Soạn và trả lời các câu hỏi phân Đọc- hiểu văn bản ra vở bài tập.
- Trả lời các câu hỏi và làm các bài tập trong sách BT trắc nhiệm.
- Xem lại bài “Đức tính giản dị của Bác Hồ” (SGK Ngữ văn lớp 7).

**III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ổn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

Kể tên những văn bản em đã học, đã đọc về Bác.

- Đức tính giản dị của Bác Hồ, Đêm nay Bác không ngủ.

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- GV thuyết trình: HCM không những là nhà yêu nước, nhà cách mạng vĩ đại mà còn là danh nhân văn hoá thế giới ( Người được	- HS nghe thuyết trình.

UNESCO phong tặng danh hiệu này năm 1990 ).Về đẹp văn hoá chính là nét nổi bật trong phong cách HCM. Để giúp cho các em hiểu thêm về phong cách của Người, hôm nay chúng ta tìm hiểu bài "Phong ... Minh" của Lê Anh Trà. - Ghi tên bài	- HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy. - Ghi tên bài
--	--

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****- Mục tiêu :**

- +Nắm được cách đọc, những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm và các từ khó.
- + Bước đầu biết kết hợp làm việc cá nhân và hợp tác qua kỹ thuật động não.

**- Thời gian dự kiến : 15- 17 phút****- Phương pháp :** Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.**- Kỹ thuật :** Dạy học theo kỹ thuật động não, KTB, trình bày 1 phút.

<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Chuẩn KTKN cần đạt</b>
<p><b>GV HD HS tìm hiểu chú thích</b> <b>Nêu những hiểu biết của em về tác giả?</b></p> <p>Lê Anh Trà được cấp bằng tiến sĩ tại Đại học Tổng hợp quốc gia Matxcova năm 1965, phong phó giáo sư năm 1984, giáo sư năm 1991. Trong kháng chiến chống Pháp, ông từng giữ cương vị chủ tịch liên đoàn Văn hóa Cứu quốc ở Quảng Ngãi, đồng thời giữ những vai trò quan trọng trong một số tờ báo cổ động Cách mạng như biên tập báo “Tiến hóa.</p> <p><b>Xuất xứ của văn bản?</b></p> <p>“Phong cách Hồ Chí Minh” là tác phẩm nói về sự giản dị trong phong cách sống và làm việc của chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng ngòi bút giản dị chân thực của mình. Tác giả Lê Anh Trà đã khắc họa lại cuộc sống và đức tính giản dị, tiết kiệm của chủ tịch trong cuộc sống cũng như khi làm việc.</p> <p>Theo em, VB cần đọc với giọng ntn? Đọc to, rõ ràng, khúc triết, tường minh. - Giọng đọc truyền cảm, chú ý đến chuỗi liên kết giữa các câu trong mạch lập luận của tác giả. - Phong cách: chú thích 1/sgk/7. - Phong cách HCM: lối sống, sinh hoạt, làm việc của Bác. -&gt; Từ Hán Việt * Gọi 2 H.S đọc: đoạn 1 và đoạn 2. * GV gọi 1 H.S nhận xét, đánh giá phần đọc của bạn. * GV đọc mẫu đoạn 3. Em hiểu “phong cách” là gì? Phong cách HCM là ntn? *GV gọi trả lời, gọi nhận xét. GV bổ sung. VB có thể chia làm mấy đoạn? Ý mỗi đoạn? *Bố cục: 3 đoạn - Đoạn 1: Từ đầu đến ...rất hiện đại - Quá trình hình thành và</p>	<p><b>I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH</b></p> <p><b>1. Tác giả,</b> Tác giả Lê Anh Trà (1927 – 1999), quê ở xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Ông vừa là một nhà quân sự , vừa là một nhà văn – nhà văn hóa tiêu biểu.</p> <p><b>2. Tác phẩm</b></p> <p><b>a. Xuất xứ</b> Rút trong bài: “Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị” của Lê Anh Trà.</p> <p><b>b. Đọc – chú thích</b></p> <p><b>c. Bố cục văn bản</b> <b>3 phần</b></p>

điều kỳ lạ của phong cách HCM

- Đoạn2: Tiếp đến ...hạ tắm ao - Những vẻ đẹp cụ thể của phong cách sống và làm việc của Bác Hồ.

- Đoạn3 : còn lại - Bình luận và khẳng định ý nghĩa của phong cách văn hoá HCM

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn, trả lời một số câu hỏi khái quát, gọi nhận xét, bổ sung,

**Lê Anh Trà thể hiện bài viết bằng kiểu văn bản nào? vì sao ông chọn kiểu văn bản đó?**

- **Kiểu văn bản** : nhật dụng vì nó đề cập tới vấn đề hội nhập và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc → gần gũi bức thiết trong cuộc sống của con người và cộng đồng

- VD: Quyền sống của con người bảo vệ hoà bình chống chiến tranh, môi trường sinh thái...

- **Nêu chủ đề của văn bản? Có thể nêu một số chủ đề mà văn bản nhật dụng đề cập và em đã học ?**

- **Xác định phương thức biểu đạt chính của VB ?**

- **PTBD** : nghị luận+ thuyết minh

Gọi HS đọc đoạn 1

**H. Giải thích” truân chuyên” , “uyên thâm”nghĩa là gì?**

**H. Đoạn văn đã khái quát vốn tri thức văn hoá của Bác Hồ ntn? Đọc câu văn để CM?**

-Vốn tri thức văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức sâu rộng: ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hoá các nước sâu sắc như Bác--> Cách viết so sánh bao quát để khẳng định giá trị của nhận định.

\* GV liên hệ con đường hoạt động Cách mạng cứu nước, cứu dân hơn 30 năm đầy gian nan, vất vả từ năm 1911 đến năm 1941

\* Gv tổ chức cho HS thảo luận nhóm câu hỏi( Thời gian: 5 phút)

**H. Để có thể tiếp thu và tìm hiểu kho tri thức văn hóa nhân loại, Người đã có những biện pháp gì? dùng phương tiện gì? Động lực nào giúp Người có những hiểu biết phong phú về văn hoá nhân loại như vậy ?**

+ Quan sát văn bản, HS thảo luận nhóm :

\*Bác tiếp thu văn hoá nhân loại bằng cách :

- Đi nhiều, có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với văn hoá nhiều nước, nhiều vùng, nhiều dân tộc ... Ghé lại nhiều hải cảng ...từng sống dài ngày ở Pháp, Anh, Nga...

- Nói và viết thạo nhiều thứ tiếng: Pháp, Anh, Hoa, Nga ...--> Đây là công cụ giao tiếp bậc nhất để tìm hiểu và giao lưu văn hoá với các dân tộc trên thế giới.

- Qua công việc, qua lao động mà học hỏi: làm nhiều nghề

**d. Thể loại và phương thức biểu đạt**

- Thể loại: Văn bản nhật dụng

- Ptbd: NL + TM

## II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

**1. Quá trình hình thành vốn tri thức văn hóa nhân loại của chủ tịch Hồ Chí Minh**

-Vốn tri thức của Bác hết sức sâu rộng, uyên thâm.

+ Người đi qua nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều nền văn hoá=> Hiểu biết sâu rộng nền văn hoá

+ Nói viết thạo nhiều ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Hoa.(*Nắm vững phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ*)

+ **Làm nhiều nghề**: quét tuyết, làm bếp, bồi bàn, thợ ảnh...(*Qua lao động mà học hỏi*)

+ **Bác ham học hỏi, ham tìm hiểu đến mức khá uyên thâm.**

khác nhau.

- Có ý thức học hỏi, tìm hiểu văn hoá các nước sâu sắc đến mức khá uyên thâm.

H. Người đã tiếp thu tinh hoa văn hoá ntn ? Em có nhận xét gì về sự tiếp thu văn hóa nhân loại của Bác ?

\* Động lực: Lòng yêu nước, thương dân, tinh thần tự tôn dân tộc.

- Người chịu ảnh hưởng của tất cả các nền văn hoá

- Tiếp thu mọi cái hay, cái đẹp, phê phán những tiêu cực, lạc hậu

- Những ảnh hưởng của quốc tế đã nhào nặn với cái gốc của văn hoá dân tộc .

**H. Tác giả đã sử dụng phương thức lập luận nào khi ca ngợi vẻ đẹp phong cách HCM ? Nhận xét cách lập luận, nêu tác dụng ?**

+ Phát hiện, chỉ rõ các phương thức lập luận, rút ra nhận xét.

- Cách lập luận chặt chẽ, luận cứ xác đáng, diễn đạt tinh tế.

- Cách trình bày lý lẽ, dẫn chứng mạch lạc, tường minh, giàu sức thuyết phục, bám sát chủ đề văn bản.

- Tác dụng-> Tạo sức thuyết phục lớn đối với người đọc.

H. Kết quả của sự tiếp thu những điều kì lạ đã tạo nên một Phong cách HCM như thế nào ?

**\* Tích hợp GD-ANNOP: chiếu hình ảnh Bác Hồ và chốt: năm 1990 Hồ Chí Minh được UNSECO đã công nhận và suy tôn là “Anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới”. Với tầm nhìn vĩ mô của nhà văn hoá lớn, tư tưởng của Bác là tư tưởng hội nhập chứ không hoà tan. Đó là những giá trị văn hoá làm nên phong cách Hồ Chí Minh.**

**\* Chuyển ý:**

\*GV gọi HS đọc lại đoạn 2.

H. Lối sống của Bác được tác giả Lê Anh Trà chứng minh trên mấy phương diện. Đó là những phương diện nào?

\*GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm bằng kĩ thuật KTB: Chia lớp làm 3 nhóm và thảo luận theo 3 nội dung trên 3 cột trên bảng.

\* Thầy phát phiếu thảo luận cho 3 nhóm:

- **Nhóm 1:** Tìm những chi tiết viết về nơi ở và làm việc của Bác. Qua những chi tiết ấy em rút ra kết luận gì?

- **Nhóm 2:** Hãy tìm các chi tiết viết về trang phục và hành trang của Bác. Nhận xét của em thế nào về nét đẹp trong lối sống của Bác qua các chi tiết này?

- **Nhóm 3:** Nếp sống ăn uống thường ngày của Bác được nhà văn thể hiện thế nào? Cảm nhận của em về nếp sống

-> **Tiếp thu một cách có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, tiếp thu trên nền tảng văn hoá dân tộc.**

- **Phương thức lập luận:** kết hợp kể, giải thích, bình luận

- **Kết hợp hài hoà giữa bản sắc văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại: Hình thành một nhân cách rất VN, rất phương Đông rất mới, rất hiện đại.** Đây chính là những yếu tố cơ bản của một người Việt Nam chân chính.

**2. Vẻ đẹp trong phong cách sinh hoạt của Bác**

\* Nơi ở, nơi làm việc đơn sơ:

\* Trang phục giản dị

ấy?

+ HS thảo luận theo 3 nhóm với 3 câu hỏi bằng kỹ thuật KTB, đại diện trình bày, nhận xét, bổ sung.

- Nghe GV chốt, nhấn mạnh.

\* **Nơi ở, nơi làm việc đơn sơ:** nhà sàn nhỏ bé phía trước có ao như cảnh làng quê quen thuộc, trong nhà có vài phòng, đồ đạc mộc mạc đơn sơ → đơn sơ.

\* **Trang phục giản dị:** bộ quần áo kaki bạc màu, dép lốp cao su, áo trần thủ.

\* **Ăn uống thanh sơ, đạm bạc:** cá kho, rau luộc, cà, dưa,... → như mọi người dân bình thường.

+ HS khái quát trả lời

-> Phong cách HCM là sự kết tục và phát huy nét đẹp tâm hồn người Việt- một vẻ đẹp bình dị mà thanh cao...

Qua ý kiến thảo luận của các nhóm thầy chốt, rút ra kết luận chung về nét đẹp trong lối sống của Bác: ở Bác ta thấy một nét đẹp trong lối sống: Vô cùng đơn sơ, vô cùng giản dị, vô cùng đạm bạc.

**H. Qua sự tìm hiểu ở trên em nhận thấy Bác có lối sống như thế nào?**

H. Nói về nét đẹp trong lối sống của Bác, em đã học và thuộc những câu thơ nào?

+ Nhớ, tái hiện kiến thức cũ.

- Văn bản: Đức tính giản dị của Bác Hồ của P.V.Đ.

- Bài thơ

**H. Viết về phong cách sinh hoạt của Bác, người viết đã so sánh Bác với các nhà hiền triết xưa như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm. Lối sống ấy có gì giống và khác nhau?**

- Thảo luận, trả lời.

+ Giống: Yêu cái đẹp, yêu cái thiện

+ Khác: Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm là những nho sĩ về ở ẩn.....

- Còn Bác vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì nhân dân...

- Lối sống của Bác so với các nhà hiền triết xưa:

+ Thanh cao, bình dị nhưng sang trọng (Đây không phải là lối sống khắc khổ của những con người tự vui trong cảnh nghèo khổ. Đây cũng không phải là cách tự thần thánh hoá, tự làm cho khác đời, hơn đời.)

+ Đây là một cách sống có văn hoá đã trở thành một quan niệm thẩm mỹ: cái đẹp là ở sự giản dị, tự nhiên.

\* **GV chốt kết luận:**

Cách sống của Bác đúng như lời của tác giả về Bác qua 2 câu thơ của Nguyễn Bình Khiêm:

“Thu ăn măng trúc, đông ăn giá

- Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.”

\* **Ăn uống thanh sơ, đạm bạc:**

-> **Thanh cao mà giản dị.** → cũng là phong cách sống của nhân dân Việt Nam

- Lối sống của Bác so với các nhà hiền triết xưa:

GV liên hệ với môn học công dân trong bài 1 lớp 7 cũng từng học lối sống giản dị. Đây là một nếp sống đẹp ta nên học tập ở Bác.

**H. Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì khi thuyết minh nội dung này? Tác dụng?**

+ Khái quát những giá trị nghệ thuật, nội dung, trả lời. Rút ra tác dụng

- Nghệ thuật kể kết hợp với bình luận.

- Phép liệt kê, so sánh (cách sống của Bác với các nhà hiền triết xưa)

- Nghệ thuật đối lập: giữa cái giản dị, thanh sơ, đạm bạc với cái thanh cao vĩ đại ở Bác.

- Kết hợp chứng minh ( bằng dẫn chứng có chọn lọc, cụ thể, sinh động) với bình luận, so sánh để khẳng định.

- Cách viết giản dị, thân mật, trân trọng, ngợi ca.

+ Khái quát nội dung ,trả lời

\* GV gọi trả lời GV bổ sung.

GV tích hợp chờ về vai trò của yếu tố nghệ thuật trong văn bản nhật dụng khi dùng văn thuyết minh? (- Sử dụng khéo léo các biện pháp nghệ thuật liệt kê, so sánh và lối lập luận vững vàng.

(tích hợp chờ tiết 4, 5)

**H. Vậy theo em những vẻ đẹp nào đã tập hợp tạo nên phong cách HCM?**

\* GV liên hệ, tích hợp kĩ năng sống: Cuộc thi kể chuyện về Bác Hồ và cuộc vận động toàn dân học tập theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.

**H. Học tập phong cách Hồ Chí Minh, ngày nay chúng ta đang thực hiện cuộc vận động sống và làm việc theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Mục đích của cuộc vận động ấy?**

+ HS nghe Gv + tích hợp kĩ năng sống.

+ Cuộc vận động sống và làm việc theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

+ HS suy nghĩ trả lời.

- Mục đích: Sống giản dị, khiêm tốn, chống lại những tiêu cực xã hội: xa hoa, lãng phí, tham nhũng...

**H. Là một học sinh, em đã làm gì để hưởng ứng cuộc vận động này?**

+ HS tự do bộc lộ, rút ra bài học cho bản thân từ tấm gương của Bác.

- Nghệ thuật kể kết hợp với bình luận.

- Phép liệt kê, so sánh

- Nghệ thuật đối lập:

- Kết hợp chứng minh

- Cách viết giản dị, thân mật, trân trọng, ngợi ca.

-> Phong cách HCM vừa mang vẻ đẹp trí tuệ vừa mang vẻ đẹp đạo đức...

->Kết hợp hài hoà giữa truyền thống VH dân tộc và tinh hoa VH nhân loại, là sự kết hợp giữa cái vĩ đại và bình dị , giữa truyền thống và hiện đại.

+ Cuộc vận động sống và làm việc theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

=>Trong thời kì đất nước mở cửa và hội nhập thì mỗi người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ cần học tập và phấn đấu xây dựng bảo vệ đất nước, giữ gìn bản sắc dân tộc đem lại cuộc sống ý nghĩa.

**III. Hướng dẫn HS thực hiện phần ghi nhớ.**

H.Đề nêu bật vẻ đẹp phong cách HCM t/g không sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào?

A.Kết hợp giữa kể, bình luận, chứng minh.

B.Sử dụng phép đối lập.

C.Sử dụng phép nói quá.

D.So sánh và sử dụng nhiều từ Hán Việt.

H:Nội dung văn bản Phong cách Hồ Chí Minh nói về vấn đề gì ?

A. Sự tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và lối sống giản dị của Bác.

B. Lối sống giản dị, thanh đạm và phong cách làm việc của Bác.

C. Phong cách sống và phong cách làm việc của Bác.

D. Sự tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và cách làm việc của Bác.

\*GV cho các nhóm thảo luận:

- Phát biểu ý kiến về một số hiện tượng trong lớp có các bạn ăn, mặc chạy theo một đua đòi hiện nay. ? Được học hiểu thêm về cách sống của Bác, em suy nghĩ gì về nhiệm vụ của thanh niên hiện nay?

**III. Ghi nhớ.****1. Nghệ thuật**

- Dẫn chứng chọn lọc, xác thực, lập luận chặt chẽ.

- Biện pháp đối lập, thủ pháp so sánh...

- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa kể và bình luận.

**2. Nội dung**

- Phong cách HCM là sự kết hợp giữa văn hoá dân tộc và tinh hoa VH nhân loại.

- Phong cách vừa mang vẻ đẹp của trí tuệ mang vẻ đẹp của đạo đức.

**3. Ý nghĩa.****HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP****- Mục tiêu:**

+ Giúp HS áp dụng thực hành và cảm thụ văn học thông qua viết bài.

+ Bước đầu biết kết hợp làm việc cá nhân và hợp tác qua kỹ thuật động não.

**- Thời gian:** 7- 10 phút.

**- Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình

**- Kỹ thuật:** kỹ thuật động não

<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Chuẩn KTKN cần đạt</b>
H. Hãy tìm một vài sự biểu hiện về lối sống có văn hoá trong cuộc sống hiện đại? H. Trước nhu cầu hội nhập quốc tế và khu vực chúng ta cần học tập ntn? Tiếp thu và gạt bỏ những gì? Học tập điều gì ở Bác trong công việc này?	+ HS thảo luận, trả lời, bổ sung. - Hội nhập – hợp tác → tích cực nhưng có định hướng và giữ bản sắc VH dân tộc. - Rèn tác phong, lối sống VH trong ăn mặc, nói năng... - Tích cực trau dồi vốn ngôn ngữ. - Tìm hiểu kỹ văn hoá truyền thống để giữ được bản sắc văn hoá riêng khi hoà nhập.
H. Nêu những nét khác nhau giữa văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ” và văn bản “ Phong cách Hồ Chí Minh” từ đó nêu cảm nghĩ của em về vẻ đẹp tâm hồn của Bác?	+ So sánh, đối chiếu, nêu suy nghĩ về phong cách HCM. - Văn bản: “Đức tính giản dị của Bác Hồ” chỉ trình bày những biểu hiện về lối sống giản dị của Bác. - Văn bản: “ Phong cách Hồ Chí Minh” nêu cả quá trình hình thành phong cách sống của Bác trên nhiều phương diện...và những biểu hiện của phong cách đó-> nét hiện đại và truyền thống trong phong cách của Bác; lối sống giản dị mà thanh cao; tâm hồn trong sáng và cao thượng...=> mang nét đẹp của thời đại và của dân tộc VN...

<p>H. Viết một bài văn ngắn (khoảng một trang giấy viết) nêu ý nghĩa của văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh” đối với việc hình thành phong cách sống của thế hệ trẻ trong thời đại ngày nay. thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của em về Bác sau khi học xong văn bản này? ( Nếu trên lớp không đủ thời gian GV yêu cầu trình bày miệng ,đoạn văn cho về nhà)</p>	<p>- Viết đoạn cá nhân, đọc trước lớp, cả lớp theo dõi, nhận xét. Nghe GV nhận xét bổ sung (Về nhà viết lại)</p>
---	--

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề,
- + **Kỹ thuật:** Động não,
- + **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em sau khi học văn bản?	

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

**- Phương pháp:** Dự án**- Kỹ thuật:** Giao việc**- Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Viết đoạn văn bày tỏ lòng yêu kính và biết ơn Bác.</li> <li>+ Sưu tầm thơ văn viết về Bác và hát theo đĩa nhạc Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người.</li> </ul>	

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ.**

Kể lại một câu chuyện mà em đã được học hay đọc về lối sống giản dị mà cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh

**2. Bài mới**

Các phương châm hội thoại.

GV gợi ý: - Ôn lại kiến thức lớp 8: hội thoại và lượt lời trong hội thoại.

-----



Tiết: 3 TIẾNG VIỆT	<b>CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI</b>	Ngày soạn: 6/9/2022 Ngày dạy:
-----------------------	----------------------------------	----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Nhận biết và phân tích được cách sử dụng phương châm về lượng, phương châm về chất trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

**2. Kỹ năng :**

- Vận dụng phương châm về lượng và phương châm về chất trong hoạt động giao tiếp .

**3. Thái độ**

- Thái độ đúng đắn trong việc sử dụng phương châm về lượng, về chất, kĩ năng sống thích ứng với hoàn cảnh, tình huống cụ thể.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Bảng phụ.
- Nghiên cứu SGK- SGK soạn bài,
- Chuẩn kiến thức kĩ năng, SGK,SGV, SBT.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Ôn lại kiến thức về hội thoại trong chương trình NV lớp 8.
- Xem trước bài học.

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ôn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 1 phút

<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Chuẩn KTKN cần đạt</b>
- GV nêu yêu cầu: Chương trình ngữ văn lớp 8 học kỳ II, các em đã học những nội dung gì về hội thoại? * Phương án trả lời: Về hội thoại, chương trình Ngữ văn lớp 8 học kì II chúng ta đã tìm hiểu và học 2 nội dung sau: - Khái niệm về vai xã hội trong hội thoại.	- HS tái hiện kiến thức cũ, trả lời. - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy. - Ghi tên bài

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm về lượt lời trong hội thoại.</li> <li>- Vậy hội thoại là gì ? Hội thoại là nói chuyện với nhau - theo từ điển Hán Việt của Phan văn Các</li> </ul> <p>* Gv chốt, chuyển: Trong giao tiếp ta thường nghe nói " nói phải ...nghe" hoặc "nói có sách ...".Đó chính là bài học kinh nghiệm, là lời khuyên cho mọi người khi giao tiếp. Để giúp chúng ta có thêm kinh nghiệm, sự hiểu biết trong vốn đối xử hàng ngày ta cùng tìm hiểu bài " Các phương châm hội thoại ".</p>	
---	--

## HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

### - Mục tiêu :

+Nắm được những hiểu biết cốt yếu về hai phương châm hội thoại: phương châm về lượng, phương châm về chất.

+ Biết vận dụng các phương châm về lượng, phương châm về chất trong hoạt động giao tiếp

- Thời gian dự kiến : 15- 17 phút

- Phương pháp : Đọc, vấn đáp, thuyết trình

- Kỹ thuật : Dạy học theo kỹ thuật động não.tia chớp

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p><b>H.Em hãy giải thích nghĩa của từ "phương châm "?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương châm là hướng phải theo để làm 1 công việc có kết quả.</li> <li>- Đọc, xác định vai xã hội , lượt lời</li> </ul> <p><b>*GV yêu cầu học sinh đọc ví dụ SGK: đọc to, rõ, mạch lạc.</b></p> <p><b>H: Xác định vai XH của An và Ba trong đoạn hội thoại?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- vai ngang hàng</li> </ul> <p><b>H.Boi nghĩa là gì?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Boi là di chuyển trong nước hoặc trên mặt nước bằng cử động của cơ thể.</li> </ul> <p><b>H.Vậy câu trả lời của Ba có mang đầy đủ nội dung mà An cần biết không? Vì sao?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu trả lời của Ba không mang đầy đủ nội dung An cần biết vì trong nghĩa của "boi" đã chứa nghĩa "ở dưới nước" điều mà An muốn biết là 1 địa điểm cụ thể</li> </ul> <p><b>H. Qua cuộc đối thoại giữa 2 người, em thấy: muốn cho người nghe hiểu thì người nói phải chú ý điều gì?</b></p> <p><b>*Nhận xét:</b> Khi giao tiếp, muốn cho người nghe hiểu thì người nói cần chú ý xem người nghe hỏi về cái gì? ntn? ở đâu?</p> <p>(GV yêu cầu trao đổi theo nhóm bàn, trả lời)</p>	<p><b>I. TÌM HIỂU BÀI</b></p> <p><b>1. Phương châm về lượng</b></p> <p><b>a. Ví dụ/sgk/ 8,9</b></p> <p><b>b. Nhận xét</b></p> <p><b>VD1: Đoạn đối thoại</b></p> <p>-&gt; khi giao tiếp cần nói cho có nội dung</p>

<p>*GV: Để hiểu rõ thêm mối quan hệ giữa người nói với người nghe trong phương châm về lượng chúng ta tìm hiểu thêm ví dụ 2.</p> <p><b>* GV gọi HS đọc truyện (VD2).</b>  <b>H.Yếu tố nào có tác dụng gây cười trong câu chuyện trên?</b>  + 1 HS đọc,  - Lượng thông tin thừa trong các câu trả lời của cả hai đối tượng giao tiếp.  (lợn cưới, áo mới)  -H: Bác có thấy con lợn chạy qua đây không?  -TL: Tôi không thấy.</p> <p><b>H: Theo em, anh có “ lợn cưới” và anh có “ áo mới” phải trả lời câu hỏi của nhau như thế nào là đủ?</b>  + Suy nghĩ, trả lời cá nhân  - Câu hỏi và câu trả lời của 2 nhân vật truyện có điều trái với những lời hỏi đáp bình thường ở chỗ cả 2 đều dùng thừa từ ngữ.</p> <p><b>H. Trong lời đối thoại, em thấy câu hỏi và câu trả lời của 2 nhân vật truyện có gì trái với những lời hỏi đáp bình thường?</b>  + Suy nghĩ, trả lời  - Khi giao tiếp cần nói cho đúng, đủ, không thừa, không thiếu.</p> <p><b>* GV chốt kiến thức: Trong hội thoại, muốn hỏi đáp cho chuẩn mực cần chú ý không hỏi thừa, trả lời thừa.</b>  <b>H. Từ câu chuyện “Lợn cưới áo mới” em rút ra kết luận gì khi giao tiếp?</b></p> <p><b>H.Vậy em hiểu ntn về việc tuân thủ phương châm về lượng trong giao tiếp?</b>  + Khái quát trả lời, HS khác bổ sung.  - HS đọc ghi nhớ 1sgk.  - Làm BT nhanh.  =&gt; Nội dung của lời nói phải đáp ứng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thừa và không thiếu.</p> <p><b>* GV khái quát, rút ghi nhớ, gọi đọc</b>  <b>- Làm bài tập nhanh, gọi trả lời nhanh.</b></p>	<p><b>VD2: Truyện Lợn cưới- áo mới.</b></p> <p><b>Ghi nhớ/T9</b></p> <p>-Bài học: Tuân Thủ phương châm về lượng trong giao tiếp là phải nói cho có nội dung, k<sup>0</sup> thiếu, k<sup>0</sup> thừa.</p>
---	---

**\* Gọi HS đọc truyện SGK 10**

**H. Truyện cười Việt Nam thường nhấn gửi ý nghĩa phê phán, đả kích. Truyện cười này nhằm phê phán thói xấu nào?**

+ Đọc, nghe.

- HS đọc và nghiên cứu ngữ liệu.

- Suy nghĩ, trả lời cá nhân.

- Yêu tố gây cười là quả bí khổng lồ( Cả 2 anh chàng trong truyện đều nói những điều mà ngay chính mình cũng không tin là có thật).

-> phê phán tính nói khoác

**GV. Đưa lí do không xác thực sẽ ảnh hưởng tới bạn và như vậy là nói dối.**

**H. Vậy trong giao tiếp có điều gì cần tránh ?**

**\*GV đưa ra tình huống :**

**H1. Nếu không biết chắc chắn một tuần nữa lớp mình tổ chức đi cắm trại thì em có thông báo với các bạn cùng lớp không ? Vì sao ?**

+ Suy nghĩ, lí giải tình huống.

- Không → Vì nếu có thay đổi → ảnh hưởng đến các bạn.

**H2. Nếu không biết chắc chắn bạn mình vì sao nghỉ học thì em có trả lời với thầy cô là bạn ấy nghỉ học vì bị ốm không ?**

+ Gây hậu quả không tốt →. sẽ làm sai sự thật dẫn tới hiểu lầm; tự mình sẽ làm mất lòng tin, danh dự của bản thân.

**H3. Trong thực tế đã bao giờ em nói những điều mà không có bằng chứng xác thực chưa ? Nếu nói như vậy sẽ gây hậu quả gì ?**

+ Đưa ra những ý kiến khác nhau

**H. Em hiểu phương châm về chất là ntn ?**

**\* GV khái quát, rút ghi nhớ, gọi đọc ghi nhớ?**

## 2. Phương châm về lượng

**a. Ví dụ/sgk/9**

**b. Nhận xét.**

**Truyện “Quả bí khổng lồ”.**

- Trong giao tiếp không nên nói những điều mà mình tin là không đúng sự thật.

**Ghi nhớ 2/10.**

- Trong giao tiếp đừng nói những điều mà mình tin là không đúng sự thật.

- Trong giao tiếp đừng nói những điều mà mình không có bằng chứng xác thực

**II. GHI NHỚ/SGK/ 9.10**

\* GV củng cố kiến thức bài học bằng BTTN từ câu 18-20/SBTTN/16-17

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

#### - Mục tiêu:

+ Giúp HS thực hành, luyện tập nhận biết, xác định được nội dung phương châm về lượng, phương châm về chất.

+ Biết vận dụng các phương châm về lượng, phương châm về chất trong hoạt động giao tiếp

- Thời gian: 15 phút.

- Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

- Kỹ thuật: thảo luận nhóm, động não, tia chớp.

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>* GV hướng dẫn HS làm BT 1/10. H. Gọi đọc, nêu yêu cầu BT 1, gọi trả lời ?</p> <p>*GV gọi đọc, gọi điền nhanh trên bảng phụ , GV sửa chữa.</p> <p>* Gọi đọc, nêu yêu cầu BT3 ? - GV gọi trả lời, GV chữa</p> <p>* Gọi đọc, nêu yêu cầu BT4 ? - GV chia làm 4 nhóm thảo luận theo 2 phần, gọi đại diện trả lời, gọi nhận xét, GV sửa.</p> <p>* GV cho HS thảo luận nhóm,</p>	<p>+1 HS đọc, nêu yêu cầu, trả lời cá nhân, nhận xét, cả lớp làm vào vở. - 2 câu đều mắc một loại lỗi đó là sử dụng từ ngữ trùng lặp, thêm từ ngữ mà không thêm phần nội dung. a. Thừa cụm từ “<b>nuôi ở nhà</b>” vì từ “<b>gia súc</b>” đã hàm chứa nghĩa là thú nuôi trong nhà. b. Thừa cụm từ “<b>có 2 cánh</b>” vì tất cả các loài chim đều có 2 cánh. + Đọc, suy nghĩ, cá nhân lên bảng điền nhanh, cả lớp theo dõi nhận xét. a/ Điền: Nói có căn cứ...<b>nói có sách, mách có chứng.</b> b/ Nói sai sự thật...<b>nói dối.</b> c/ Nói một cách hú hoạ...<b>nói mò.</b> d/ Nói nhằm nhí...<b>nói nhăng nói cuội.</b> e/ Nói khoác lác,...<b>nói trắng.</b> =&gt; Những cách nói trên liên quan đến phương châm về chất. Câu a: tuân thủ, câu b, c, d, e vi phạm phương châm hội thoại về chất + Đọc, suy nghĩ, xác định yêu cầu. Các bàn trao đổi, tìm phương án trả lời. - Luyện không tuân thủ yêu cầu của phương châm về lượng. - Thừa cụm từ làm câu hỏi: “<b>Rồi có nuôi được không?</b>” -HS đọc, nêu yêu cầu, thảo luận theo 4 nhóm theo 2 dãy bàn, trả lời, nhận xét, bổ sung. - đôi khi người nói phải dùng các cách diễn đạt sau: a. <b>như tôi được biết</b>...vì khi giao tiếp để đảm bảo tuân thủ phương châm về chất, người nói phải diễn đạt như vậy nhằm báo cho người nghe biết là: tính xác thực của nhận định và thông báo đó chưa được kiểm chứng. b. <b>như tôi đã trình bày</b>...<b>nhằm để nhấn mạnh hay để chuyển ý, dẫn ý, người nói cần nhắc lại một nội dung nào đó hay giả định là mọi người được biết.</b> Khi đó để đảm bảo phương châm về lượng người nói phải dùng những cách trên để báo cho người nghe biết việc nhắc lại nội dung đã cũ là chủ ý của người nói. + HS thảo luận nhóm, mỗi bàn 1 thành ngữ, trình bày , nhận</p>

mỗi bàn 1 thành ngữ, gọi trình bày, nhận xét, GV sửa chữa cho đúng -> tất cả đều chỉ những cách nói, nội dung nói không tuân thủ phương châm về chất, chỉ những điều tối kị trong giao tiếp mọi người( nhất là HS) cần tránh	xét, bỏ sung + <b>Ăn đơm nói đặt</b> : vu khống, đặt điều, bịa chuyện cho người khác. + <b>Ăn ốc nói mò</b> : nói không có căn cứ. + <b>Ăn không nói có</b> : vu khống, bịa đặt. + <b>Cãi chày cãi cối</b> :cố tranh cãi nhưng không có lí lẽ xác đáng. + <b>Khua môi múa mép</b> : nói năng ba hoa, khoác lác, phô trương. + <b>Nói dối nói chuột</b> : nói lảng nhãng, linh tinh, không xác thực. + <b>Hứa hươu hứa vượn</b> : hứa để được lòng rồi không thực hiện lời hứa. (Hứa một cách vô trách nhiệm, mang màu sắc sự lừa đảo.)
---	---

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề,
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
1. Câu văn : “ Gà là loài gia cầm có giá trị kinh tế nuôi ở nhà” mắc lỗi vi phạm phương châm hội thoại nào ? A. PC về lượng                      B. PC về chất C. Không vi phạm PC hội thoại. 2. Người nói dùng cách diễn đạt : như chúng ta đã rõ, như các bạn đã biết, ... là muốn tuân thủ PCHT nào ? A. PC về lượng B. PC về chất C. Cả 2 PC về lượng và về chất D. Không theo PC nào.	- Thực hiện

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo
- **Phương pháp:** Dự án
- **Kỹ thuật:** Giao việc
- **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập -HD: Tìm hiểu nghĩa gốc và nghĩa chuyển của các thành ngữ và rút ra bài học trong	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

giao tiếp.	
------------	--

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ**

- + Học thuộc các phương châm hội thoại: về lượng, về chất.
- + Hoàn chỉnh các bài tập trên và làm bài tập 5.

**2. Bài mới**

- + Xem và soạn bài: Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.
- Chuẩn bị tiết 4,5: Đọc và tìm hiểu ngữ liệu; ôn lại lí thuyết văn thuyết minh trong chương trình Ngữ văn lớp 8

Tiết: 4 TẬP LÀM VĂN	<b>SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH</b>	Ngày soạn: 6/9/2022 Ngày dạy:
------------------------	--	----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Nhận ra các BPNT được sử dụng trong văn bản thuyết minh.

**2. Kỹ năng :**

- Vận dụng các BPNT khi viết văn thuyết minh.

**3. Thái độ**

- Lòng yêu quý, tự hào và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Bảng phụ, phiếu học tập, tư liệu ngữ văn.
- Chuẩn kiến thức, kĩ năng, sách tham khảo.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài.
- Chuẩn bị phiếu học tập, sách BT, BTTN

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ổn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

- Em đã được học những kiểu văn bản nào? Trong các kiểu văn bản ấy loại văn bản nào cung cấp tri thức bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích...

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- GV thuyết trình: Văn bản thuyết minh là loại văn bản trình bày, giới thiệu đã đưa vào giảng dạy trong chương trình THCS ở cả 4 khối lớp theo 2 vòng đồng quy. Để chúng ta có những hiểu biết sâu hơn về văn thuyết minh. Tiết này ta đi vào tìm hiểu tiếp về các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản thuyết minh. - Ghi tên bài	HS hình dung và cảm nhận

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****- Mục tiêu :**

- + Văn bản thuyết minh và các phương pháp thuyết minh thường dùng.
- + Vai trò của các biện pháp nghệ thuật trong bài văn thuyết minh.
- + Nhận ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các văn bản thuyết minh.
- + Vận dụng các biện pháp nghệ thuật khi viết văn thuyết minh.
- + Biết kết hợp làm việc cá nhân và hợp tác qua kỹ thuật động não, dùng phiếu học tập.

**- Thời gian dự kiến : 15- 17 phút**

**- Phương pháp :** Đọc, vấn đáp, thuyết trình: Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

**- Kỹ thuật :** Dạy học theo kỹ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p><b>H. Văn bản thuyết minh là gì, có đặc điểm ra sao?</b></p> <p><b>H.Mục đích của văn bản thuyết minh là gì? (Khi nào cần dùng yếu tố thuyết minh)</b></p> <p><b>H.Trong văn bản thuyết minh người ta thường vận dụng những phương pháp nào?</b>  <b>H: Các kiểu bài văn thuyết minh đã học?</b>            * GV chốt: Ngoài phạm vi các kiến thức đã học, tiết học hôm nay ta sẽ được trang bị các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.</p>	<p><b>I. TÌM HIỂU BÀI</b>  <b>Tìm hiểu một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh</b>  <b>1. Ôn tập kiến thức về văn bản thuyết minh:</b>            a. Khái niệm:            Là loại văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực nhằm cung cấp đặc điểm, tính chất, nguyên nhân, cách làm... của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên và xã hội bằng phương pháp phân tích: trình bày, giải thích, giới thiệu...            b. Mục đích:            Cung cấp tri thức (hiểu biết) khách quan về các sự việc, hiện tượng, vấn đề... được chọn làm đối tượng thuyết minh.            c. Phương pháp:            Khi thuyết minh, người ta có thể sử dụng các phương pháp như:            - Nêu định nghĩa            - Dùng ví dụ minh họa            - Liệt kê            - Phân tích, phân loại            - Dùng số liệu</p>



<p><b>H.Văn bản "Hạ .... nước " thuyết minh đặc điểm gì của đối tượng? Em biết gì về vịnh Hạ Long?</b>          - Đối tượng thuyết minh: Đá và nước Hạ Long(Vẻ đẹp hấp dẫn, kì diệu)</p> <p><b>H.Theo em, văn bản này thuyết minh vấn đề gì? Vấn đề ấy có khó không? Tại sao?</b>          - <b>Đặc điểm thuyết minh:</b> Sự kì lạ của đá và nước Hạ Long          → là vấn đề khó thuyết minh vì :          - Đối tượng thuyết minh rất trừu tượng (giống như trí tuệ, tâm hồn, tình cảm, đạo đức ...)</p> <p><b>* GV giảng giải để HS hiểu</b>          - <b>Thuyết minh đối tượng này người viết đã truyền sức sống vào các vật vô tri nhằm truyền cảm xúc tình cảm và sự thích thú tới người đọc.</b>          - Ngoài việc thuyết minh về đối tượng, còn phải truyền được cảm xúc và sự thích thú tới người đọc.</p> <p><b>H.Hãy nêu 1 số vấn đề thuyết minh mà em cho là trừu tượng?</b>          - Một lối sống, một tính cách, nét đẹp về văn hoá ...</p> <p><b>H. Để thuyết minh đặc điểm sự kì lạ của Hạ Long là vô tận chỉ dùng 1 phương pháp thuyết minh đã học thì có được không ?</b>          Nếu chỉ dùng 1 phương pháp thuyết minh đã học thì không thể làm nổi bật sự kỳ lạ của Hạ Long .          → Vấn đề sự kỳ lạ của nước và đá Hạ Long là vô tận được tác giả thuyết minh bằng cách kết hợp các biện pháp nghệ thuật như : Miêu tả, so sánh...</p> <p><b>H.Vấn đề sự kỳ lạ của nước và đá Hạ Long là vô tận được t/g thuyết minh bằng cách nào? Câu văn nào thể hiện?</b>          *Câu văn thể hiện:          + Bắt đầu bằng sự miêu tả sinh động: "Chính Nước làm cho Đá sống dậy, làm cho Đá vốn bất động và vô tri bỗng trở nên linh hoạt, có thể động đến vô tận và có tri giác, có tâm hồn."          +Tiếp theo là thuyết minh (giải thích) vai trò của nước:</p>	<p>- So sánh...</p> <p><b>2. Viết văn bản thuyết minh có sử dụng các biện pháp nghệ thuật.</b>  <b>a. Ví dụ/sgk/12</b>  <b>Văn bản: Hạ Long- Đá và Nước.</b>  <b>b. Nhận xét</b>          - Đối tượng thuyết minh:          - Đặc điểm thuyết minh:</p> <p>=&gt; Đối tượng thuyết minh rất trừu tượng. Nó giống như trí tuệ, tâm hồn, tình cảm của một con người.</p>
---	---

<p>"Nước tạo nên sự di chuyển. Và di chuyển bằng mọi cách".</p> <p>+ Tiếp theo là phân tích những nghịch lý trong thiên nhiên: sự sống của đá và nước, sự thông minh của thiên nhiên ..</p> <p>+ Cuối cùng là một triết lý: "Trên thế gian này, chẳng có gì là vô tri cả. Cho đến cả Đá".</p> <p>-“ Chính nước ... có tâm hồn”</p> <p>-&gt; t/g sử dụng trí tưởng tượng độc đáo, sự liên tưởng phong phú, nhân hoá, giải thích vai trò của nước.</p> <p>* GV: Song nếu chỉ sử dụng các phương pháp thuyết minh thì chưa thể nêu được sự kì lạ của Hạ Long.</p> <p><b>H:Vậy để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng, người viết đã dùng yếu tố nghệ thuật nào? Tác dụng của các yếu tố nghệ thuật đó?</b></p> <p>*Đặc điểm:</p> <p>+ Nước tạo nên sự di chuyển và khả năng di chuyển theo mọi cách tạo nên sự thú vị của cảnh sắc.</p> <p>+ Tuỳ theo góc độ và tốc độ di chuyển của du khách, tuỳ theo cả hướng ánh sáng rọi vào các đảo đá mà thiên nhiên tạo nên thế giới sống động, biến hoá đến lạ lùng ...</p> <p>*GVHDHS thấy: Sau mỗi thay đổi góc độ quan sát, tốc độ di chuyển, ánh sáng phản chiếu ... là sự m. tả những biến đổi của h/a đảo đá, biến chúng từ những vật vô tri vô giác thành vật sống động, có hồn.</p> <p><b>H.Muốn cho vb thuyết minh được sinh động, hấp dẫn, người ta sử dụng thêm 1 số BPNT gì?</b></p> <p>=&gt;T/g có trí tưởng tượng phong phú , nhờ đó mà vb thuyết minh có tính thuyết phục cao.</p> <p><b>*Độc ghi nhớ/13</b></p> <p><b>H.Qua việc Tập hiểu văn bản Hạ Long- Đổ và Nước, em rút ra được những điểm gì cần ghi nhớ về cách sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong một văn bản thuyết minh?</b></p> <p>+ HS rút ra kết luận cần ghi nhớ về cách sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong một văn bản thuyết minh</p> <p><b>GV Chú ý : Không tùy tiện sử dụng các biện pháp nghệ thuật chỉ nên dùng khi tạo lập các văn bản TM mang tính phổ cập có tính chất tuyên truyền cho một phong trào, một hoạt động nào đó hoặc VB có tính chất văn học</b></p>	<p style="text-align: right;"><b>II. GHI NHỚ/SGK/ 13</b></p>
--	--

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

- Mục tiêu:

- + Văn bản thuyết minh và các phương pháp thuyết minh thường dùng.
- + Vai trò của các biện pháp nghệ thuật trong bài văn thuyết minh.
- + Nhận ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các văn bản thuyết minh.
- **Thời gian:** 7- 10 phút.
- **Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...
- **Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>* GV yêu cầu HS đọc văn bản “ Ngọc Hoàng xử tội ruồi xanh”.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc lại câu hỏi:</p> <p>- GV gợi ý cho các em thảo luận. Gọi đại diện trình bày, nhận xét, bổ sung, cho điểm</p> <p>H. Văn bản có tính chất của bài văn thuyết minh không? Tại sao?</p> <p>H. Nêu đặc biệt của bài văn thuyết minh này ở chỗ nào?</p> <p>H. Những phương pháp thuyết minh nào được sử dụng ?</p> <p>H. Trong bài viết tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật ấy?</p>	<p><b>1/ Bài tập 1: Ngọc Hoàng xử tội Ruồi xanh.</b></p> <p>+ Bài viết là một văn bản thuyết minh vì: Nó cung cấp cho người đọc một thông tin khách quan, hữu ích về loài ruồi.</p> <p>+ <b>Đối tượng:</b> Giới thiệu loài ruồi → nguyên nhân gây bệnh → phòng chống.</p> <p>+ <b>Đặc điểm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể loại: Truyện ngắn – truyện vui.</li> <li>- <b>Tính chất thuyết minh</b> thể hiện ở việc giới thiệu các loài ruồi một cách hệ thống : những tính chất chung về họ hàng , giống loài, các tập tính sinh sống, sinh đẻ, đặc điểm cơ thể, cung cấp kiến thức chung đáng tin cậy về loài ruồi, thức tỉnh ý thức giữ gìn vệ sinh phòng bệnh, ý thức diệt ruồi.</li> </ul> <p>* <b>Nét đặc biệt</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về hình thức: giống văn bản tường thuật một phiên tòa.</li> <li>- Về cấu trúc: giống biên bản một cuộc tranh luận về mặt phòp lý.</li> <li>- Về nội dung: giống như một câu chuyện kể về loài ruồi.</li> </ul> <p>*<b>Các PP thuyết minh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Phương pháp nêu định nghĩa : ruồi thuộc họ côn trùng, mắt lưới</li> <li>-PP phân loại : các loài ruồi</li> <li>-PP dùng số liệu : số vi khuẩn, số lượng sinh sản của một cặp</li> <li>- PP liệt kê : các tội của ruồi, nét đặc biệt của ruồi</li> </ul> <p>* <b>Các BPNT:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kể chuyện:</b> → Nhân vật - đối thoại giữa các nhân vật qua một phiên tòa. → Cách xây dựng nhân vật, tình tiết truyện.</li> <li>- <b>Nhân hoá:</b> =&gt; Tác dụng: Gây hứng thú hấp dẫn, dễ tiếp nhận đối với mọi đối tượng, phù hợp với lứa tuổi. Mang tính phổ cập kiến thức cao có lợi cho việc tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khoẻ con người.</li> </ul>

<p>* Gọi đọc bài tập, nêu yêu cầu → làm tập trung trên lớp. Gv sửa chữa cụ thể. H. Đoạn văn này thuyết minh điều gì? Biện pháp nghệ thuật được sử dụng để thuyết minh trong đoạn văn là gì?</p>	<p><b>2. Bài 2:</b> <b>Tìm hiểu các biện pháp nghệ thuật dùng để thuyết minh.</b> <b>a/ Đối tượng:</b> Thuyết minh về tập quán sinh sống của chim có dưới dạng một nhận định là sự ngộ nhận. <b>b/ Phương pháp :</b> Giải thích – nêu định nghĩa. - Giải thích về hai thời kì của một nhận định: + Thời thơ ấu: Có những ngộ nhận mang định kiến sai lầm về loài có. + Thời trưởng thành: nhận ra sự nhầm lẫn của tuổi thơ, đánh giá lại tập quán sinh sống của loài có theo hướng tích cực. <b>c/ BPNT:</b> Đối lập – tương hỗ, lấy sự ngộ nhận từ thời nhỏ làm đầu mối cho câu chuyện. <b>d/ Tác dụng:</b> dễ tiếp nhận, dễ nhớ, hấp dẫn.</p>
---	---

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Tập viết một đoạn văn thuyết minh một vật dụng trong gia đình có sử dụng các BPNT.	- Thực hiện ở nhà

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo
- **Phương pháp:** Dự án
- **Kỹ thuật:** Giao việc
- **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập Tập viết một đoạn văn thuyết minh một vật dụng trong gia đình có sử dụng các BPNT.	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ**

Học thuộc nắm chắc nội dung 2 phần Ghi nhớ.

Làm lại các bài tập vào vở BT.

**2. Bài mới.**

Đọc, suy nghĩ tự trả lời các câu hỏi vào vở soạn trong bài :

Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

- + Đọc và nghiên cứu kĩ mục I sgk – 15
- + Lập dàn ý đề văn thuyết minh về chiếc nón lá Việt Nam
- + Viết phần Mở bài có sử dụng biện pháp nghệ thuật

Tiết:5 TẬP LÀM VĂN	<b>LUYỆN TẬP SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH</b>	Ngày soạn: 7/9/2022 Ngày dạy:
-----------------------	--	----------------------------------

## I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

### 1. Kiến thức :

- Xác định yêu cầu của đề bài TM về một thứ đồ dùng cụ thể.

### 2. Kỹ năng :

- Lập dàn ý chi tiết và viết phần mở bài cho bài văn TM về một thứ đồ dùng cụ thể có sử dụng một số BPNT .

### 3. Thái độ.

- Lòng yêu quý, tự hào và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

### 4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

#### a. Các phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

#### b. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

#### c. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

## II – CHUẨN BỊ

### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập, tư liệu ngữ văn.
- Chuẩn kiến thức, kĩ năng, sách tham khảo.
- Một số mô hình trực quan: cái kẹo, cái lược, chiếc nón....

### 2. Chuẩn bị của học sinh

- Đọc trước bài, suy nghĩ và tự trả lời các câu hỏi của bài học vào soạn bài, tìm hiểu ngữ liệu.
- Mỗi tổ quan sát chuẩn bị nội dung thuyết minh về một đối tượng sau:
- Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài.
- Chuẩn bị phiếu học tập, sách BT, BTTN

## III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

### \* Bước 1: Ổn định tổ chức

### \* Bước 2: Kiểm tra bài cũ

- ?. Muốn cho văn bản thuyết minh sinh động, hấp dẫn người ta phải làm gỡ?
- ?. Việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật trong một văn bản thuyết minh có tác dụng gỡ?
- ? GV đưa một đoạn văn thuyết minh trong đó có sử dụng biện pháp nghệ thuật
- Yêu cầu HS xác định các biện pháp nghệ thuật và nêu tác dụng của nó.

### \* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

## HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV thuyết trình: Giờ trước, tiết trước chúng ta đã được trang bị thềm kiến thức về một số biện pháp nghệ thuật trong một văn bản thuyết minh. GV đó ra yêu cầu và nội dung chuẩn bị bài ở nhà cho cả 4 tổ. Tiết học hôm nay là tiết thực hành, luyện tập.</li> <li>- Ghi tên bài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe</li> <li>- HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.</li> <li>- Ghi tên bài</li> </ul>

### HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- **Mục tiêu :** Củng cố, nhắc lại nội dung đã chuẩn bị
- **Thời gian dự kiến :** 5 phút
- **Phương pháp :** vấn đáp
- **Kĩ thuật :** động não, tia chớp

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>* <b>Bước 1.</b> Nêu yêu cầu</p> <p><b>H. Nêu yêu cầu tiết luyện tập? ( Nội dung)</b></p> <p><b>H.Theo em cái chung của các đối tượng nêu ra trong các nhóm được phân công là gì?</b></p> <p>* GV khái quát kiến thức và chuyển ý.</p> <p><b>a.Về nội dung:</b> phải nêu được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công dụng</li> <li>- Cấu tạo</li> <li>- Chúng loại</li> <li>- Cách bảo quản, sử dụng</li> <li>- Lịch sử phát triển (nếu có)</li> </ul> <p><b>b. Về hình thức:</b></p> <p>Phải biết vận dụng các biện pháp nghệ thuật thuyết minh đúng lúc, đúng chỗ cho bài văn sinh động.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Kể chuyện(nguồn gốc ra đời)</li> <li>-Tự thuật(công dụng, cấu tạo).</li> <li>- Hỏi đáp theo lối nhân hoá( giới thiệu về chúng loại)</li> </ul> <p>* <b>Bước 2. Kiểm tra sự chuẩn bị</b></p> <p>GV cho cả lớp thảo luận : nhận xét, bổ sung , sửa chữa dàn ý của các nhóm đã trình bày theo các câu hỏi, Gv cùng HS xây dựng dàn ý chi tiết cho từng đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dàn ý bài văn thuyết minh đã đảm bảo đủ 3 phần chưa ?</li> <li>- Phần MB, TB, KB đã thực hiện đúng nhiệm vụ của từng phần chưa ? Đã đầy đủ chi tiết chưa ? Có cần bổ sung điều gì không ?</li> </ul>	<p><b>I. TÌM HIỂU BÀI</b></p> <p><b>1. Yêu cầu: Đặc điểm chung của các đối tượng.</b></p> <p><b>a.Về nội dung:</b></p> <p><b>b. Về hình thức:</b></p> <p><b>2. Chuẩn bị.</b></p>

- Cách sử dụng các biện pháp nghệ thuật như dự kiến của các nhóm có được không ?	<b>II. GHI NHỚ /SGK/</b>
--	--------------------------

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP****- Mục tiêu:**

- + Cách làm bài thuyết minh về một thứ đồ dùng (cái quạt, cái bút, cái kéo...)
- + Nhận ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các văn bản thuyết minh.
- + Vận dụng các biện pháp nghệ thuật khi viết văn thuyết minh.
- + Biết kết hợp làm việc cá nhân và hợp tác qua kỹ thuật động não, dùng phiếu học tập.

**- Thời gian:** 20-25 phút.

**- Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

**- Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Chuẩn KTKN cần đạt</b>
<p>* GV định hướng đề 1. H. Với đề bài này nếu muốn lập dàn ý cho văn TM ta cần phải tiến hành các bước ntn? H. Bố cục bài T.L.V.T.Minh gồm có mấy phần là những phần nào? H Với một bố cục dạng đại cương mang tính lí thuyết em dự kiến sẽ chọn BPNT nào? Sử dụng ntn? * GV cho HS thảo luận. - Các tổ nêu ý kiến → GV yêu cầu mỗi tổ viết chung một dàn bài cụ thể chi tiết lên giấy trong (bảng phụ) trình bày, tổ khác nhận xét, GV sửa chữa cùng HS lập dàn ý chung. * GV cung cấp dàn ý, yêu cầu HS viết đoạn mở bài, kết bài, 1 ý thân bài.GV cùng HS chữa cách viết đoạn</p>	<p><b>2. Bài 2.</b> <b>a. Đề 1.</b> <b>Cái quạt trong đời sống của con người.</b> <b>*Tìm hiểu đề:</b> - <b>Nội dung:</b> Cần thuyết minh về công dụng, cấu tạo... - <b>Về hình thức:</b> xác định kiểu bài? Bố cục, những quy định cho mỗi phần. - Gồm 3 phần nêu cụ thể những nội dung của từng phần. -BPNT nhân hoá - tưởng tượng. - Có thể cho cái quạt đại diện cho họ hàng nhà quạt tự kể chuyện về mình theo bố cục <b>* Bố cục :</b></p>
<b>DÀN Ý</b>	
<p><b>1. Mở bài:</b> - Nhân hoá cái quạt → tự xưng – giới thiệu khái quát về họ hàng mình. - Giới thiệu tên gọi – Là dụng cụ quen thuộc, hữu ích. - Khi thời tiết nóng nực → mọi người tìm đến chúng tôi.</p> <p><b>2. Thân bài:</b> + <b>Nguồn gốc:</b> Có từ rất xa xưa khi loài người cảm nhận được sức nóng của mặt trời... - Cùng với sự phát triển của KHKT họ nhà quạt càng đông đúc... + <b>Các chủng loại:</b> Có 3 dòng họ lớn - Quạt tay - Quạt điện - Quạt kéo; gió. + <b>Cấu tạo, công dụng :</b> - Quạt giấy, quạt nan, quạt mo. - Làm từ tre, giấy, phảm màu hoặc mo cau, mo dừa bằng thủ công. - Có nhiều hình dáng, cách trang trí, tiện dùng. - Cấu tạo các loại quạt khác nhau. - Quạt giấy xoè ra, gấp vào nhỏ, gọn, - Quạt điện -&gt; quay bằng động cơ điện. - Quạt bàn hình dáng nhỏ, gọn đặt ở mọi vị trí.</p>	

<p>- Quạt cây : cao lênhên khênh thường có mặt nơi phòng khách, công sở. Các bác quạt trần, cô quạt treo, cậu quạt gió.</p> <p>+ <b>Cách bảo quản :</b></p> <p>- Quạt tay : đơn giản, giữ gìn cẩn thận, không làm rách nát.</p> <p>- Quạt điện, gió : định kì lau dầu động cơ.</p> <p>+ <b>Giá thành ntn?</b></p> <p><b>3. Kết luận:</b></p> <p>- Khẳng định giá trị của các loại quạt.</p> <p>- Có ý thức khi sử dụng, bảo quản, để dùng được lâu, bền và có ý thức tiết kiệm điện.</p>	
<p><b>VÍ DỤ.</b></p>	
<p><b>VD : MB :</b> Tôi là chiếc quạt. họ hàng nhà quạt chúng tôi được con người biết đến và sử dụng chính là một dụng cụ để tạo ra gió cho con người.</p> <p><b>TB:</b> - Đơn giản nhất là chiếc quạt mo. chỉ cần có một chiếc mo cau được cắt gọt thành. Hiện đại nhất là anh quạt điện: vừa được cắm điện, cánh tay anh ta đã quay tít sản ra một luồng gió mạnh, yếu do điều khiển của con người.</p> <p>Quạt điện cũng có rất nhiều loại: quạt trần, điện, bàn, cây, treo tường. Mỗi loại lại có kích thước to, nhỏ khác nhau. Quạt được sinh ra từ nhiều nhà máy khác nhau như quạt Phong Lan, quạt điện cơ.. và cả những loại hiện đại do nước ngoài sản xuất.</p> <p>- Mỗi loại quạt có ích lợi, cách sử dụng riêng. quạt mo, quạt nan, quạt giấy... phải sử dụng bằng sức của bàn tay, công sức mới tạo ra gió nhưng lại rất thuận tiện, có thể mang đi bất cứ đâu cũng sử dụng được, thậm chí còn sử dụng để che nắng, che mưa, xua ruồi muỗi, đề thơ ki niệm, vẽ tranh... Quạt điện tuy không mất công sức để tạo ra gió nhưng muốn sử dụng được phải có điện cho nên chỉ sử dụng được ở những nơi có điện mà thôi.</p> <p><b>KB:</b> Tuy giá trị vật chất của chiếc quạt không lớn nhưng nó rất có ích cho con người, giúp cho con người mát mẻ dễ chịu trong những ngày nóng nực, oi bức, giúp cho những máy vận hành tốt, thông gió cho những phân xưởng ngột ngạt... Với vai trò của mình, chiếc quạt mãi mãi là người bạn thân thiết của con người.</p>	
<p>*GV cung cấp đề văn , yêu cầu HS lập dàn bài, viết đoạn văn, gọi đọc theo nhóm, bình cách viết đoạn.</p> <p>- GV sửa chữa cách viết đoạn</p>	<p><b>b. Đề 2. Viết bài văn thuyết minh về chiếc nón lá Việt Nam .</b></p> <p>+ HS quan sát, lập dàn ý theo 4 nhóm, đại diện trình bày, nhận xét.</p> <p>- Viết cá nhân, đọc trước lớp, cả lớp nghe, bình ngắ, theo dõi GV sửa.</p>
<p>* <b>DÀN Ý:</b></p> <p>* <b>Mở bài:</b> Giới thiệu chung về chiếc nón: là vật dụng quen thuộc của người phụ nữ VN truyền thống.</p> <p>* <b>Thân bài:</b></p> <p>- Lịch sử chiếc nón.</p> <p>- Tác dụng của nón:</p> <p>+ Nón dùng để che nắng, che mưa, rất tiện lợi trong đời sống.</p> <p>+ Tôn thêm vẻ đẹp duyên dáng cho người phụ nữ.</p> <p>- Cấu tạo của chiếc nón.</p> <p>+ Nón Bắc ngày xưa tròn phẳng như cái mâm, ngoài cùng có đường thành nhô cao. Sau này, nón được thay đổi hình dáng, có hình chóp nhọn và trở thành phổ biến.</p> <p>+ Định hình cho nón là khung nón gồm nhiều vành tre chót nhỏ, mỏng, dễ uốn.</p> <p>+ Quai nón có tác dụng giữ cho nón cân bằng và chắc.</p> <p>- Qui trình làm ra chiếc nón.</p> <p>+ Chọn tre cật cỡ thật nhỏ, thật mượt, kết thành nhiều vành lớn nhỏ khác nhau, có định khung nón theo hình chóp nhọn.</p>	



<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Lá nón được phơi khô, là phẳng nhẹ và trắng nõn, xếp đều dưới từng lớp một lên khung nón và khâu bằng những sợi móc, sợi dứa hoặc sợi cước trong suốt, mảnh mà chắc.</li> <li>+ Cách khâu : khâu từ đỉnh rồi mới khâu xuống các vành nón. Đường khâu phải đều đặn, tỉ mỉ, kín đáo.</li> <li>+ Lòng nón được trang trí hoa văn đẹp mắt, hoặc kết chỉ màu, thêu hình giữa hai lớp lá mỏng</li> <li>+ Cuối cùng là buộc quai nón</li> <li>- Giá trị kinh tế, văn hoá, nghệ thuật của chiếc nón.</li> </ul> <p><b>*Kết bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm nghĩ chung về chiếc nón đối với đời sống hiện tại và tương lai.</li> </ul>
--

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Viết đoạn văn thuyết minh về đối tượng chia theo tổ	- Thực hiện ở nhà

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

**- Phương pháp:** Dự án**- Kỹ thuật:** Giao việc**- Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập Viết lại một đoạn văn thuyết minh về đối tượng mà tổ, nhóm phân công	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ**

Lập dàn ý chi tiết cho các đề còn lại.

**2 Bài mới:**

Soạn văn bản: Đấu tranh cho một thế giới hoà bình.

- +Tác giả
- + Từ khó 1,3,5
- + Trả lời câu hỏi sgk – 20
- + Vẽ tranh chủ đề về hòa bình

Tiết: 6-7 VĂN BẢN	<b>ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH</b> <b>G.G. Mác - kết</b>	Ngày soạn: 11/9/2022 Ngày dạy:
----------------------	---	-----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Đọc hiểu văn bản nhật dụng bàn luận về một vấn đề liên quan đến nhiệm vụ đấu tranh vì hoà bình của nhân loại.

**2. Kỹ năng :**

- Đọc hiểu văn bản nhật dụng bàn luận về một vấn đề liên quan đến nhiệm vụ đấu tranh vì hoà bình của nhân loại.

**3. Thái độ:**

- Lòng yêu chuộng hoà bình, thái độ phản ứng chiến tranh.

**4. Tích hợp giáo dục ANQP:**

- Lấy ví dụ về mức độ tàn phá của chiến tranh, của bom nguyên tử

- Tinh thần căm thù chiến tranh, yêu chuộng hoà bình.

**5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Nghiên cứu SGK- SGK soạn giáo án điện tử, tư liệu về nhà văn, về tác phẩm, phiếu học tập, BP, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Học bài cũ, soạn bài mới, trả lời những câu hỏi trong SGK, tìm hiểu những tư liệu về chiến tranh, xung đột vũ trang đang diễn ra trên thế giới.

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC**

\* **Bước 1: Ôn định tổ chức**

\* **Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

\* **Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

- **Kĩ thuật:** Động não.

- **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>- GV thuyết trình: Chiến tranh và hoà bình là vấn đề được quan tâm hàng đầu của nhân loại vì nó quan hệ đến cuộc sống và sinh mạng của con người. Từ sau chiến tranh thế giới thứ II, nguy cơ chiến tranh vẫn còn tiềm ẩn, đặc biệt là vũ khí hạt nhân được phát triển mạnh đã trở thành hiểm hoạ khủng khiếp nhất, đe dọa loài người và sự sống trên trái đất. Xung đột và chiến tranh vẫn hàng ngày diễn ra ở nhiều nơi, nhiều khu vực trên thế giới. Vì vậy, nhận thức đúng về nguy cơ chiến tranh và tham gia vào cuộc đấu tranh cho hoà bình là yêu cầu đặt ra cho mỗi công dân. Để hiểu rõ điều đó, chúng ta tìm hiểu văn bản.</p> <p>(C2: GV cho các em quan sát tranh ảnh hoặc đoạn băng về cuộc kháng chiến chống Pháp hay chống Mĩ của dân tộc VN từ đó khơi gợi cho HS hình dung những mất mát đau thương</p>	<p>- HS nghe thuyết trình.</p> <p>- HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy.</p> <p>- Ghi tên bài</p>

<p>do các cuộc chiến tranh gây nên đối với một dân tộc. VD: Vụ thảm sát Mĩ Lai; Thành cổ Quảng Trị; Nghĩa trang Trường Sơn. C3: Giới thiệu bài bằng một bản tin thời sự vừa đưa tin trên truyền hình về cuộc xung đột trên thế giới. GV hướng dẫn học sinh ghi tên bài học) - Ghi tên bài</p>	
---	--

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu** : HS hiểu về tác phẩm, cảm nhận bước đầu về văn bản qua việc đọc.

HS hiểu ý nghĩa của các tình tiết tiêu biểu; rèn kĩ năng tự học theo hướng dẫn.

- **Thời gian** dự kiến : phút

- **Phương pháp** : Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình. Thảo luận nhóm.

- **Kĩ thuật** : Động não, tia chớp, Kĩ thuật khăn trải bàn

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p><b>H. Dựa vào nội dung các thông tin trong phần Chú thích (*) em hãy giới thiệu những nét khái quát nhất về nhà văn Mác-két?</b> * <b>Tác giả:</b> - Mác-két nhà văn Cô-lôm-bi-a sinh năm 1928. - Tác giả tiểu thuyết <i>Trăm năm cô đơn</i>. - Năm 1982 được giải thưởng Nô-ben về văn học thế giới. <b>H. Văn bản này được Mác-két viết trong hoàn cảnh nào? Nội dung bài viết được đề cập tới những vấn đề gì?</b> * <b>Tác phẩm:</b> - <b>Xuất xứ:</b> Văn bản được trích từ bản báo cáo tham luận được bày tại Hội nghị nguyên thủ quốc gia 6 nước họp tại Mờ-hi-cụ. + <b>Nội dung:</b> Kêu gọi toàn nhân loại đoàn kết, ngăn chặn chiến tranh hạt nhân và bảo vệ hoà bình, bảo vệ sự sống trên trái đất này.  + Xác định giọng đọc và ngữ điệu đọc + Đọc, nghe, theo dõi. + Nhận xét, đánh giá, bổ sung. Đọc rõ ràng, dứt khoát, tường minh. - Chú ý một số pháp liệt kê ở các câu văn trong bài viết. - Phiên âm đúng các âm viết tiếng Anh như UNICEF, FAO, M.X... * GV kiểm tra việc đọc chú thích của HS bằng cách cho HS giải nghĩa các từ * Thầy giảng nghĩa một số từ ngữ trong SGK tr.20: Với văn bản này chúng ta cần chú ý một số từ ngữ: - Thanh gươm Đa-mô-clét. - Dịch hạch - Kì địa chất... * GV khái quát và chuyển ý</p>	<p><b>I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH</b> <b>1. Tác giả.</b> - Mác-két nhà văn Cô-lôm-bi-a sinh năm 1928. - Tác giả tiểu thuyết <i>Trăm năm cô đơn</i>. - Năm 1982 được giải thưởng Nô-ben về văn học thế giới.  <b>2. Tác phẩm</b> <b>a. Xuất xứ</b> - <b>Xuất xứ:</b> Văn bản được trích từ bản báo cáo tham luận được bày tại Hội nghị nguyên thủ quốc gia 6 nước họp tại Mờ-hi-cụ.  <b>b. Đọc – chú thích</b></p>

<p>H. Xác định kiểu văn bản và phương thức biểu đạt chính? H. Ngoài phương thức nghị luận còn có yếu tố biểu đạt nào?</p> <p>H. Xác định luận điểm chính của văn bản? H. Luận điểm ấy được triển khai bằng những luận cứ nào? Chỉ ra đoạn văn tương ứng với những luận cứ đó? ? Nhận xét về hệ thống luận cứ để làm sáng tỏ luận điểm trên?</p> <p><i>* GV chốt, hướng dẫn HS phân tích, Tập hiệu văn bản theo 4 luận điểm phần Tìm hiểu chung.</i></p> <p><b>* Bước 2. HD HS tìm hiểu chi tiết</b></p>	<p><b>c. Thể loại và Ptbđ</b></p> <p>- <b>Kiểu văn bản: Nhật dụng</b>-&gt; được xếp là VBND vì đề cập tới vấn đề cả TG quan tâm.</p> <p>- <b>PTBĐ chính: Nghị luận.</b> Ngoài ra còn có yếu tố biểu cảm (đoạn cuối)</p> <p>d. Hệ thống luận điểm luận cứ</p> <p>- <b>Luận điểm:</b> Nguy cơ chiến tranh hạt nhân là một hiểm họa khủng khiếp đang đe dọa loài người và sự sống trên Trái Đất ,vì vậy đấu tranh để loại bỏ nguy cơ ấy cho một thế giới hoà bình là nhiệm vụ cấp bách của toàn nhân loại.</p> <p>- <b>Luận cứ:</b> LC1: Chiến tranh hạt nhân là một hiểm họa khủng khiếp đang đe dọa toàn thể loài người và sự sống trên trái đất. LC2: Chạy đua vũ trang hạt nhân là cục kì tốn kém. LC3: Chiến tranh hạt nhân là hành động phi lí. LC4: Đoàn kết để loại bỏ nguy cơ ấy cho một thế giới hoà bình là nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại.</p> <p><b>II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN</b></p>
<p><b>H. Đọc đoạn đầu VB và cho biết nguy cơ chiến tranh hạt nhân được tác giả chỉ ra ntn? Đó là nguy cơ gì?</b> + Đọc, nghe, tự suy nghĩ, trả lời. HS khác bổ sung.</p> <p><b>H. Tác giả đã dùng những lập luận, chứng cứ nào để nói về nguy cơ chiến tranh hạt nhân?</b> + Xác định lí lẽ, dẫn chứng trong VB, trả lời cá nhân. + <b>Lí lẽ</b> : Đưa ra những tính toán lí thuyết : Về lí thuyết có thể tiêu diệt...tinh...phá huỷ thế thăng bằng của hệ mặt trời → Không có một đứa con...vận mệnh T.giới. + <b>Chứng cứ</b> : <b>Nêu các số liệu</b> - Xác định cụ thể thời gian : 8-8-1986. - Đưa ra những số liệu cụ thể về số đầu đạn hạt nhân với một phép tính đơn giản: 50.000 đầu đạn hạt nhân...4 tấn thuốc nổ. Tất cả chỗ đó nổ → biến hết mọi dấu vết trên Trái Đất. <i>* GV diễn giải: Chiến tranh là tội lỗi, là dã man và vụ nhân đạo. Chiến tranh hạt nhân cũn man rợ hơn nhiều. Cách đặt vấn đề của nhà văn đó khẳng định tính chất hệ trọng của chiến tranh hạt nhân mà CNDQ đang thực hiện.</i></p>	<p><b>I. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe dọa sự sống trên trái đất:</b></p> <p>- Chi tiết : Nói nôm na...hệ mặt trời./SGK/17 - Kho vũ khí hạt nhân có sức tàn phá khủng khiếp-&gt; nguy cơ đe dọa loài người và sự sống trên hành tinh. + <b>Lí lẽ</b> : +<b>Chứng cứ</b> : <b>Nêu các số liệu</b></p>

**H. Nhận xét của em thế nào về cách đặt vấn đề của tác giả trong lời cảnh báo nguy cơ chiến tranh?**

+ Suy luận, nêu nhận xét đánh giá, trình bày ý kiến.  
=>Đặt vấn đề bằng những dẫn chứng cụ thể, xác thực, bằng những số liệu, những con số biết nói.

**H. Bằng kiến thức lịch sử em hãy cho biết tới nay đã có mấy quả bom nguyên tử được sử dụng phục vụ cho mục đích chiến tranh? Tác hại của nó?**

- Học sinh thảo luận nhóm cặp, trả lời, nhóm khác bổ sung.

- Mĩ ném xuống Nhật 2 quả : 6-8-45, một quả ném xuống Hirôshima ; 9-8-45 xuống Nagasaki => bầu trời những nơi này → quả cầu lửa → 1 triệu độ, xung quanh thành phố là một vòm tường không lồ không khí đặc quánh. Tất cả → tro bụi. 6200 nhà cửa bị thiêu huỷ. Hirôshima : 140000 người chết ; Nagasaki : 70000 => hàng trăm ngàn người bị thương chết sau đó, hậu quả ung thư, máu trắng.

- Tìm thêm tư liệu về chạy đua vũ trang, về nghiên cứu trở lại của các lò hạt nhân ở Iran.

**\* Tích hợp giáo dục ANQP: Trong cuộc chiến tranh ở VN, Mĩ đã sử dụng chất độc màu da cam + lượng vũ khí bom đạn, vũ khí sinh học, hoá học ném xuống cả 2 miền Nam - Bắc đã gây hậu quả nghiêm trọng tới ngày nay.**

- Gọi cho người đọc một cảm giác ghê sợ trước nguy cơ của vũ khí hạt nhân.

**H. Từ những con số và thực tế lịch sử trên em thấy chiến tranh hạt nhân có nguy cơ ghê gớm ntn?**

+ Khái quát, trả lời, nghe GV chốt.

- Chiến tranh hạt nhân → tàn phá huỷ diệt.

- Chiến tranh hạt nhân là nguy cơ kinh hoàng đối với toàn nhân loại. Nếu không được ngăn chặn kịp thời thì sự sống trên Trái Đất sẽ bị huỷ diệt.

*\* GV nêu lệnh: Gọi H/s đọc tiếp đoạn 2 nêu luận điểm?*

H. - Theo dõi đoạn 2 (xác định luận cứ)

**? Tác giả đã làm sáng tỏ luận cứ bằng những luận điểm nào?**

- Nêu ý kiến cá nhân

-> Bằng hàng loạt các dẫn chứng về các lĩnh vực, có sự so sánh về chi phí cho chiến tranh hạt nhân và chạy đua vũ trang để làm nổi bật sự tốn kém và tính chất phi lí của cuộc chạy đua vũ trang.

- Yêu cầu HS thảo luận bằng kĩ thuật góc

- Thảo luận theo 3 góc (3') mỗi góc thống kê một lĩnh

- Mĩ ném xuống Nhật 2 quả : 6-8-45, một quả ném xuống Hirôshima ; 9-8-45 xuống Nagasaki =>

- Chiến tranh hạt nhân là nguy cơ kinh hoàng đối với toàn nhân loại. Nếu không được ngăn chặn kịp thời thì sự sống trên Trái Đất sẽ bị huỷ diệt.

**2. Tác hại của cuộc chạy đua vũ trang với cuộc sống của con người**

- Chi phí quân sự: >>Cứu trợ:

-> Đây là những lĩnh vực thiết yếu trong đời sống của con người, đặc biệt là các nước nghèo chưa phát triển.

**\* Đầu tư vũ khí hạt nhân**

+ Bỏ ra 100 máy bay, dưới 1000 tên lửa vượt đại châu.

+ 10 chiếc tàu sân bay.

vực

-Nêu ý kiến,nhận xét bổ sung

\* Đầu tư cho các lĩnh vực đời sống

- Y tế:+100 tỉ đô la để cứu trợ cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ trên thế giới.

+ Bảo vệ hơn 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét, cứu hơn 14 triệu trẻ em, phòng bệnh 14 năm

- Tiếp tế thực phẩm: Lượng ca-lo cho 575 triệu người thiếu dinh dưỡng.

+ Trả tiền nông cụ cho nước nghèo trong 4 năm.

- Giáo dục: Xoá mù chữ cho toàn TG

->Chỉ là giấc mơ.

*GV: Cho HS xem một số hình ảnh trẻ em các nước châu Phi và một số nước trên thế giới*

*\* GV cho HS thảo luận nhóm (3phút), gọi đại diện trình bày, nhận xét, GV chốt*

**H. Cách lập luận có gì đặc biệt? Mục đích của cách lập luận đó? Từ đó khiến người đọc suy nghĩ và có nhận thức gì?**

+ HS thảo luận nhóm (3phút), đại diện nhóm trình bày, nhận xét, nghe GV chốt, chuyên

+ Lập luận đơn giản và có sức thuyết phục cao, không thể bác bỏ được.

+ Chứng cứ cụ thể, lí lẽ giản đơn, lối so sánh trên nhiều lĩnh vực với nhiều số liệu tương phản, những con số biết nói, có những so sánh khiến người đọc phải ngạc nhiên , bất ngờ trước những sự thật hiển nhiên mà rất phi lí.

*\* GV chốt: Người đọc nhận thức được rằng cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân đã và đang cướp đi của thế giới nhiều điều kiện để cải thiện cuộc sống con người*

*\* GV chuyên: Chiến tranh là như vậy, quan điểm thái độ của tác giả thế nào?*

*\* Gọi đọc, nêu luận điểm đoạn 3?*

**H. Quan điểm, thái độ của tác giả thế nào về cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân của CNDQ?**

*\* GV giải thích lí trí của tự nhiên có thể hiểu là quy luật của tự nhiên, là lô gíc tất yếu của tự nhiên.*

**H. Tại sao tác giả lại có thể kết luận: chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí tự nhiên**

- Vì chiến tranh nổ ra nó không chỉ tiêu diệt nhân loại mà còn tiêu huỷ mọi dấu vết của sự sống 12 lần-> đưa quá trình tiến hoá trở về điểm xuất phát ban đầu, tiêu huỷ mọi thành quả của quá trình tiến hoá trong tự nhiên -> nghĩa là sự sống bị huỷ diệt.

+149 tên lửa MX

+ 27 tên lửa MX.

- 2 tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân.

↓  
Đã và đang thực hiện

**3. Chiến tranh hạt nhân đi ngược lại lí trí của con người ...phản lại sự tiến hoá...tự nhiên.**

**H. T/g đã làm sáng rõ luận điểm này bằng cách nào?**

**H: Em có nhận xét gì về những chứng cứ và lí lẽ đó?**

**Nhận xét về lời lẽ, giọng điệu của tác giả ở đoạn này?**

**Tác dụng?**

+ Chỉ rõ nghệ thuật lập luận. Nêu nhận xét về nghệ thuật lập luận, tác dụng.

- Dựng các số liệu so sánh cái được, cái mất, cái lợi, cái hại.

- Lập luận bằng cách đưa ra những chứng cứ khoa học địa chất và cổ sinh học về nguồn gốc và sự tiến hoá của sự sống trên trái đất.

- Sự đối lập, tương phản về thời gian (Giữa hàng triệu năm với khoảnh khắc)

- Giọng điệu mỉa mai, ngầm kết tội, có sức tố cáo mạnh mẽ.

⇒ Hậu quả khun lường của chiến tranh hạt nhân. Sự tàn khốc, vụ nhân đạo cần xa lánh.

-> **Tác dụng:** người đọc nhận thức được sâu hơn tính chất phản tự nhiên, phản tiến hoá của hiểm hoạ chiến tranh hạt nhân.

*\* Thầy hướng dẫn học trò theo dừi đoạn kết.*

H. Theo em phần kết này có vị trí thế nào trong bài viết của tác giả?

H. Trong lời kêu gọi của mớnh, người viết đó dẫn người đọc tới một thời độ như thế nào?

H. Những câu văn nào trong đoạn thể hiện thời độ đó?

**H. Hãy phân tích ý nghĩa lời kêu gọi đoàn kết đấu tranh vũ thế giới hoà bình qua những lí lẽ trên?**

**H: Tác giả đã gửi đến chúng ta bức thông điệp gì?**

**H: Qua đó em hiểu thêm gì về thái độ và tình cảm của tác giả?**

+ HS tự do bộc lộ suy nghĩ cá nhân.

- Hãy quý trọng sự sống trên trái đất mặc dù sự sống trên trái đất còn bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác.

- Lên án những kẻ đã và có âm mưu huỷ diệt sự sống trên trái đất.

-> Là người quan tâm sâu sắc đến vấn đề vũ khí hạt

⇒ Hậu quả khôn lường của chiến tranh hạt nhân. Sự tàn khốc, vụ nhân đạo cần xa lánh.

**4. Lời kêu gọi nhân loại đoàn kết chống chiến tranh vì một thế giới hoà bình.** lo âu mà thức tỉnh mọi người hãy tích cực đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân vũ một thế giới hoà bình.

- Chúng ta đến đây để... công bằng.

- Đề nghị mở nhà băng lưu giữ trí nhớ... vũ trụ này.

⇒ Tất cả mọi người hãy đoàn kết, đồng thanh phản đối chiến tranh, đòi một cuộc sống hoà bình, ấm no, hạnh phúc.

nhân và lo lắng, công phần cao độ trước cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân=> yêu chuộng hoà bình.

**\*Tích hợp giáo dục ANOP:** GV đưa tranh ảnh hoặc bài báo về cuộc hủy vũ khí hạt nhân trong những năm qua.

**\* GV Tích hợp vấn đề giáo dục bảo vệ môi trường:** Liên hệ chống chiến tranh giữ gìn ngôi nhà chung trái đất  
**H: Em sẽ làm gì để hoà vào bản đồng ca của những người yêu chuộng hoà bình trên thế giới?**

\* GV cho HS hát tập thể.

- HS quan sát trên máy.

+ HS tự bộc lộ. - chống chiến tranh giữ gìn ngôi nhà chung trái đất

- Giáo dục lòng yêu chuộng hoà bình

Tập thể lớp hát bài tiếng chuông và ngọn cờ hoà bình.

**HD HS thực hiện phần ghi nhớ.**

H. Vì sao VB được đặt tên là “Đấu tranh cho một thế giới hoà bình”

\* GV cho HS thảo luận nhóm, gọi đại diện trình bày, nhận xét, \* GV bổ sung:

Hiện nay vũ khí hạt nhân vẫn phát triển mạnh ở một số quốc gia. Vì vậy nhận thức đúng và đấu tranh chống chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình là nhiệm vụ cấp thiết của toàn nhân loại

H. Từ lời kêu gọi của tác giả, em thấy mình cần phải làm gì để hưởng ứng lời kêu gọi này?

H. Đọc và học văn bản em ghi nhận được những gỡ về nội dung, nghệ thuật?

H. Theo em, văn bản có ý nghĩa ntn?

\* GV chốt kiến thức trọng tâm toàn bài và yêu cầu HS đọc lại phần ghi nhớ.

### III. Ghi nhớ/sgk/21

- Vì đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân cho một thế giới hoà bình là luận cứ để kết bài và cũng là thông điệp tác giả gửi đến mọi người.

- Nhiệm vụ của HS: tham gia phong trào vì hoà bình, tuyên truyền cho mọi người thấy rõ mối đe dọa khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân-> có hành động đấu tranh vì hoà bình của toàn nhân loại.

#### 1. Nội dung:

- Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe dọa toàn nhân loại và sự phi lí của cuộc chạy đua vũ trang.

- Lời kêu gọi đấu tranh vì một thế giới hòa bình, không có chiến tranh.

#### 2. Nghệ thuật:

- Lập luận chặt chẽ. Chứng cứ cụ thể, xác thực.

- Sử dụng nghệ thuật so sánh sắc sảo, giàu sức thuyết phục.

#### 3. Ý nghĩa:

- văn bản thể hiện những suy nghĩ nghiêm túc, đầy trách nhiệm của G.G. Mác-két đối với hòa bình nhân loại

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

#### - Mục tiêu:

Giúp HS áp dụng thực hành và cảm thụ văn học thông qua việc làm bài tập trắc nghiệm và viết đoạn văn

- Thời gian: 7- 10 phút.

- Phương pháp: - Đánh giá và khái quát vấn đề, nâng cao vấn đề thông qua việc tổ chức HS làm việc hợp tác, tự bộc lộ nhận thức.....

- Kỹ thuật: Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
H. Qua văn bản giúp em cảm nhận được	+ Tự do nêu cảm nhận



điều gì về tác giả?	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Am hiểu về tình hình thời sự thế giới, về khoa học, đặc biệt rất quan tâm đến hoà bình thế giới, cuộc sống của nhân loại. Ông ghê tởm, lên án nguy cơ hạt nhân “dịch hạch hạt nhân và cái cảnh tận thế tiềm tàng trong bộ phóng cái chết.”</li> <li>- Người đọc thấy rõ mong muốn, khát vọng hoà bình của tác giả, thái độ lên án mạnh mẽ những kẻ cố tình đi ngược lại lợi ích của nhân loại đẩy nhân loại vào thảm hoạ hạt nhân.</li> </ul>
---------------------	--

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Viết đoạn văn với nội dung phản đối chiến tranh, mong muốn cuộc sống hoà bình ở khắp nơi trên thế giới	- Thực hiện ở nhà

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo
- **Phương pháp:** Dự án
- **Kỹ thuật:** Giao việc
- **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập Viết đoạn văn với nội dung phản đối chiến tranh, mong muốn cuộc sống hoà bình ở khắp nơi trên thế giới.	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài về nhà.****1 Bài cũ:** 1.

2. Học, nắm vững nội dung phần Ghi nhớ.

3/ Phát biểu cảm nghĩ của em khi học văn bản “**Đấu tranh cho một thế giới hoà bình**” của nhà văn G- Mác-két.

HD:

- Phân tích tác dụng của cách dùng phương thức nghị luận của văn bản nhật dụng, cách đưa số liệu và lập luận vững vàng của tác giả.
- Nêu được nội dung chính của bài viết và trình bày cảm xúc suy nghĩ của mình về ý nghĩa của văn bản; thái độ tình cảm của tác giả và suy nghĩ về vai trò của mỗi cá nhân trong cộng đồng góp phần chống chiến tranh và vì hoà bình thế giới.

**2. Bài mới**

1. Xem trước và tự trả lời các câu hỏi trong bài: Các phương châm hội thoại (tiếp theo).

- + Đọc kĩ bài
- + Trả lời câu hỏi sgk

Tiết: 8 TIẾNG VIỆT	<b>CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI</b> (tiếp)	Ngày soạn:13/9/2022 Ngày dạy:
-----------------------	--	----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Nhận biết và phân được cách sử dụng phương châm hội thoại, cách thức, lịch sự trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

**2. Kỹ năng :**

Vận dụng 3 phương châm này trong hoạt động giao tiếp .

**3. Thái độ**

- Thái độ đúng đắn trong việc sử dụng 3 phương châm này, kỹ năng sống thích ứng với hoàn cảnh, tình huống cụ thể.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu, bảng phụ.
- Nghiên cứu SGK- SGK soạn bài, phiếu học tập, BP, máy chiếu , phim trong.
- Chuẩn kiến thức kỹ năng, SGK,SGV, SBT.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Học bài cũ, làm bài tập về phương châm về lượng, phương châm về chất.
- Xem trước bài: Các phương châm hội thoại (tiếp theo)

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ổn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

- a/ Thế nào là phương châm về lượng?
- b/ Thế nào là phương châm về chất.

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kỹ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Trong hội thoại ngoài 2 phương châm về lượng và về chất đó học, khi giao tiếp để thể hiện tính chất văn hoá của người nói ta cần phải tuân thủ các phương châm cách thức, phương châm quan	- HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy. - Ghi tên bài

hệ và phương châm lịch sự. - Ghi tên bài	
---	--

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****- Mục tiêu:**

+ Nắm được những hiểu biết cốt yếu về hai phương châm hội thoại: phương châm về lượng, phương châm về chất.

+ Biết vận dụng các phương châm về lượng, phương châm về chất trong hoạt động giao tiếp

- **Thời gian** dự kiến : 15- 17 phút

- **Phương pháp** : Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.

- **Kĩ thuật** : Động não, tia chớp.

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p><b>* GV hướng dẫn H.S đọc và Tập hiểu các thành ngữ SGK tr.21.</b></p> <p><b>H. Đọc bài tập sgk nêu yêu cầu?</b></p> <p>+ 1 HS đọc, nêu yêu cầu, giải thích ý nghĩa câu thành ngữ, nêu tình huống sử dụng. HS khác bổ sung.</p> <p><b>H. Giải thích ý nghĩa câu thành ngữ và cho biết nó được sử dụng trong tình huống hội thoại nào?</b></p> <p>+ Ý nghĩa: chỉ sự không hiểu nhau, mỗi người nói một đằng nghĩ một nẻo, không ăn khớp với nhau do không hiểu.</p> <p>+ Tình huống giao tiếp: không khớp nhau, không hiểu nhau, mỗi người nói về một đề tài khác nhau.</p> <p><b>H. Tìm thành ngữ cũng có ý nghĩa tương đương?</b></p> <p>+ HS tìm VD</p> <p>- Ông chẳng bà chuộc,</p> <p>- Trống đánh xuôi, kèn thổi ngược</p> <p><b>H. Em tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra khi xuất hiện tình huống hội thoại như vậy?</b></p> <p>+ Tự do trình bày suy nghĩ, trả lời.</p> <p>+ Con người không thể giao tiếp được, không hiểu nhau →những hoạt động của xã hội sẽ trở nên rối loạn, không thống nhất ý kiến hoạt động.</p> <p>+ Trao đổi trong bàn và trình bày bài học, kết luận.</p> <p><b>H. Từ hậu quả của cách nói trên, em rút ra kết luận gì trong quan hệ giao tiếp hàng ngày?</b></p> <p><b>*GV chốt, gọi 1 HS đọc phần Ghi nhớ SGK.</b></p> <p><b>* Chuyên ý:</b> Ngoài phương châm quan hệ trong giao tiếp cần</p>	<p><b>I. TÌM HIỂU BÀI</b></p> <p><b>1. Phương châm quan hệ.</b></p> <p><b>a. Ví dụ/sgk/21</b></p> <p><b>b. Nhận xét</b></p> <p>Khi giao tiếp phải nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh lạc đề.</p> <p><b>Ghi nhớ: SGK (21)</b></p> <p><b>2. Phương châm cách thức</b></p> <p><b>a. Ví dụ/sgk/21</b></p> <p><b>b. Nhận xét</b></p>

<p>chú ý tới phương châm cách thức.</p> <p><b>* Bước 1.</b></p> <p>* GV gọi HS đọc VD và cho HS Tập hiểu ý nghĩa của 2 ví dụ SGK theo các lệnh sau.</p> <p>+ <b>Nhóm 1 -2 :</b></p> <p>? <b>Tập hiểu ý nghĩa câu thành ngữ: Dây cà ra dây muống.</b></p> <p>? <b>Câu thành ngữ này dựng để chỉ những cách nói như thế nào?</b></p> <p>a.<b>Thành ngữ:</b> Dây cà ra dây muống. ⇒ Chỉ cách nói dài dòng, rườm rà, không tường minh.</p> <p>+ <b>Nhóm 3-4:</b></p> <p>? <b>Hướng dẫn H.S Tập hiểu câu thành ngữ: Lúng búng như ngậm hột thị.</b></p> <p><b>H. Câu thành ngữ này dựng để chỉ cách nói như thế nào?</b></p> <p>b.<b>Thành ngữ:</b> Lúng búng như ngậm hột thị. ⇒ Chỉ cách nói ấp úng, không thành lời, không rõ ràng, rành mạch, ý không thoát.</p> <p><b>H. Vậy nói như 2 câu thành ngữ trên, sẽ ảnh hưởng như thế nào đến giao tiếp? (hậu quả: về nội dung, về tâm lý)</b></p> <p>+ Nêu hậu quả về nội dung, tâm lí. + Người nghe không hiểu hoặc hiểu sai ý của người nói. + Người nghe bị ức chế về mặt tâm lý, không thiện cảm với người nói. -&gt; giao tiếp không đạt kết quả mong muốn</p> <p>* GV: Cách nói làm người nghe khó tiếp nhận hoặc tiếp nhận không đúng nội dung truyền đạt-&gt; giao tiếp không đạt kết quả mong muốn.</p> <p><b>H. Qua 2 ví dụ trên, em rút ra những bài học gì trong giao tiếp?</b></p> <p><b>* Gv tiếp tục hướng dẫn H.S các cách hiểu trong câu nói: "Tụi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn của ông ấy".</b></p> <p><b>H. Theo em câu nói trên có những cách hiểu như thế nào?</b></p> <p>+ HS hoạt động nhóm bàn. Đại diện trả lời, nhận xét. + Câu nói này dẫn tới nhiều cách hiểu bởi nó tùy thuộc vào sự bổ sung ý nghĩa của từ ‘ông ấy’ với những từ khác.</p> <p><b>H. Dựa vào các cách hiểu trên, câu văn có thể sắp xếp lại thế nào cho đúng cách thức? (Để người nghe không hiểu lầm thì phải nói ntn)</b></p> <p><b>-Tìm cách nói cho rõ nghĩa?</b></p>	<p>+ Nói năng phải rõ ràng, mạch lạc.</p> <p>+ Khi giao tiếp phải tạo lập được mối quan hệ giữa người nói với người nghe.</p> <p>c.VD: Tụi đồng ý với những nhận định về truyện ngắn của ông ấy.</p> <p>+ Có các cách hiểu sau:</p> <p>- Tụi đồng ý với những nhận định của ông ấy. - Tụi đồng ý với những truyện ngắn của ông ấy.</p> <p>+ Câu văn có thể được diễn đạt:</p> <p>- Tụi đồng ý với những nhận định của ông ấy về truyện ngắn. - Tụi đồng ý với những nhận</p>
--	--

<p>- <b>Của ông ấy</b> bổ sung cho nhận định hay truyện ngắn bổ sung cho nhận định</p> <p>-&gt;Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấy về truyện ngắn.</p> <p>- Bổ sung cho truyện ngắn-&gt; tôi đồng ý với những nhận định của một số người nào đó về truyện ngắn của ông ấy.</p> <p><b>H. Qua ví dụ trên, em rút ra bài học gì ?</b></p> <p><b>Bài học:</b> Khi giao tiếp không nên nói những câu mà người nghe có thể hiểu theo nhiều cách vì khiến cho người nói và người nghe không hiểu nhau, gây trở ngại cho giao tiếp.</p> <p><b>H. Qua các ví dụ vừa tìm hiểu, em rút ra kết luận gì về phương châm cách thức? Vậy trong giao tiếp cần tuân thủ những cách thức như thế nào?</b></p> <p>* Gọi H.S đọc lại nội dung phần Ghi nhớ theo SGK.</p> <p>*GV chốt kiến thức trọng tâm phần 2 và chuyển ý Ngoài các phương châm đó học trong quan hệ giữa người với người, khi giao tiếp phải tặn trọng, lịch sự trong cách ứng xử với nhau..</p> <p><b>GV yêu cầu HS đọc truyện "Người ăn xin" của Tuốc-ghe-nhép trong SGK (22).</b></p> <p><b>H. Tại sao trong câu chuyện cả cậu bộ và người ăn xin đều cảm thấy như nhận được từ người kia một cái gì đó?</b></p> <p>+ Trong truyện cả cậu bộ và người ăn xin đều cảm thấy như nhận được từ người kia một cái gì đó: Cả 2 đều cảm nhận được sự chân thành và tôn trọng của nhau.</p> <p><b>H. Qua câu chuyện em rút ra được bài học gì?</b></p> <p>* GV chốt: Cách ứng xử của cả cậu bộ và người ăn xin đều là thời độ sống lịch sự, có văn hóa. Đó là phương châm lịch sự.</p> <p><b>H. Em hiểu: Phương châm lịch sự là gì?</b></p> <p>* Gv chốt kiến thức trọng tâm toàn bài và củng cố.</p>	<p>định của bạn về truyện ngắn của ông ấy</p> <p><b>Nói ngắn gọn, rành mạch, tránh nói mơ hồ, để gây hiểu lầm.</b></p> <p><b>Ghi nhớ 2/ SGK/ 22</b></p> <p><b>3. Phương châm lịch sự:</b></p> <p><b>a. Ví dụ/sgk/21</b></p> <p><b>Ví dụ:</b> Truyện Người ăn xin</p> <p><b>b. Nhận xét</b></p> <p>- Trong giao tiếp, dù ở địa vị xã hội và hoàn cảnh của người đối thoại ntn thì người nói cũng phải chú ý đến cách nói, tôn trọng người đó, không nên thấy người đối thoại kém hơn mình mà dùng những lời lẽ thiếu lịch sự. =&gt; Phương châm lịch sự</p> <p>- Nguyên tắc:</p> <p>- Không đề cao quá mức cái tôi.</p> <p>- Đề cao và quan tâm đến người khác, không làm phương hại đến thể diện người khác</p> <p><b>Ghi nhớ: SGK (23).</b></p> <p><b>II. GHI NHỚ/SGK/ 21,22,23.</b></p>
--	---

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP****- Mục tiêu:**

+ Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.

+ Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

**- Thời gian:** 7- 10 phút.

**- Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

**- Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
* Cho H.S đọc lại nội dung và xác định yêu cầu của bài tập.	<b>Bài 1.</b> Nêu ý nghĩa lời khuyên và Tập những câu tục ngữ, ca dao có nội dung tương tự.

<p>+ Thi tiếp sức, tìm nhanh, theo 4 nhóm.</p>	<p>+ Cả 2 câu ca dao (a), (b), (c) ông cha ta khuyên dạy:          - Cần suy nghĩ, lựa chọn ngôn ngữ khi giao tiếp và ứng xử sao cho đạt hiệu quả cao nhất.          - Phải có thái độ tôn trọng lịch sự với người đối thoại.          + Các câu tục ngữ, ca dao có nội dung tương tự:          1. Một lời nói quan tiền thúng thóc. Một lời nói dùi đục, căng tay.          2. Một điều nhịn là chín điều lành.          3. Chim khôn kêu tiếng rảnh rang. Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.          4. Vàng thử thử lửa thử than. Chuông kêu thử tiếng, người khôn thử lời.          5. Lời nói không mất tiền mua. Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.</p>
<p>* Cho H.S đọc và xác định yêu cầu cần giải quyết trong bài tập: Phép tu từ từ vựng nào có liên quan đến phương châm lịch sự? Cho Ví dụ?</p>	<p><b>Bài 2:</b> Xác định phép tu từ có liên quan đến phương châm lịch sự:          + Biện pháp tu từ từ vựng nói giảm, nói tránh có liên quan tới phương châm lịch sự.</p>
<p>- Em học chưa chăm. (Thực chất là còn lười)          - Mẹ em chưa được khoẻ. (Thực chất là đang ốm)          - Bài văn viết chưa hay. (Thực chất là rất dở)</p> <p style="text-align: center;">Ngày xuân em hãy còn dài          Xót tình máu mủ, thay lời nước non          Chị dù thịt nát xương mòn          Ngậm cười <b>chín suối</b> hãy còn thơm lây.’          (Nguyễn Du – Truyện Kiều)</p> <p>- Những từ gạch chân đã được nói tránh đi khi chỉ về cái chết để không gây cảm giác đau buồn, nặng nề.          Bác đã <b>lên đường</b> theo tổ tiên          Mác - Lê Nin thế giới Người hiền...          Ánh hào quang đỏ thêm sông nói          Dắt chúng con cùng nhau tiến lên...’          (‘Bác ơi!’ – Tố Hữu)</p> <p>- Nhà thơ Tố Hữu đã dùng cách nói giảm – nói tránh trong các từ gạch chân ở trên để tránh gây cảm giác đau buồn, nặng nề.</p>	
<p>* Gọi H.S xác định yêu cầu.          H. Mỗi từ ngữ trên chỉ cách nói liên quan đến phương châm hội thoại nào?          * GV gọi lên bảng điền từ trên máy, yêu cầu cả lớp theo dõi, nhận xét.</p>	<p><b>Bài 3:</b> Tập từ ngữ điền vào chỗ trống và xác định phương châm liên quan.          a. Nói mót          b. Nói hót          c. Nói móc          d. Nói leo          e. Nói ra đầu ra đũa          từ ngữ trên liên quan tới phương châm cách thức, lịch sự: a, b, c, d vi phạm phương châm lịch sự          e : phương châm cách thức.</p>
<p>* Cho H.S đọc và xác định yêu cầu:</p>	<p><b>Bài 4. Xác định phương châm</b></p>

<p>Vận dụng phương châm hội thoại để giải thích vì sao đôi khi phải dùng những cách nói sau? - GV chốt.</p>	<p>a. <b>Nhân tiện đây xin hỏi</b> : Khi người nói muốn hỏi một vấn đề nào đó không thuộc, không đúng đề tài mà 2 người đang trao đổi, tránh để người nghe hiểu mình không tuân thủ phương châm quan hệ. (Phương châm quan hệ)</p> <p>b. <b>Cực chẳng đã tôi phải nói</b> : Khi người nói muốn ngầm xin lỗi trước người nghe điều mình sắp nói để giảm nhẹ ảnh hưởng(Tình thương, thể diện) người đối thoại. (tuân thủ Phương châm lịch sự)</p> <p>c. <b>Đừng nói leo...</b> Khi người nói muốn nhắc nhở, báo hiệu cho người đối thoại biết là người nói không tuân thủ phương châm lịch sự và phải chấm dứt sự không tuân thủ đó để người nghe cần tụn trọng mình. (Phương châm lịch sự).</p>
<p>* Cho H.S xác định yêu cầu của bài tập. * Yêu cầu HS giải nghĩa thành ngữ, chỉ rõ các phương châm hội thoại, gọi nhận xét, GV bổ sung.</p>	<p><b>Bài 5.</b> * Giải thích ý nghĩa các thành ngữ và xác định phương châm: + Nói băm nói bổ: nói bộp chộp, xía xối thô bạo (Phương châm lịch sự) + Nói như đâm vào lỗ tai: nói dở, khó nghe, ngang ngược, trái với ý người khác nên khó tiếp thu, khó tiếp nhận gây ức chế. (Phương châm lịch sự) + Điều nặng tiếng nhẹ: nói dai, cãi vã, chì chiết, trách móc nhau. (Phương châm lịch sự) + Nửa úp, nửa mở: cách nói lấp lửng, mập mờ, không rõ ràng, khó hiểu không nói thẳng không nói ra hết ý khiến , người nghe phải suy đoán (Phương châm cách thức). + Mồm loa mép giải: nhiều lời, nói lấy được, bắt chấp phải trời, đúng sai. (P/c lịch sự) + Đánh trống lảng: tâng lờ, lảng ra, cố ý né tránh vấn đề mà người đối thoại đang muốn trao đổi. (Phương châm quan hệ)</p>

#### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

##### - Mục tiêu:

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Làm bài tập còn lại vào vở bài tập	- Thực hiện ở nhà

#### HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

##### - Mục tiêu:

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
  - + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo
- **Phương pháp:** Dự án

- **Kỹ thuật:** Giao việc- **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập Vẽ sơ đồ tư duy	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ**

1. Học thuộc 3 khái niệm vừa học.

2. Làm bài tập còn lại vào vở bài tập

**2. Bài mới.**

Đọc và trả lời trước câu hỏi vào vở soạn bài:

+ Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh  
-----

Tiết: 9 TẬP LÀM VĂN	<b>SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN THUYẾT MINH</b>	Ngày soạn: 13/9/2022 Ngày dạy:
------------------------	---	-----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Quan sát các sự vật, hiện tượng.

**2. Kỹ năng :**

- Sử dụng ngôn ngữ miêu tả phù hợp trong việc tạo lập văn bản thuyết minh.

**3. Thái độ**

- Có ý thức và biết sử dụng tốt yếu tố miêu tả trong việc tạo lập văn bản thuyết minh.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu, bảng phụ.

- Nghiên cứu SGK- SGK soạn bài, phiếu học tập, BP, máy chiếu , phim trong.

- Chuẩn kiến thức kỹ năng, SGK,SGV, SBT.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Đọc trước bài, suy nghĩ và tự trả lời các câu hỏi của bài học vào soạn bài, tìm hiểu ngữ liệu.

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ổn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới**



**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 1 phút

<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Chuẩn KTKN cần đạt</b>
GV thuyết trình: Tuần trước các em đã được học văn bản thuyết minh có sử dụng các biện pháp nghệ thuật. Để viết văn bản thuyết minh hay hơn nữa chúng ta không chỉ sử dụng các yếu tố nghệ thuật mà còn phải sử dụng cả yếu tố miêu tả. Vậy yếu tố miêu tả có vai trò gì, chúng ta cùng tìm hiểu bài học. - Ghi tên bài	- HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy. - Ghi tên bài

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu :**  
+ Tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh: làm cho đối tượng thuyết minh hiện lên cụ thể, gần gũi, dễ cảm nhận hoặc nổi bật, gây ấn tượng.  
+ Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh: phụ trợ cho việc giới thiệu nhằm gợi lên hình ảnh cụ thể của đối tượng cần thuyết minh.
- **Thời gian dự kiến :** 15- 17 phút
- **Phương pháp :** Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình. Thảo luận nhóm.
- **Kĩ thuật :** động não, tia chớp Kĩ thuật khăn trải bàn

<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Chuẩn KTKN cần đạt</b>
<p>* Gọi HS đọc và Tìm hiểu ví dụ SGK (24). * Gọi H.S nhận xét cách đọc của bạn.</p> <p><b>H. Em hiểu gì về ý nghĩa nhan đề người viết đưa ra trong văn bản này?</b> + Nhan đề văn bản: - Nêu vai trò của cây chuối trong đời sống vật chất và tinh thần của con người. - Thái độ của con người trong việc trồng trọt, chăm sóc, sử dụng có hiệu quả các giá trị của cây chuối.</p> <p>* GV cho HS thảo luận theo nhóm bàn: <b>H. Hãy chỉ ra các câu văn thuyết minh về đặc điểm tiêu biểu của cây chuối ?</b> + Dựa vào nội dung bài viết, xác định các câu văn nêu đặc điểm của cây chuối. + Đặc điểm của cây chuối: - Cây chuối rất ưa nước... - Cây chuối là thức ăn, thức dụng từ thân đến lá, từ gốc đến hoa, quả... - Mỗi cây chuối đều cho ra một buồng chuối... - Quả chuối đó trở thành vật phẩm thờ cúng từ ngàn đời trên mâm ngũ quả....</p>	<p><b>I. TÌM HIỂU BÀI</b> <b>Tập hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.</b> <b>a. Ví dụ/sgk/25</b> <b>b. Nhận xét</b></p> <p><b>a.Đối tượng:</b> <b>b.Đặc điểm:</b> - Vị trí, nguồn gốc, nơi sinh sống của cây chuối. - Đặc tính sinh hoạt. - Phân loại và công dụng.</p>

<p><b>H. Em hãy tìm và chỉ ra những câu văn có yếu tố miêu tả về cây chuối và cho biết tác dụng của các yếu tố miêu tả đó?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc, Tập, xác định câu có yếu tố miêu tả trong văn bản.</li> <li>- Phân tích tác dụng của yếu tố đó.</li> <li>+ Những câu văn có yếu tố miêu tả:</li> <li>- Cây chuối thân mềm vươn lên như những cột trụ nhẵn bóng...</li> <li>- Chuối mọc thành rừng bạt ngàn vụ tận.</li> <li>- Chuối mẹ để chuối con, chuối con để chuối cháu, cứ phải gọi là con đàn cháu lũ.</li> <li>- Có một loài chuối được người ta rất chuộng...</li> <li>- Quả chuối chín ăn vào không chỉ no, không chỉ ngon...</li> <li>- Chuối xanh có vị chát...</li> </ul> <p><b>H. Qua việc Tìm hiểu văn bản em thấy yếu tố miêu tả có cần thiết cho văn bản thuyết minh không? Nó có vai trò, tác dụng như thế nào?</b></p> <p><b>* Thầy gọi H.S đọc nguyên văn phần Ghi nhớ theo SGK.</b></p> <p><b>* GV chốt: Chúng ta đã tìm hiểu vị trí, vai trò và tác dụng của các yếu tố miêu tả đối với một văn bản thuyết minh. Trong văn bản thuyết minh không thể không có các yếu tố đó</b></p>	<p><b>Tác dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không chỉ giới thiệu đặc điểm của cây chuối mà còn miêu tả làm rõ những đặc điểm ấy.</li> <li>+ <b>Làm cho đối tượng T. mình thêm cụ thể, sinh động, hấp dẫn, nổi bật:</b> đặc điểm cụ thể của cây chuối và công dụng của cây chuối.</li> </ul> <p><b>II. GHI NHỚ/SGK/ 25</b></p>
--	--

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

#### - Mục tiêu:

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.
- + Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

#### - Thời gian: 7- 10 phút.

#### - Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

#### - Kỹ thuật: Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>* Gọi đọc, nêu yêu cầu BT1?</p> <p>GV nêu y/c: phân nhóm thực hiện từng ND. Lên bảng trình bày. GV ghi nhận – chữa → hoàn thiện.</p>	<p><b>Bài 1. Bổ sung yếu tố miêu tả vào các chi tiết thuyết minh.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân cây chuối hình trụ nhẵn bóng như cột đình lớn dần theo thời gian</li> <li>- Lá chuối tươi có màu xanh lục, bản rộng, lá non màu xanh tươi.</li> <li>- Lá chuối khô chuyển sang màu vàng, sau đó chuyển dần thành màu nâu, quắt lại, khá dẻo</li> <li>- Nõn chuối cuộn tròn, có màu xanh non, xoè to ra và mở ra dần dần thành hình tàu lá.</li> <li>- Bắp chuối giống như búp sen nhưng lớn hơn nhiều có màu tím đỏ</li> <li>- Quả chuối cong cong, lúc đầu chỉ nhỉnh hơn ngón tay, màu xanh non, sau đó lớn dần chuyển màu xanh lục, khi chín có màu vàng rất đẹp.</li> </ul>
<p>* Gọi đọc, nêu yêu cầu BT2? Chỉ ra yếu tố miêu tả trong đoạn văn đó?</p>	<p><b>2. Bài 2. Chỉ ra yếu tố miêu tả trong đoạn văn.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yếu tố miêu tả: Khi mời ai...mời; Do không có tai</li> </ul>

	nên...sạch - Có uống cũng nâng 2 tay xoa xoa rồi mới uống.
* Gọi đọc văn bản “Trò chơi ngày xuân”. H. Hãy chỉ ra những câu miêu tả trong văn bản? * Gv gọi HS khác nhận xét, đưa ra kết luận đúng	<b>3. Chỉ ra những câu miêu tả trong VB “Trò chơi ngày xuân”</b> - Đoạn 1 : Câu đầu : những ngày đầu năm...lòng người à - Đoạn 2 : những nhóm quan họ.. giữa các làng - Đoạn 3 : làn điệu trang trí công phu... hoạ tiết đẹp. - Đoạn 4 : những người tham gia...làm mốc được thua - Đoạn 5 : bàn cờ là...che lọng - Đoạn 7 : Sau hiệu lệnh, những con thuyền...bờ sông.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Viết đoạn văn thuyết minh về phong cảnh có sử dụng các yếu tố miêu tả	- Thực hiện ở nhà

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo
- **Phương pháp:** Dự án
- **Kỹ thuật:** Giao việc
- **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập Vẽ sơ đồ tư duy minh họa	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ**

- Học, nắm chắc nội dung phần Ghi nhớ.
- Làm lại các bài tập

**2. Bài mới.**

- Đọc và nghiên cứu bài mới. Làm dàn ý chi tiết đề bài "Con trâu ở làng quê Việt Nam" để chuẩn bị cho tiết sau.

Tiết: 10 TẬP LÀM VĂN	<b>LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH</b>	Ngày soạn:18/9/2022 Ngày dạy:
-------------------------	---	----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Viết đoạn văn, bài văn thuyết minh sinh động, hấp dẫn.

**2. Kỹ năng :**

- Viết đoạn văn, bài văn thuyết minh sinh động, hấp dẫn.

**3. Thái độ**

- Có ý thức và biết sử dụng tốt yếu tố miêu tả trong việc tạo lập văn bản TM.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu, bảng phụ. Nghiên cứu SGK- SGK soạn bài, phiếu học tập.

- Chuẩn kiến thức kỹ năng, SGK,SGV, SBT.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

-Đọc trước bài, suy nghĩ và tự trả lời các câu hỏi của bài học vào soạn bài,tìm hiểu ngữ liệu.

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ôn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

1. Miêu tả trong văn bản thuyết minh có vai trò gì ?

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

- **Kỹ thuật:** Động não.

- **Thời gian:** 1 phút

<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Chuẩn KTKN cần đạt</b>
GV thuyết trình: Trong văn học nói chung và văn bản thuyết minh nói riêng, yếu tố miêu tả có một vị trí đặc biệt quan trọng. Nhờ yếu tố ấy mà đối tượng nổi bật, sinh động, có hồn. Việc vận dụng yếu tố đó vào văn bản thuyết minh là rất cần thiết. - Ghi tên bài	- HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy. - Ghi tên bài

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu:**

+ Những yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

+ Vai trò của yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh.

+ Viết đoạn văn, bài văn thuyết minh có yếu tố miêu tả sinh động, hấp dẫn

- **Thời gian** dự kiến : 15- 17 phút

- **Phương pháp** : Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình. Thảo luận nhóm.

- **Kĩ thuật** : động não, tia chớp, Khăn trải bàn.

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>* Cho H.S chép đề bài vào trong vở, đọc kỹ đề, xác định yêu cầu của đề. * Cho H.S thực hiện các thao tác: <b>H. Đề trình bày theo cách nào? Phạm vi là những gì? Cần trình bày những ý gì để đáp ứng yêu cầu của đề? Nêu phương thức biểu đạt chính → Khi làm đề này VB trên có giúp em điều gì ?</b></p> <p>+ Đọc, Tập các yêu cầu nêu ta trong đề bài.Nhớ lại các bước, trả lời. <b>1. Tập hiểu đề bài:</b> - Kiểu bài: thuyết minh về một loài vật. - Nội dung: Giới thiệu con trâu. - Phạm vi: Con trâu trong đời sống làng quê Việt Nam. <b>2. Tìm ý:</b> - VB K.học trong sgk: Phương thức biểu đạt chính : Thuyết minh. Có thể nêu: + Vai trò và vị trí của con trâu trong đời sống của người dân Việt Nam.: - là nguồn sức kéo. - cung cấp nguồn thực phẩm, làm giàu chất dinh dưỡng. - là nguyên liệu thủ công mỹ nghệ... + Con trâu mang một nét đẹp trong đời sống văn hóa tinh thần. + Con trâu với tuổi thơ sống ở nông thôn. <b>H. Bố cục thông thường của bài văn thuyết minh ntn? Nội dung từng phần? Phần mở bài của bài này phải có ý nào? Phần thân bài gồm những ý gì? Phần kết bài trình bày ý gì?</b> * GV yêu cầu HS thảo luận, gọi trả lời, lập dàn ý chi tiết, đại diện trình bày, nhận xét, GV chốt trên máy.</p>	<p><b>I. TÌM HIỂU BÀI</b> <b>Đề bài: Con trâu ở làng quê Việt Nam.</b> <b>1, Tìm hiểu đề:</b> - Thể loại - Nội dung - Giới hạn <b>2, Tìm ý</b> - VB TM K.học - Lựa chọn ý.</p> <p><b>3, Lập dàn ý :</b> a/ MB. b/ TB. c/ KB.</p>
<p>+ <b>Mở bài:</b> - Giới thiệu khái quát về con trâu trong đời sống làng quê Việt Nam. - Miêu tả bao quát hình dáng. + <b>Thân bài</b> :Nêu các nội dung chi tiết về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của con trâu. - Hình ảnh con trâu trên đồng ruộng, làng quê Việt Nam. - <b>Nguồn gốc</b> : từ trâu rừng thuần hoá → miêu tả hình dáng cấu tạo các bộ phận thân thể... - <b>Đặc điểm:</b> + Cấu tạo các bộ phận cơ thể + Đặc điểm sinh sống</p>	

<p>+ Đặc điểm sinh sản.</p> <p><b>- Ích lợi của con trâu</b></p> <p>+ Trâu trong việc làm ruộng :</p> <p>- Cày, bừa ruộng: lực kéo trung bình trên ruộng từ 70 – 75 kg → 0.36 → 0.4 mã lực.</p> <p>- Kéo xe chở lúa, gỗ..</p> <p>- Trâu trục lúa (ở miền Bắc)</p> <p>+ Con trâu là tài sản lớn của người nông dân xưa: con trâu là đầu cơ nghiệp.</p> <p>+ Con trâu với tuổi thơ ở nông thôn</p> <p>- Chăn trâu → công việc + thú vui sau giờ học → trâu ung dung gặm cỏ, người ngồi vắt vẻo trên lưng trâu, thổi sáo, thả diều, đọc sách, ôn bài thú vị.</p> <p>- Chiều về trâu được tắm vầy vùng thích thú, bạn nhỏ cũng nô đùa cùng sông nước.( Kỉ niệm chăn trâu tập trận, chăn trâu thả diều, đánh chuyền, đánh chắt,</p> <p>- Mùa đông may áo cho trâu.</p> <p>+ Con trâu trong lễ hội :</p> <p>- Lễ hội chơi trâu ở Đồ Sơn → truyền thống → thu hút du khách → mọi người chứng kiến và cùng sống trong không khí hùng tráng mạnh mẽ, dữ dội, biểu trưng cho tinh thần thượng võ của một vùng quê biển đầy sóng gió. Lễ hội được tổ chức quy mô → hoạt động hấp dẫn độc đáo.</p> <p>+ nguồn cung cấp thịt, sữa, thực phẩm, da, sừng để làm đồ mỹ nghệ</p> <p>- Cách chăm sóc trâu</p> <p>- Giá thành...</p> <p>+ <b>Kết luận :</b> - Vai trò của con trâu trong đời sống.</p> <p>- H/a con trâu cùng với lũy tre làng, cây đa giếng nước, mái đình → quen thuộc gắn bó</p>
--

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP****- Mục tiêu:**

+ Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.

+ Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

**- Thời gian:** 7- 10 phút.

**- Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

**- Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>H. Hãy vận dụng yếu tố miêu tả trong việc giới thiệu con trâu?</p> <p>GV chia lớp thành 4 nhóm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Con trâu ở làng quê VN</li> <li>2. Con trâu trong việc làm ruộng.</li> <li>3. Con trâu trong lễ hội trọi trâu</li> <li>4. Con trâu với tuổi thơ</li> </ol> <p>* Yêu cầu HS viết đoạn văn có dùng yếu tố miêu tả, gọi đọc đoạn văn, gọi nhận xét, Gv chữa, cho điểm đoạn văn hay để khuyến khích, cung cấp đoạn văn mẫu</p> <p>VD1: Trâu ơi! ta bảo trâu này, Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.</p>	<p><b>a. Vận dụng yếu tố miêu tả trong việc giới thiệu con trâu</b></p> <p>+ HĐ nhóm, tìm các yếu tố miêu tả, đại diện trình bày , nhận xét.</p> <p>* VD : VN là quê hương của nền văn minh lúa nước. Vì vậy hình bóng con trâu trên đồng ruộng là một hình ảnh quen thuộc đối với người nông dân. Con trâu là người bạn thân thiết của người nông dân, đi vào trong ca dao dân ca đậm đà tình nghĩa ôTrâu ơi...trâu ăn'</p> <p><b>b.Viết đoạn văn</b> Viết một đoạn văn thuyết minh trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả và vận dụng tục ngữ , ca dao về trâu để vào bài.</p> <p>+ HS viết đoạn văn, đọc trước lớp, nhận xét, nghe GV sửa lỗi.</p> <p><b>VD :</b>Vào những buổi chiều tà, ngắm nhìn những chú</p>

<p>VD2: Con trâu là đầu cơ nghiệp. VD3: Dùng 1 đoạn trong bài thơ “Con trâu đen lông mượt” của nhà thơ Trần Đăng Khoa.</p> <p>H: Qua bài tập trên, em hiểu thêm gì về vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh? H: Khi đưa yếu tố miêu tả vào văn bản thuyết minh ta cần lưu ý điều gì?</p>	<p>trâu đang ung dung gặm cỏ trên các triền đồi, trên lưng chúng là chú bé ngồi vắt vẻo thổi sáo sao mà đẹp, mà bình yên đến thế.</p> <p>+ HS tự trình bày những hiểu biết của mình qua bài học.</p>
---	--

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Viết hoàn thiện văn bản thuyết minh về con trâu có sử dụng các yếu tố miêu tả.	- Thực hiện ở nhà

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo
- **Phương pháp:** Dự án
- **Kỹ thuật:** Giao việc
- **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Viết hoàn thiện văn bản thuyết minh về con trâu có sử dụng các yếu tố miêu tả	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ**

- Ôn luyện về văn bản thuyết minh
- Chuẩn bị cho bài viết vào tuần sau
- Cần phải cho học sinh phân biệt yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh với yếu tố miêu tả ở những văn bản văn học.

**2. Bài mới.**

- Đọc và chuẩn bị trước bài: Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.

Tiết: 11,12 VĂN BẢN	<b>TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN - QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM.</b>	Ngày soạn: 18/9/2022 Ngày dạy:
------------------------	---	-----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức:**

- Học tập phương pháp tìm hiểu, phân tích, trong tạo lập văn bản nhật dụng .

**2. Kỹ năng:**

- Tìm hiểu và biết được quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề được nêu trong văn bản.

**3. Thái độ**

- Thấy được tầm quan trọng của vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em và trách nhiệm của cá nhân và cộng đồng về vấn đề này.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

Tìm hiểu một số điều trong công ước Quốc tế về quyền trẻ em.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc trước văn bản ở nhà.

- Tìm đọc một số điều trong Công ước liên hợp quốc về quyền trẻ em.

- Trả lời các câu hỏi: Hướng dẫn đọc – hiểu văn bản.

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ổn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

- **Kỹ thuật:** Động não.

- **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>- GV giới thiệu bài : Cách 1. Bác Hồ lúc sinh thời từng nói: Trẻ em như búp trên cành Biết ăn, ngủ, biết học hành là ngoan. Lời dạy của Bác thể hiện sự quan tâm đặc biệt của toàn xã hội đối với những chủ nhân tương lai của đất nước. "Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai", vấn đề về quyền trẻ em và các vấn đề về quyền sống của chúng đó và đang được toàn nhân loại cộng quan tâm. Một phần bản “Tuyên bố thế giới ....” Nói nên điều này...</p> <p>- C2:GV đưa tình huống có vấn đề về việc chăm sóc và bảo vệ trẻ em để HS nhận xét và từ đó vào bài (một bài báo về sự ngược đãi trẻ em)</p>	<p>- HS nghe thuyết trình, chuẩn bị tâm thế vào bài</p>



- GV ghi tên bài	
------------------	--

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu** : HS hiểu về tác phẩm, cảm nhận bước đầu về văn bản qua việc đọc.

HS hiểu ý nghĩa của các tình tiết tiêu biểu; rèn kĩ năng tự học theo hướng dẫn.

- **Thời gian** dự kiến : 15- 17 phút

- **Phương pháp** : Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.

- **Kĩ thuật** : Dạy học theo góc, Kĩ thuật khăn trải bàn

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p><b>H.</b> Nêu xuất xứ của văn bản(Trích trong văn kiện nào?) ? *</p> <p><b>Gv mở rộng:</b> Gọi lại vài nét về bối cảnh thế giới mấy chục năm cuối thế kỉ 20 có liên quan đến vấn đề quyền trẻ em.</p> <p>H. Theo em VB cần đọc với giọng như thế nào?</p> <p>* GV gọi 4 H.S mỗi em đọc một mục trong bài viết theo SGK.-&gt; GV nhận xét.</p> <p>* GV dùng lệnh yêu cầu HS giải thích nghĩa một số từ khó Em hiểu gì về chế độ A- pác -thai ? Công ước ? giải trừ quân bị ?</p> <p>HS giải thích nghĩa từ khó.</p> <p>+Tuyên bố: nói một cách nghiêm chỉnh cho mọi người biết 1 việc quan trọng, cần thiết.</p> <p>+ A- phác- thai: chế độ phân biệt chủng tộc</p> <p>- Hiềm họa</p> <p>- Chế độ A-pác-thai</p> <p>- Thôn tính</p> <p>- Tị nạn</p> <p>- Công ước.</p> <p>* GV: Để hiểu rừ nội dung, ý nghĩa văn bản chúng ta cần hiểu được nghĩa của một số từ ngữ trong SGK.</p> <p>* GV bổ sung:</p> <p>+Tăng trưởng: phát triển theo hướng tốt đẹp, tích cực.</p> <p>+Vô gia cư: không gia đình, không nhà cửa.</p> <p>* GV khái quát và chuyển ý: Bài viết trình bày vấn đề gì? Giá trị thực tiễn và giá trị nhân văn của nó ra sao? (Chuyển phần II).</p> <p>Em có nhận xét gì về tính hợp lí, chặt chẽ của bố cục ?</p> <p>* GV gọi HS trình bày =&gt; nhận xét, bổ sung.</p> <p>- GV chốt, cho HS ghi vở</p> <p>+ <b>Bố cục: 4 phần:</b></p> <p>- Phần Mở đầu (Mục 1,2 ): Nêu lý do của bản tuyên bố. Khẳng định quyền được sống, được phát triển của mọi trẻ</p>	<p><b>I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH</b></p> <p><b>1. Tác phẩm</b></p> <p><b>a. Xuất xứ</b></p> <p>Trích trong Tuyên bố Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em họp tại Trụ sở Liên hợp quốc ở Niu- Oóc ngày 30-9-1990.</p> <p><b>b. Đọc – chú thích</b></p> <p><b>c. Bố cục văn bản</b></p> <p><b>4 phần</b></p>

em trên thế giới và kêu gọi khẩn thiết toàn nhân loại hãy quan tâm

- Phần 2 (Mục 3,7): Nêu lên những thách thức đối với cộng đồng quốc tế. Nêu những thực tế, những con số về cuộc sống khổ cực trên nhiều mặt, về tình trạng bị rơi vào hiểm họa của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nay.

- Phần 3 (Mục 8,9): Phân tích những cơ hội để cải thiện đời sống cho trẻ em. khẳng định những điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc chăm sóc bảo vệ trẻ em.

- Phần 4 (Mục 10,17) Đề ra những nhiệm vụ chung cho toàn nhân loại. xác định những nhiệm vụ cụ thể mà từng quốc gia và cả cộng đồng quốc tế cần làm vì sự sống còn và phát triển của trẻ em. Những nhiệm vụ có tính cấp bách này được nêu lên một cách hợp lí bởi dựa trên cơ sở tình trạng điều kiện thực tế.

GV tổ chức HS làm việc trong nhóm theo kỹ thuật KTB (5phút)

H. Hãy xác định kiểu văn bản, phương thức biểu đạt chính là gì? Nội dung được người viết đề cập trong văn bản này là gì?

+ **Nội dung:** Đề cập đến thực trạng đồng lo ngại của phần lớn trẻ em trên thế giới và mối quan tâm sâu sắc của cộng đồng quốc tế đối với trẻ em.

**1. Hướng dẫn tìm hiểu về một số đặc điểm của trẻ em : ( 8 phút)**

**\* GV gọi H.S đọc 2 mục được trích dẫn trong phần này theo SGK.**

**H**

**. Theo em 2 mục của phần này có nhiệm vụ gì trong lời Tuyên bố?**

**H. Hội nghị đã kêu gọi toàn thể nhân loại điều gì ? Vì sao phải kêu gọi như vậy ?**

**\* Thầy cho H.S quan sát và theo dõi một số bức tranh về đề tài này.**

GV.Cuối thế kỉ XV, vấn đề bảo vệ quyền lợi, chăm sóc sự phát triển của trẻ em được cộng đồng quốc tế quan tâm toàn diện và sâu sắc. Song cũng có không ít những khó khăn những vấn đề cấp bách đặt ra: sự phân hoá rõ rệt về mức sống giữa các nước, giữa người giàu và người nghèo trong một nước, tình trạng chiến tranh và bạo lực nhiều nơi trên thế giới, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, bị tàn tật, bị thất học, bị bóc lột, có nguy cơ ngày càng nhiều... Vì vậy mà ngày 30-9-1990, hội nghị cấp cao của thế giới và trẻ em đã đề ra bản tuyên bố...

**d. Thể loại và phương thức biểu đạt**

+ **Kiểu văn bản:** Văn bản thuộc loại nhật dụng

+ **Phương thức biểu đạt chính:** nghị luận chính trị xã hội

**II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

**1.Mở đầu:** 2 mục có nhiệm vụ nêu vấn đề.

**- Lời kêu gọi :** hãy đảm bảo cho trẻ em một tương lai tốt đẹp hơn.

+ Nội dung:

Nhận thức của cộng đồng quốc tế về trẻ em và quyền sống của chúng trên thế giới này.

**H. Em có ý kiến nhận xét đánh giá thế nào về cách nêu vấn đề ở phần này?**

⇒ Cách nêu vấn đề gọn, rõ, tường minh mang tính chất khẳng định bản chất của vấn đề. Thể hiện rõ ràng, sâu sắc tính cộng đồng và tính nhân đạo, khẳng định: hoà bình, ấm no, hạnh phúc là nhu cầu sống của con người.

**H: Bản tuyên bố giúp em hiểu cộng đồng quốc tế nhìn nhận về trẻ em như thế nào?**

**\* GV gợi ý:**

**H: Đặc điểm của trẻ em?**

**H: Quyền sống của trẻ em?**

**H: Em suy nghĩ gì về đặc điểm tâm sinh lí của trẻ em?**

+ Tìm hiểu, trả lời.

- Đặc điểm tâm sinh lí của trẻ em: trong trắng, ham hoạt động, dễ bị tổn thương.

- Quyền sống của trẻ em: phải được vui tươi, học hành và phát triển.

- Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hoà hợp.

-> Đó là cách nhìn đầy tin yêu, trách nhiệm đối với trẻ em và tương lai của chúng.

**\* GV tổ chức cho HS giới thiệu tranh ảnh đã sưu tầm về quyền bảo vệ, chăm sóc trẻ em**

**Hướng dẫn củng cố về một số đặc điểm của trẻ em :( 3 phút)**

**- GV củng cố, chốt và đưa câu hỏi chuyển phần 2**

**.Em hãy nêu nhận thức của cộng đồng quốc tế về trẻ em và quyền sống của chúng trên thế giới này ?**

- HS tự bộc lộ.

- Quyền của trẻ em là vấn đề quan trọng và cấp thiết. Trẻ em có quyền kì vọng về những lời tuyên bố này.

**=> Cộng đồng thế giới quan tâm đến quyền lợi của trẻ em.**

- Đặc điểm tâm sinh lí của trẻ em:

- Quyền sống của trẻ em:

=> Cộng đồng thế giới quan tâm đến quyền lợi của trẻ em.

**\* Cho H.S đọc lại 5 mục tiếp theo trong SGK.**

**H. Ở 5 mục này, người viết đó phân tích và đánh giá những thách thức gì của cộng đồng quốc tế về quyền trẻ em?**

+ Quan sát, nêu nhận xét, đánh giá.

- Nhận thức của TG về thực trạng cuộc sống bất hạnh của trẻ em trên TG.

**H. Thực trạng ấy đó và đang xảy ra ở đâu? Ở các nước ấy thực tế trẻ em phải sống như thế nào?**

+ HS trao đổi nhóm bàn trả lời, nhóm khác nhận xét, bổ

**2. Sự thách thức đối với cộng đồng quốc tế.**

**\* Thực trạng cuộc sống bất hạnh của trẻ em**

- Phải chịu đựng thảm họa của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, vô gia cư, dịch bệnh, mù chữ, môi trường xuống cấp.

- Bị chết do suy dinh dưỡng và dịch bệnh...

=> Hậu quả: Hàng chục ngàn trẻ em chết mỗi ngày do suy dinh

sung

- Cuộc sống nghèo khổ, những hiểm họa đe dọa, kìm hãm sự tăng trưởng và phát triển của phần lớn trẻ em trên thế giới hiện nay.

- Sự thách thức diễn ra ở các nước chậm phát triển.

- Trẻ em phải chịu tình trạng cơ cực, thiếu thốn, bệnh tật, thất học. Nhiều trẻ em là nạn nhân của sự ruồng bỏ, của sự đối xử tàn nhẫn và bị bóc lột thậm tệ.

**H. Em thử liên hệ xem trẻ em Việt Nam ta sự thách thức ấy có diễn ra không?**

+ HS liên hệ và đánh giá.

- Trẻ em VN chịu ảnh hưởng của 2 cuộc chiến tranh. Các em phải chịu nhiều hi sinh, mất mát lớn: mồ côi, đói nghèo, bệnh tật, nhiễm các chất hóa học, phóng xạ: đi-ô-xin, chất độc da cam...

**H. Bằng những hiểu biết của em, hãy cho biết: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trẻ em Việt Nam ta ngày nay được thừa hưởng những quyền gì?**

+ Tự do trình bày suy nghĩ cá nhân

- Đảng và nhà nước đã quan tâm sâu sắc: Tham gia công ước quốc tế... thành lập UBBV và chăm sóc trẻ em xây dựng BV nhi, khám chữa bệnh miễn phí...

*\* GV cho HS xem tranh ảnh: Một số quyền của trẻ em- Sách GD CD 7*

**H. Trong bài viết, tác giả đã chỉ ra và phân tích những hậu quả gì đến với trẻ em trong sự thách thức trên?**

**H. Em có nhận xét gì về những thách thức nêu trên? Từ đó em hiểu tổ chức LHQ đã có thái độ ntn trước những nỗi bất hạnh của trẻ em TG ?**

+ Nêu nhận xét, trình bày suy nghĩ về thái độ của LHQ

=> Là những thách thức đầy cam go, phức tạp đòi hỏi các nhà lãnh đạo các nước nhận thức rõ thực trạng đau khổ trong cuộc sống của trẻ em và quyết tâm giúp các em vượt qua những bất hạnh.

**H. Suy nghĩ của em thế nào về nỗi đau của trẻ em VN ta từ những thông điệp trên?**

+ HS suy nghĩ trả lời, liên hệ thực tế

VD: Trẻ em VN là nạn nhân của các vụ lừa đảo mua bán qua biên giới, bị ép duyên trong tuổi vị thành niên.

- Rất nhiều quyền, có thể kể như: quyền được bảo vệ chăm sóc, quyền khai sinh, quyền được đi học, vui chơi...

GV. Tuy ngắn gọn nhưng phần này đã nêu khá đầy đủ, cụ thể tình trạng bị rơi vào hiểm họa, cuộc sống khổ cực về nhiều mặt của trẻ em trên thế giới hiện nay. Không chỉ nêu thực trạng, VB còn nói lên nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó nhưng không đồng chạm đến quốc gia nào. Đó là tính

pháp lí thể hiện một cách viết sâu sắc và tế nhị.

\* GV đọc cho H.S nghe bài hát: "Chất độc màu da cam:"  
Đường phố đỏ vào hồ..."

**H. Qua 5 mục người viết trình bày trong *Sự thách thức*, hãy nêu nhận xét, đánh giá của em về cách lập luận bài văn?**

+ HS nghe và cảm nhận hi sinh và tội ác chiến tranh.

+ Trình bày suy nghĩ, nêu nhận xét.

⇒ Cách nêu luận điểm và trình bày luận điểm toàn diện, cụ thể, xác thực có kèm số liệu dẫn chứng, lý lẽ đưa ra thấu tình, đạt lý, giàu sức thuyết phục.

**\*Chuyên ý:** "Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai", được sự quan tâm của cộng đồng, trẻ em được thừa hưởng những cơ hội gì? (Chuyên phần 3)

**3. Hướng dẫn HS tìm hiểu Nhận thức về khả năng của cộng đồng quốc tế có thể thực hiện được lời tuyên bố vì trẻ em( 5 phút).**

\* Cho H.S đọc và suy nghĩ 2 mục 8 và 9.

**H. Nội dung được người viết đề cập đến ở mục 2 này là gì?**

**H. Được sự quan tâm của mọi tổ chức, trẻ em hiện nay đó có những điều kiện thuận lợi gì?**

**H. Tranh thủ điều kiện thuận lợi trên, Đảng và Nhà nước ta đó làm gì để bảo vệ quyền trẻ em?**

+ H.S liên hệ qua đài, báo, vốn sống:

Đảng, nhà nước có nhiều biện pháp tích cực, hữu hiệu để chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

- Xây dựng trường học, bệnh viện, cung văn hoá, trung tâm SOS...

+Thành lập UB bảo vệ, chăm sóc trẻ em, tổ chức tiêm phòng cho trẻ...

\* GV. Các uỷ ban chăm sóc bảo vệ trẻ em thành lập dưới sự giám sát của tổ chức UNICEF; các hoạt động cứu trợ, khám bệnh miễn phí cho trẻ em; luật phổ cập giáo dục xóa nạn mù chữ; các làng mồ côi, trường SOS; hội trẻ em tàn tật được thành lập; tổ chức INTERFON quốc tế chống các tệ nạn xã hội trong trẻ em...

**H. Ở phần này tác giả đã sử dụng cách lập luận nào?**

⇒ Cách lập luận giải thích kết hợp với chứng minh: dùng công ước để khẳng định vai trò của sự liên kết; giải thích bằng thực trạng đã có.

**\* Chuyên ý:** Tranh thủ cơ hội tròn chúng ta cần xác định cho mình những nhiệm vụ gì? (Chuyên phần 4)

**4. Hướng dẫn HS tìm hiểu các giải pháp cụ thể của cộng đồng quốc tế về quyền trẻ em**

⇒ Cách nêu luận điểm và trình bày luận điểm toàn diện, cụ thể, xác thực có kèm số liệu dẫn chứng, lý lẽ đưa ra thấu tởnh, đạt lý, giàu sức thuyết phục.

**3. Cơ hội để cải thiện đời sống cho các em.**

- Nhận thức về khả năng của cộng đồng quốc tế có thể thực hiện được lời tuyên bố vì trẻ em.

- Sự liên kết chặt chẽ giữa các quốc gia cựng ý thức cao của cộng đồng quốc tế.

- Những đau khổ phần lớn bị loại trừ.

- Công ước quốc tế về quyền trẻ em được thi hành rộng rãi.

- Phúc lợi dành cho trẻ em không ngừng được nâng cao.

- Cuộc sống đói rách, ốm đau, thất học... bị đẩy lùi.

**4. Những nhiệm vụ của cộng đồng**

**\*GV hướng dẫn HS tự đọc có suy nghĩ 8 mục cũn lại (từ mục 10-17).**

**H. Những nội dung được người viết đề cập tới ở 8 mục này là gì?**

**H. Những nội dung đề ra như vậy có thiết thực không? Em có nhận xét gì về nhiệm vụ mà bản tuyên bố đưa ra?**

+ Trình bày nội dung.

+ Trình bày suy nghĩ:

Rất tốt, rất thiết thực, quan tâm đến đời sống nhiều mặt của trẻ em.

=> Nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, toàn diện trên các lĩnh vực. Không chỉ là nhiệm vụ của từng nước mà là nhiệm vụ của cả cộng đồng.

**H. Các quốc gia và cộng đồng quốc tế ở đây có nhiệm vụ gì trong việc bảo vệ sự sống và phát triển của trẻ em ?**

\* GV: Bảo vệ, chăm sóc trẻ em là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu của từng quốc gia và cộng đồng quốc tế vì đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến vận mệnh, tương lai của đất nước, nhân loại.

**H. Nhận xét của em về trình tự sắp xếp các mục của người viết ở phần này?**

+ HS nêu nhận xét:

-> Trình tự sắp xếp các mục rất chặt chẽ, lô gíc, có hệ thống.

**H: Trong những biện pháp thực hiện, em thấy điểm nào cần chú ý?**

+ Tự do trình bày.

\* Các nước cần đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế để chăm lo đời sống vật chất cho trẻ em.

- Tất cả các nước đều phải phấn đấu và phối hợp thực hiện.

\* Trẻ em Việt Nam được Đảng và nhà nước quan tâm.

- Cho HS xem ảnh Bác Hồ đến thăm nhà mẫu giáo.

**H: Trẻ em Việt Nam đã và đang được Đảng và nhà nước quan tâm như thế nào?**

**\*GV liên hệ một số những việc làm tốt, chưa tốt đối với quyền trẻ em như vụ bạo dâm trẻ ở Cà Mau**

- Tăng cường chăm lo sức khỏe và chế độ dinh dưỡng.

- Quan tâm, chăm sóc nhiều đến trẻ bị tàn tật và có hoàn cảnh sống đặc biệt khó khăn.

- Đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Đối xử công bằng với trẻ em gái.

- Bảo đảm quyền được học hành và vui chơi, được học hết bậc giáo dục cơ sở.

- Đảm bảo an toàn cho các bà mẹ khi mang thai và sinh đẻ, thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

- Tạo cơ hội cho trẻ lang thang biết được nguồn gốc của mình.

- Cần tạo cho trẻ môi trường sống an toàn, tăng cường các điều kiện kinh tế để đảm bảo tương lai cho trẻ em.

<p><b>III.Hướng dẫn HS đánh giá, khái quát.</b> * GV nêu câu hỏi khái quát kiến thức.</p> <p><b>H. Nhận xét về những nhiệm vụ mà bản tuyên bố đã nêu ra ? Lí lẽ và lời văn trong đoạn ? Tác dụng ?</b> + Suy nghĩ rút ra nhận xét. - Những nhiệm vụ nêu ra khá toàn diện và cụ thể, xác định được nhiều nhiệm vụ cấp thiết của cộng đồng quốc tế và từng quốc gia. - Lí lẽ và lời văn dứt khoát, mạch lạc, rõ ràng, cụ thể, có sức thuyết phục cao bằng các lập luận phân tích, giải thích, chứng minh, tổng hợp... - Tác dụng : Tạo mối liên hệ chặt chẽ, tự nhiên giữ các phần trong văn bản. Người đọc thấy rõ được tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ chăm sóc trẻ em và sự quan tâm của cộng đồng quốc tế về vấn đề</p> <p><b>H. Qua bản tuyên bố em thấy tầm quan trọng trong vấn đề chăm sóc và bảo vệ trẻ em của cộng đồng quốc tế và của ta như thế nào?</b> GV..... * GV chốt, gọi HS đọc ghi nhớ.</p>	<p><b>III.Ghi nhớ:(SGK/ T35)</b> <b>1. Nội dung :</b> Bảo vệ quyền lợi chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những vấn đề cấp bách có tính toàn cầu được các quốc gia cam kết cùng thực hiện. <b>2. Nghệ thuật:</b> Bố cục mạch lạc hợp lí, các ý trong văn bản quan hệ với nhau hợp lí, dẫn chứng toàn diện tiêu biểu có sức thuyết phục cao <b>3. Ý nghĩa:</b> VB nêu lên những nhận thức đúng đắn và hành động phải làm vì quyền sống, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.</p>
--	---

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP****- Mục tiêu:**

+ Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.

+ Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

**- Thời gian:** 7- 10 phút.**- Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...**- Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Chuẩn KTKN cần đạt</b>
<p>+ <b>Bài 1</b> * GV yêu cầu học sinh thảo luận v/đ sau : a) Nêu suy nghĩ của em về sự quan tâm của Đảng và nhà nước ta đối với trẻ em? b) Để xứng đáng với sự quan tâm đó em phải làm gì? + <b>Bài 2:</b> Viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của em về thực tế việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em của nước ta hiện nay? - GV gợi ý: Cảm nhận về những gì mình đang được hưởng, được ưu tiên...</p>	<p>- Các nhóm khác nhận xét. + HS thảo luận nhóm bàn, đại diện trình bày, nhận xét, bổ sung.  + HS viết đoạn văn =&gt; đọc trước lớp.</p>

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

+ Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

+ Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.

+ **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

+ **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác+ **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em sau khi học văn bản?	- Thực hiện ở nhà

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

+ Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

+ Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

**- Phương pháp:** Dự án**- Kỹ thuật:** Giao việc**- Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Tìm hiểu thực tế công việc chăm sóc bảo vệ trẻ em ở địa phương. - Suu tầm tranh ảnh, bài viết, sự quan tâm của Đảng, nhà nước về trẻ em	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ** - Làm tiếp bài tập 2 vào vở bài tập.

- Học thuộc ghi nhớ.

**2. Bài mới** :- Soạn bài “ Các phương châm hội thoại

Tiết: 13 TIẾNG VIỆT	<b>CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI</b> (Tiếp theo)	Ngày soạn: 20/9/2022 Ngày dạy:
------------------------	---	-----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức:**

- Lựa chọn đúng PCHT trong quá trình giao tiếp.

**2. Kỹ năng:**

- Hiểu đúng các nguyên nhân của việc không tuân thủ PCHT.

**3. Thái độ**

- Thái độ đúng đắn và kỹ năng ứng xử linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của từng tình huống giao tiếp cụ thể.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Phiếu bài tập, bảng phụ ghi các ví dụ mẫu.

**2. Chuẩn bị của học sinh**



- Phiếu học tập, sưu tầm thêm một số ví dụ có liên quan đến bài
- Trả lời các câu hỏi trong SGK phần hướng dẫn học bài.

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC**\* **Bước 1: Ổn định tổ chức**\* **Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

H1. Thế nào là phương châm quan hệ, cách thức, lịch sự? Hãy đặt ra một tình huống giao tiếp mà người nói không tuân thủ phương châm lịch sự?

\* **Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
* GV giới thiệu bài: Khi giao tiếp thông thường, chúng ta nên tuân thủ các phương châm hội thoại. Tuy nhiên, không ít trường hợp, người nói phải tránh nói sự thật, phải đánh trống lảng, phải nói mơ hồ, vòng vo. Đây là những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại một cách có chủ ý. - GV dẫn dắt vào bài. Ghi tên bài.	+ HS nghe giới thiệu bài, ghi tên bài.

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu :** Tìm hiểu mối quan hệ giữa phương châm hội thoại và tình huống giao tiếp; những tình huống không tuân thủ phương châm hội thoại.
- **Thời gian dự kiến :** 15- 17 phút
- **Phương pháp :** Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật :** động não, tia chớp.

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
* GV dùng lệnh gọi 1 HS đọc truyện “Chào hỏi” SGK/36. * Yêu cầu HS thực hiện thảo luận nhóm bàn. Gọi đại diện trình bày, nhận xét, GV bổ sung, chốt. <b>H. Cuộc hội thoại diễn ra ở đâu? Vào lúc nào? nhằm mục đích gì?</b> - 2 HS trả lời, một số em nhận xét. + Cuộc hội thoại diễn ra khi người đốn củi đang ở trên cây, làm việc mệt nhọc và chàng rể ở dưới đất. + Mục đích của chàng rể là để chào hỏi. <b>H. Câu hỏi của nhân vật chàng rể có tuân thủ phương châm lịch sự không? Vì sao?</b> + Suy nghĩ, trả lời + Câu hỏi có tuân thủ phương châm lịch sự. Vì nó thể hiện sự quan tâm của anh ta đến người đốn củi <b>H. Theo em, cách hỏi này đó được sử dụng đúng lúc, đúng chỗ không? Tại sao?</b> + Suy nghĩ, trả lời cá nhân. Câu hỏi dùng không đúng lúc đúng chỗ. (Vì người được hỏi	<b>I. TÌM HIỂU BÀI</b> <b>1. Quan hệ giữa phương châm hội thoại và tình huống giao tiếp.</b> <b>a. Ví dụ/sgk/ 36</b>  <b>b. Nhận xét</b>

<p>đang ở trong tình thế không thuận lợi: trên cao phải trèo xuống để trả lời anh ta). Nhưng trong trường hợp này lại gây phiền hà, chỉ khiến người đối thoại bực tức.</p> <p><b>H. Vậy trong cuộc sống hàng ngày, ta có nên hỏi trong những tình huống tương tự như vậy không? Vì sao?</b></p> <p><b>H. Tình huống tuân thủ phương châm lịch sự và không tuân thủ phương châm lịch sự có gì khác nhau?</b></p> <p>+ Phân biệt sự khác nhau, trả lời cá nhân. - Khác về ngữ cảnh, tình huống giao tiếp, lời hỏi thăm được nói với ai? Nói ntn? Nói ở đâu? Nói nhằm mục đích gì?</p> <p><b>H. Vậy từ câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì trong giao tiếp?</b></p> <p>* GV yêu cầu H.S đọc phần Ghi nhớ SGK (36). * Giảng: Để mối quan hệ trên thực hiện có hiệu quả ta cần chú ý điều gì? (Chuyển ý phần 2) * <b>GV yêu cầu HS đọc mục 1 SGK/ 32.</b></p> <p><b>H. Trong các ví dụ của 5 phương châm đã học, những tình huống nào không tuân thủ phương châm hội thoại?</b></p> <p>(1) Trong 5 phương châm hội thoại đó học, chỉ có 2 tình huống đã học về phương châm lịch sự là tuân thủ phương châm hội thoại, các tình huống ở các ví dụ khác không tuân thủ.</p> <p><b>H. Trong các tình huống ấy vì sao người nói vi phạm phương châm hội thoại?</b></p> <p>⇒ Người giao tiếp vô ý, vô tình, thiếu văn hóa giao tiếp. * <b>GV chốt, ghi bảng.</b></p> <p>* <b>GV yêu cầu H.S đọc đoạn đối thoại mục 2 SGK (32).</b></p> <p><b>H. Theo em, câu trả lời của Ba có đáp ứng được yêu cầu câu hỏi của An không? Vì sao?</b></p> <p>(2) Câu trả lời không đáp ứng được yêu cầu của người hỏi. Vì: câu trả lời ấy rất chung chung, Ba không biết rõ chiếc máy bay đầu tiên được chế tạo vào năm nào.</p> <p><b>H. Trong tình huống này, phương châm hội thoại nào không được tuân thủ? Vì sao?</b></p> <p><b>H. Vì sao mà Ba lại không tuân thủ phương châm hội thoại trong lời nói của mình?</b></p> <p>+ Giải thích lý do vì: Ba không biết chiếc máy bay ấy chế tạo vào năm nào. Mà trong phương châm về chất đã nêu quy định: không nên nói điều mà mình không có bằng chứng xác thực.</p> <p>* <b>GV nhận xét, chốt-&gt;ghi bảng.</b></p> <p>* <b>GV yêu cầu H.S đọc mục 3 SGK (37).</b></p> <p><b>H. Giả sử có bệnh nhân mắc chứng bệnh nan y thì theo</b></p>	<p>Câu hỏi không được sử dụng đúng lúc đúng chỗ.</p> <p>-&gt; Những yếu tố đó ảnh hưởng đến giá trị giao tiếp của lời nói chung, đến việc tuân thủ các phương châm hội thoại nói riêng.</p> <p>-&gt; Khi giao tiếp không những phải tuân thủ PCHT mà còn phải chú ý đến đặc điểm của tình huống giao tiếp: Nói với ai? Khi nào? ở đâu?</p> <p>*<b>Ghi nhớ 1:SGK/ T36.</b></p> <p><b>2. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.</b></p> <p><b>a. Ví dụ/sgk/ 37</b></p> <p><b>b. Nhận xét</b></p>
---	--

<p><b>em sau khi khám bác sĩ có nên nói rõ sự thật về hiện trạng đó không? Vì sao?</b> (3) Bác sĩ không nói thật về hiện trạng sức khỏe để tránh gây tâm lý hoang mang tuyệt vọng cho bệnh nhân. (Mà y đức của thầy thuốc là "còn nước còn tát").</p> <p><b>H. Khi bác sĩ nói tránh đi để bệnh nhân yên tâm chữa bệnh thì bác sĩ đó không tuân thủ phương châm hội thoại nào?</b> <b>H. Theo em, việc nói dối của Bác sĩ có thể chấp nhận được không? Tại sao?</b> + H.S đối chiếu xác định phương châm bác sĩ vi phạm. + H.S xác định: Điều này có thể chấp nhận được vỡ nó hoàn toàn có lợi để cho bệnh nhân yên tâm, lạc quan chữa bệnh.</p> <p><b>H. Từ tình huống trên em hãy xác định xem những tình huống khác tương tự như vậy?</b> + H.S Tập, trao đổi, trình bày: - Khi H.S học yếu thầy không nói thẳng trình độ học lực mà động viên nói: "cần cố gắng". - Các chiến sĩ hoạt động trong lòng địch không thể nói thực với địch về tình hình mình. - Khi nhận xét về tính tình, hình thức, tuổi tác của người đối thoại...</p> <p><b>H. Qua tình huống này, em rút ra cho mình nhận xét gì trong khi giao tiếp?</b> * GV chốt. * Thầy hướng dẫn H.S Tập hiểu mục 4 SGK.</p> <p><b>H. Khi nói: "Tiền bạc là tiền bạc" thì có phải người nói không tuân thủ phương châm về lượng hay không?</b> (4) Giải thích câu nói: - Xét về nghĩa hiển ngôn (nghĩa bề mặt của câu chữ): cách nói này không tuân thủ phương châm về lượng. - Xét về nghĩa hàm ẩn (nghĩa biểu hiện qua vốn sống, trình độ, tri thức...) cách nói này vẫn tuân thủ phương châm về lượng.</p> <p><b>H. Theo em, ta nên hiểu ý nghĩa câu nói này như thế nào?</b> ⇒ Ý nghĩa: - Tiền bạc chỉ là phương tiện sống chứ không phải là mục đích cuối cùng của con người. - Ngoài tiền bạc, phương tiện duy trở cuộc sống, con người cũn có những mối quan hệ tình cảm thiêng liêng tốt đẹp như: tình yêu, tởnh bạn, tình đồng chí, tình thầy-trò...</p> <p><b>H. Qua ví dụ này, em rút ra nhận xét gì?</b> <b>H. Tập một số cách nói có nội dung tương tự với cách nói</b></p>	<p>⇒ Ưu tiên cho một phương châm hội thoại khác.</p> <p>Trong quá trình giao tiếp có 1 yêu cầu quan trọng hơn việc tuân thủ phương châm hội thoại thì phải ưu tiên cho yêu cầu hoặc phương châm ấy</p> <p>=&gt; Người nói muốn gây sự chú ý muốn răn dạy người khác bằng cách nói thì phải hiểu theo ý hàm ẩn</p>
---	---

<p><b>trên?</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nó vẫn là nó đấy mà.</li> <li>- Chiến tranh là chiến tranh.</li> <li>- Em vẫn là em mà anh vẫn cứ là anh. (Thơ Xuân Diệu)...</li> </ul> <p><b>H. Từ 4 tình huống vừa Tìm hiểu, em rút ra kết luận gì về mối quan hệ này?</b></p> <p><b>* Thầy gọi 1 H.S đọc lại phần Ghi nhớ theo SGK.</b></p> <p><b>* GV chốt và khái quát kiến thức trọng tâm toàn bài và chuyển ý</b></p>	<p><b>II. GHI NHỚ/SGK/ 36,37</b></p>
---	--------------------------------------

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.
- + Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

**- Thời gian:** 7- 10 phút.

**- Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

**- Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p><b>II. Hướng dẫn HS luyện tập, áp dụng, vận dụng.</b></p> <p>* GV giao việc cho HS: Làm bài tập 1/T37.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn cách làm, giúp đỡ HS làm bài.</li> <li>- GV chốt.</li> <li>* GV cho HS đọc, xác định yêu cầu bài tập 2.</li> <li>- GV chốt: khi giao tiếp chúng ta cần tuân thủ nghiêm túc các phương châm hội thoại.</li> </ul> <p>H. Có ý kiến cho rằng: trong giao tiếp phải thực hiện cả 5 PCHT đúng hay sai? Vì sao?</p>	<p><b>II. Luyện tập.</b></p> <p><b>1.Bài 1:</b></p> <p>Câu trả lời của ông bố vi phạm phương châm cách thức bởi cậu bé 5 tuổi chưa thể hiểu được gì về quyền sách “ Tuyển tập truyện ngắn Nam Cao”.( nhưng với người đi học có thể hiểu được thì câu trả lời lại là đúng.)</p> <p>⇒ Cần phải trả lời rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với lứa tuổi.</p> <p><b>2.Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thái độ và lời nói của Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng không tuân thủ PC lịch sự.</li> <li>- Việc không tuân thủ ấy là không có lí do chính đáng vì khách đến nhà phải chào hỏi chủ nhà rồi mới nói chuyện mà ở đây thái độ và lời nói của khách đều hồ đồ thiếu căn cứ.</li> </ul> <p><b>3. Bài 3.</b></p>

### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Viết đoạn văn có sử dụng các phương châm hội thoại	- Thực hiện ở nhà

### HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

**- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

**- Phương pháp:** Dự án**- Kỹ thuật:** Giao việc**- Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập Vẽ sơ đồ tư duy minh họa kiến thức cho bài học	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ.**

- Học thuộc nội dung ghi nhớ 1,2.
- Làm tiếp bài tập 3 trong vở bài tập.

**2. Bài mới.**

- Chuẩn bị bài: Chuyện người con gái Nam Xương.

Tiết: 14, 15 VĂN BẢN	<b>CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG</b> Trích "Truyện kì mạn lục" – Nguyễn Dữ	Ngày soạn: 21/9/2022 Ngày dạy:
-------------------------	--	-----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Vận dụng kiến thức đã học để đọc - hiểu tác phẩm được viết theo thể loại truyện kì.
- Cảm nhận được những chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm tự sự có nguồn gốc DG.

**2. Kỹ năng :**

- Kể lại được truyện.

**3. Thái độ**

- Lòng cảm thông sâu sắc về số phận của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ và sự trân trọng những vẻ đẹp tâm hồn ở họ.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu.
- Ảnh vẽ chân dung nhà văn Nguyễn Dữ .
- Sưu tầm những tư liệu về nhà văn và tác phẩm "Truyện kì mạn lục" (Bản dịch của Ngụ Văn Triện)

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc trước văn bản ở nhà và tóm tắt được truyện.
- Tự sưu tầm tư liệu về nhà văn Nguyễn Dữ (trên mạng), Truyện **Vợ chàng Trương**.
- Trả lời các câu hỏi trong SGK vào vở soạn và làm các bài tập trong sách BT trắc nhiệm..

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC**\* **Bước 1: Ôn định tổ chức**\* **Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

Đọc và học xong văn bản **Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em**, em tự rút ra cho mình những thông điệp gì?

\* **Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 1 phút

<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Chuẩn KTKN cần đạt</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nêu yêu cầu:</li> <li>- Kể tên một số VB truyện ngắn trung đại mà em đã học trong chương trình ngữ văn lớp 6? Nêu một vài đặc điểm chung về những truyện ngắn ấy.( Chữ viết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo- hiện thực)?</li> <li>- GV nhận xét nội dung HS nêu ra, bổ sung thêm.</li> <li>- GV thuyết trình, giới thiệu: Trong chương trình Ngữ văn 6, 7 chúng ta đã tìm hiểu 1 số tác phẩm văn học trung đại <b>“Con hổ có nghĩa”, “Mẹ hiền dạy con”</b>...Hôm nay, cô và cả lớp sẽ đi vào tìm hiểu 1 truyện trung đại nữa <b>“Chuyện người con gái Nam Xương”</b> trong <b>“Truyện kì mạn lục”</b> của Nguyễn Dữ.</li> <li>- Ghi tên bài.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS kể tên, nêu đặc điểm tiêu biểu. Nghe GV bổ sung.</li> <li>- HS nghe, lĩnh hội kiến thức dẫn dắt giới thiệu của thầy</li> <li>- Ghi tên bài</li> </ul>

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu:** Nắm được những nét cơ bản về tác giả, về tác phẩm: nguồn gốc xuất xứ, đặc điểm thể loại truyện kì và một số điển tích, điển cố trong chú thích từ khó, tóm tắt tác phẩm.
- + Cảm nhận được giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Dữ trong tác phẩm:
- + Vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn người phụ nữ Việt Nam qua nhân vật Vũ Nương.
- + Số phận oan trái của người phụ nữ trong xã hội phong kiến ngày xưa.
- + Tập hiểu những thành công về nghệ thuật của tác phẩm: nghệ thuật xây dựng truyện, dựng nhân vật, nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm tự sự có nguồn gốc dân gian, sự sáng tạo trong việc kết hợp những yếu tố kỳ ảo với tình tiết có thực tạo nên vẻ đẹp riêng của thể loại truyện truyền kì.
- **Thời gian dự kiến :** 15- 17 phút
- **Phương pháp :** Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật :** Dạy học theo góc, Kĩ thuật khăn trải bàn

<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Chuẩn KTKN cần đạt</b>
<p><b>Hãy nêu những hiểu biết của em về cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn Nguyễn Dữ?</b></p>	<p><b>I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH</b></p> <p><b>1. Tác giả.</b></p> <p>-Sống trong TK XVI, đời Lê-Mạc</p>

<p><b>* GV bổ sung thông tin về tác giả</b></p> <p>+ Lấy thông tin trên mạng kết hợp với phần Chú thích SGK trang 48, 49 trả lời câu hỏi cá nhân.</p> <p>- Là người tuy học rộng, tài cao nhưng Nguyễn Dữ tránh vòng danh lợi, chỉ làm quan cho nhà Mạc 1 năm sau về quê sống ẩn dật tại chôn thanh nhàn ở chôn núi rừng Thanh Hóa.</p> <p>- Sáng tác của Nguyễn Dữ thể hiện cái nhìn tích cực của ông đối với văn học dân gian.</p> <p><b>H. Trình bày những hiểu biết của em về đặc điểm của thể loại truyện Truyền kì?</b></p> <p>+ Căn cứ vào Chú thích (1) SGK tr 49 khái quát đặc điểm. Trả lời cá nhân, HS khác bổ sung. Nghe GV chốt, bổ sung thông tin.</p> <p>- <b>Cách viết</b> : bằng tản văn xen lẫn văn biền ngẫu, thơ ca, từ khúc.</p> <p>- <b>Nhân vật chính</b>: + thường là những người phụ nữ đức hạnh, trí thức khát khao cuộc sống hạnh phúc, bị xã hội xô đẩy vào cảnh ngộ éo le, bất hạnh. + Những trí thức có tâm huyết, bất mãn với thời cuộc, không chịu trói mình vào vòng danh lợi.</p> <p>- <b>Vị trí</b> : <b>Chuyện Người con gái Nam Xương</b> là thiên thứ 16 của truyện. Truyện có nguồn gốc từ truyện dân gian VN <b>Vợ chàng Trương</b></p> <p><b>* GV chốt, bổ sung</b> : Truyền kì mạn lục là do Nguyễn Dữ sáng tác mô phỏng theo cốt truyện dân gian hoặc dã sử chứ không sưu tầm. Ông gửi vào đó những tâm tư, nhận thức, khát vọng của một trí thức. Cuối mỗi truyện đều có lời bình của tác giả, nội dung đều có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc.</p> <p><b>* Nêu yêu cầu:</b></p> <p>- Đây là tác phẩm truyện cần đọc to, rõ ràng, mạch lạc. Chú ý lời văn trần thuật của tác giả với lời đối thoại của các nhân vật trong tác phẩm, phân biệt các đoạn tự sự và những lời đối thoại thể hiện tâm trạng nhân vật trong từng hoàn cảnh. Về ngữ điệu đọc, cần thể hiện sự đăng đối giữa các câu văn biền ngẫu qua bản dịch.</p> <p><b>* Yêu cầu HS đọc, lưu ý lời</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dẫn truyện</li> <li>- Vũ Nương</li> <li>- Trương Sinh</li> <li>- Bà mẹ</li> <li>- Bộ Đản</li> <li>- Phan Lang</li> <li>- Linh Phi</li> </ul>	<p>-Quê: Người huyện Trường Tân nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, là học trò xuất sắc của Nguyễn Bình Khiêm.</p> <p><b>2. Tác phẩm</b></p> <p><b>a. Xuất xứ</b></p> <p>- Truyền kì :là loại văn xuôi cổ viết bằng chữ Hán.</p> <p>- Nội dung ý nghĩa nhan đề : Ghi chép tản mạn những điều kì lạ được lưu truyền trong nhân gian.</p> <p>- Nguồn gốc của truyện : Được viết bằng chữ Hán, gồm 20 truyện, có đề tài phong phú : khai thác từ truyện cổ dân gian, truyền thuyết lịch sử, dã sử VN.</p> <p>- Cách viết :</p> <p>-Nhân vật chính:</p> <p>- Vị trí :</p> <p><b>b. Đọc – chú thích</b></p>
--	---

<p><b>H. Nhận xét cách đọc? GV sửa chữa cách đọc.</b>  <b>H. Gọi HS tóm tắt truyện?</b></p> <p><b>* Tóm tắt truyện.</b>  + Vũ Thị Thiết quê ở Nam Xương tính nết na, thùy mị, lấy Trương Sinh con nhà khá giả nhưng ít học và hay đa nghi.  - Cuộc sống gia đình êm ấm → Trương Sinh phải đi lính đánh giặc Chiêm. Vũ Nương ở nhà sinh con chăm sóc mẹ chồng chu đáo. Mẹ chồng già ốm và mất.  - Trương Sinh trở về nghe câu nói của con nghi ngờ vợ. Vũ Nương bị oan nhưng không thể minh oan đã tự tử ở bến Hoàng Giang, được Linh phi cứu giúp.  - Ở dưới thủy cung, Vũ Nương gặp Phan Lang (Người cùng làng). Phan Lang được Linh phi giúp trở về trần gian - Gặp Trương Sinh.  - Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến sông, Vũ Nương thoáng hiện, nói lời từ biệt và biến mất.</p> <p><b>* GV nhận xét, sửa cách tóm tắt VB tự sự.</b>  <b>H. Hãy giải nghĩa một số từ khó?</b>  * Chuyển ý: Truyền kì mạn lục được đánh giá là "thiên cổ kì bút" (áng văn lạ ngàn đời) gồm 20 truyện đậm đà tính nhân văn. Người con gái Nam Xương là một trong số 20 thiên truyện ấy.</p> <p><b>H. Hãy xác định phương thức biểu đạt, bố cục và nội dung từng phần trong bố cục, nhân vật?</b></p> <p><b>- Bố cục: 3 phần</b>  + Phần 1: Từ đầu đến "cha mẹ đẻ mình".  - ND: Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương.  + Phần 2: Tiếp đến: "việc trút đó qua rồi".  - ND: nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương.  + Phần 3: Còn lại.  - ND: Vũ Nương được cứu sống và oan tình được giải.  + Quan sát trên máy, nghe GV chốt, ghi nhanh vào vở</p> <p><b>* GV giúp đỡ, tư vấn cách HS thực hiện thảo luận nhóm bằng kĩ thuật KTB để trả lời câu hỏi</b>  <b>* GV bổ sung:</b> Các sự việc trong truyện xoay quanh nhân vật trung tâm là Vũ Nương, tuy vậy các nhân vật khác cũng được giới thiệu với mục đích là làm cho đặc điểm của nhân vật chính được đẩy lên đỉnh điểm của truyện.  <b>* GV giúp đỡ, tư vấn cách HS thực hiện để trả lời câu hỏi</b>  <b>Gv chốt -chiếu trên máy, ghi bảng.</b></p> <p><b>* GV nêu yêu cầu:</b>  <b>H.Quan sát 4 câu đầu, qua lời giới thiệu của nhà văn,</b></p>	<p><b>c. Bố cục văn bản</b>  - <b>Bố cục:</b> 3 phần</p> <p><b>d. Thể loại và phương thức biểu đạt</b>  - <b>PTBD chính:</b> Tự sự  - <b>Thể loại:</b>  +Thể: truyền kì.  + Loại văn xuôi tự sự viết bằng chữ Hán.</p> <p><b>II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN</b>  <b>1. Nhân vật Vũ Nương:</b></p> <p>- <b>Nhan sắc:</b> Tư dung tốt đẹp  - <b>Đức hạnh:</b></p>
--	---



<p><b>giúp em hiểu Vũ Nương là người ntn?</b>  * GV giúp đỡ, tư vấn cách HS thực hiện để trả lời câu hỏi</p> <p><b>H. Em thử phán đoán xem trong lời kể của tác giả khi giới thiệu vợ chồng Vũ Nương tác giả ngầm báo trước điều gì?</b>  - Lời kể ngắn gọn, phần nào thể hiện thái độ của tác giả với từng người:  - Trân trọng Vũ Nương và ngầm báo trước một tai hoạ tiềm ẩn sẽ xảy ra ở phía Trương Sinh.</p> <p><b>H. Cuộc đời Vũ Nương qua lời kể của nhà văn , theo em có thể chia ra làm mấy giai đoạn? Em hãy gọi tên cho các giai đoạn ấy?</b>  + Trao đổi trong nhóm làm việc theo kĩ thuật khăn trải bàn:  5 giai đoạn:  1. Khi vừa mới lấy chồng.  2. Buổi chia tay đưa tiễn chồng ra lính.  3. Những ngày sống xa chồng.  4. Khi chồng trở về, nỗi oan khiên khó giải.  5. Cái chết đấng cay, oan nghiệt của Vũ Nương.</p> <p>* GV chốt trên máy để HS quan sát  * GV chuyển ý: Chúng ta Tập hiểu cuộc đời Vũ Nương theo 4 giai đoạn vừa chia.</p> <p><b>H. Tìm đọc những câu văn điển tả lời nói của Vũ Nương với chồng trong cảnh tiễn đưa?</b>  + Đọc, Tìm xác định câu:  "Chàng đi chuyến này...không có cánh hồng bay bông" (tr 44).</p> <p><b>H. Nhận xét của em thế nào về lời văn của tác giả qua những câu nói trên? Tác dụng?</b>  + Nêu nhận xét, đánh giá:  - Các câu văn song hành nhịp nhàng, câu đối sóng đôi nhau.  - Dụng nhiều hình ảnh ước lệ và các điển tích.  -&gt; Thể hiện được cách nói năng khiêm nhường, có văn hóa và tình cảm chân thành của Vũ Nương.</p> <p><b>H. Thái độ, tình cảm của Vũ Nương với chồng qua những câu nói ấy là gì?</b>  + Suy nghĩ, rút ra nhận xét.  - Dẫn dò bằng những lời nói đầy ý tứ, ân tình, không mong vinh hiển, mà chỉ cầu cho chồng được bình an trở về. “không dám mong...chỉ xin...hai chữ bình yên”  - Cảm thông trước những nỗi vất vả gian lao mà chồng sẽ phải chịu đựng “ chỉ e việc quân...lo lắng”  - Nói lên nỗi khắc khoải, nhớ nhung của mình “ nhìn trăng...”</p> <p>* GV chốt: Nét na, hiền thảo, biết hi sinh chịu đựng. Những</p>	<p>- Tính tình thủy mị, nét na.</p> <p><b>* Số phận, cuộc đời:</b>  <b>- Khi vừa mới lấy chồng:</b>  - Biết giữ gìn khuôn phép để vợ chồng tránh thất hoà.</p> <p><b>- Trong buổi chia tay tiễn đưa chồng ra lính:</b>  - Lời dặn dò đầy tình nghĩa: không trông mong vinh hiển chỉ cầu mong cho chồng được bình an trở về.</p> <p>- Cảm thông trước nỗi gian lao của chồng.  - Nỗi khắc khoải, nhớ nhung của người vợ.</p> <p>⇒ Tình cảm đậm đà, tình nghĩa thủy chung. Ước muốn chân thành, giản dị, không màng vinh hoa, phú quý.</p>
--	--

<p>ngày sống xa chồng điều gỡ đó xảy ra? * Chuyên tiết 2</p> <p><b>H. Khi chồng đi vắng, tình cảm nàng dành cho chồng được thể hiện qua những hình ảnh nào?</b> + Đọc, Tìm, phát hiện chi tiết. - Thăm thía nỗi cô đơn: "Ngày qua tháng lại...nỗi buồn góc bệ chân trời không thể nào ngăn nổi." (44)</p> <p><b>H. Những h/ả “bướm lượn đầy vườn”, “mây che kín nói” , cho em hiểu điều gì? Thể hiện tình cảm gì của nàng dành cho chồng?</b> + Suy nghĩ, trả lời - Đó là những h/ả ước lệ, mượn cảnh vật thiên nhiên để nói lên sự trôi chảy của thời gian và tâm trạng con người. + “bướm lượn đầy vườn”-&gt; mùa xuân vui tươi. + “mây che kín nói”-&gt; mùa đông ảm đạm.</p> <p><b>H. Đối với con thơ, mẹ chồng, nàng đối xử ntn? Qua đó cho thấy điều gì ở nàng?</b> + Phát hiện chi tiết, trả lời cá nhân - <b>Với con thơ:</b> sinh thành nuôi nấng dạy dỗ hướng về người cha. - <b>Với mẹ chồng:</b> tận tình chăm sóc mẹ già, Khi bà ốm đau → chăm sóc thuốc thang, lễ bái, lúc nào cũng ân cần, dịu dàng, “lấy lời ngọt ngào, khôn khéo khuyên lơn”. - Khi mẹ chồng mất → xót thương, lo liệu ma chay như cha mẹ mình.</p> <p><b>H. Trước khi mất, lời trăng trối của mẹ chồng chứa đựng ý tứ sâu xa gì với nàng? Qua đó giúp em cảm nhận được điều gì về Vũ Nương?</b> + Suy nghĩ, tự do trình bày ý kiến cá nhân. Lời trăng trối của bà mẹ thể hiện sự ghi nhận nhân cách và đánh giá công lao của nàng đối với gia đình nhà chồng=&gt; Đó là cách đánh giá chính xác, khách quan. * GV nêu yêu cầu: <b>Em cảm nhận gì về tình cảm của tác giả qua những chi tiết này?</b> + Tự do nêu cảm nhận cá nhân.. Xuất phát từ cảm hứng nhân đạo và ngợi ca, tác giả muốn đề cao và ca ngợi vẻ đẹp phẩm hạnh cao quý của người phụ nữ VN trong XH xưa có vẻ đẹp hoàn thiện toàn mĩ: nét na, giàu đức hi sinh, toàn tâm , toàn ý dành cho chồng .  * GV chốt, chuyển ý: Đáng lẽ Vũ Nương phải được hưởng hạnh phúc nhưng nàng lại gặp oan khuất....  * Thầy hướng dẫn trò theo dùi đoạn truyện: "Qua năm sau</p>	<p>- <b>Những ngày sống xa chồng:</b> - <b>Với chồng:</b> Bướm....=&gt; Hình ảnh ước lệ, tượng trưng: mượn cảnh vật thiên nhiên để chỉ sự trôi chảy của thời gian. -&gt; Nỗi buồn nhớ dài theo năm tháng</p> <p>=&gt; là người mẹ hiền, dâu thảo.</p> <p>=&gt; Một phụ nữ đảm đang hết lòng vì gia đình, hiếu thảo với mẹ chồng, thủy chung với chồng, chu đáo tận tình và rất mực yêu thương con.</p>
---	--

<p>(45)...nhưng việc trút đó qua rồi" (46)</p> <p><b>H. Mở đầu phần hai của truyện là sự việc gì? Diễn biến ra sao?</b></p> <p>- Trương Sinh trở về, được tin mẹ mất, con vừa học nói.</p> <p>* GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn(3 nhóm lớn). Gọi đại diện trình bày, nhận xét, GV chốt trên máy, yêu cầu HS ghi vào vở.</p> <p><b>H. Bị nghi oan, Vũ Nương có mấy lời thoại? Nàng nói với những ai? í kiến của em thế nào về những lời thoại ấy?</b></p> <p>* GV gợi ý:</p> <p>+ <b>Nhóm 1: Trong lời thoại 1, Vũ Nương nói với ai, đến những gì? Nhằm mục đích gì?</b></p> <p>+ <b>Nhóm 2: Đọc lời thoại 2, Vũ Nương đã bộc lộ thái độ và tâm trạng gì vào lúc này? Vì sao nàng lại có thái độ và tâm trạng đó?</b></p> <p>+ <b>Nhóm 3: Ở lời thoại 3, Vũ Nương nói với ai, có tâm trạng gì? Nàng đã hành động ra sao? Vì sao nàng lại hành động như vậy?</b></p> <p>+ HS hoạt động nhóm (3 nhóm)- thời gian 5'.</p> <p>- Các nhóm trình bày nhận xét.</p> <p>- 3 lời thoại:</p> <p>- <b>Lời thoại 1:</b> Nàng nói đến thân phận mình, nói đến tình nghĩa vợ chồng, khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng, <b>cầu xin chồng đừng nghi oan,-&gt; Nghĩa là đã hết lòng tìm cách hàn gắn cái hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ.</b></p> <p>+ <b>Lời thoại 2:</b></p> <p>- <b>Nỗi đau đớn, thất vọng khi khi không hiểu vì sao bị đối xử bất công,</b> nàng bị “mắng nhiếc, đánh đuổi đi” <b>không có quyền được tự bảo vệ</b> ngay cả khi có họ hàng, làng xóm bên vực và biện bạch cho.</p> <p>- <b>Hạnh phúc gia đình- niềm khát khao của cả đời nàng tan vỡ, tình yêu không còn</b> “bình rơi chầm gậy...liều tàn trước gió. Cả nỗi đau khổ chờ chồng đến hoá đá trước đây cũng không còn có thể làm lại được nữa.</p> <p>+ <b>Lời thoại 3: Sự tuyệt vọng đến tột cùng, cuộc hôn nhân tan vỡ đến độ không thể hàn gắn nổi.</b> Vũ Nương bị dồn đến bước đường cùng, mất tất cả, đành phải chấp nhận số phận sau mọi cố gắng không thành, <b>phải chết một cách oan uổng.</b></p> <p>*Chuyên ý: Chúng ta Tìm hiểu và đánh giá ý nghĩa của cái chết Vũ Nương.</p> <p>*GV phân công cho HS tiếp cận kĩ thuật mảnh ghép, xác định nguyên nhân cái chết , gọi trình bày, nhận xét, GV chốt.</p> <p><b>H. Theo em, nguyên nhân dẫn đến cái chết oan uổng của Vũ Nương là gì?( nguyên nhân trực tiếp, nguyên nhân tình cờ, nguyên nhân sâu sa?).</b></p>	<p><b>- Khi bị chồng nghi oan là thất tiết:</b></p> <p><b>- Lời thoại 1:</b> Nói với mình: Nàng phân trần để chồng hiểu rõ tâm lòng mình.</p> <p><b>- Lời thoại 2:</b> Nói với chồng về nỗi đau đớn, thất vọng khi khi không hiểu vì sao bị đối xử bất công, hạnh phúc gia đình tan vỡ</p> <p><b>- Lời thoại 3:</b> Giải bày với trời đất : Sự tuyệt vọng đến tột cùng, cuộc hôn nhân tan vỡ đến độ không thể hàn gắn nổi.</p> <p><b>* Cái chết của số phận đáng cay, oan nghiệt.</b></p>
---	---

<p><b>- Nguyên nhân của nỗi oan VN:</b></p> <p>+ Nguyên nhân tình cờ: lời nói vô tình, ngây thơ của đứa con nhỏ- Bé Đản.</p> <p>+ Nguyên nhân trực tiếp: sự ghen tuông mù quáng, sự ích kỉ, độc đoán, nam quyền của Trương Sinh.</p> <p>+ Nguyên nhân sâu sa:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- do chế độ phong kiến nam quyền,</li> <li>- do chiến tranh PK phi nghĩa.</li> </ul> <p><b>H. Người gây ra đau khổ oan trái cho Vũ Nương lại chính là những người nàng tin yêu nhất, (là chồng, là con trai) em nghĩ gì về điều này? Qua đó, tác giả muốn gửi gắm tình cảm gì?</b></p> <p>+ HS khá giỏi suy nghĩ, trình bày quan điểm cá nhân =&gt;Tất cả XH đã xô đẩy, vùi dập người phụ nữ ấy đến đường cùng.</p> <p>* GV yêu cầu HS trao đổi trong nhóm bàn, gọi trình bày ý kiến, gọi nhận xét.GV định hướng.</p> <p><b>H. Vũ Nương không còn cách nào khác, ngoài cái chết để minh oan cho mình, em nghĩ gì về lời than và hành động trẫm mình của nàng?</b></p> <p>+ Trao đổi theo nhóm bàn, đại diện trình bày, nhận xét, bổ sung.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Lời than</b> như một lời nguyện, lời cầu xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất và sự trong sạch của nàng.</li> <li>- <b>Hành động:</b> tắm gội chay sạch, trẫm mình-&gt; hành động quyết liệt cuối cùng dưới sự chỉ đạo của lí trí, (không phải là hành động bộc phát) để bảo toàn danh dự và nhân phẩm của mình: muốn sống trong sạch và chết cũng trong sạch là ước nguyện ngàn đời của người dân Việt Nam</li> </ul> <p><b>H. Trong những câu nói phân trần trong cách chọn cái chết để bày tỏ nỗi oan ức → Em nhận ra điều gì về nhân cách con người V.Nương? Từ đó, em cảm nhận được điều gì về thân phận người phụ nữ dưới chế độ phong kiến? Qua đó tác giả muốn thể hiện điều gì?</b></p> <p>+ Khái quát đặc điểm nhân vật, liên hệ đến số phận người phụ nữ PK:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thân phận người phụ nữ PK: Số phận đầy bi kịch, bị đẩy đến bước đường cùng</li> <li>- Thể hiện ước mơ về sự bất tử, chiến thắng của cái đẹp, cái thiện.</li> <li>- Thể hiện niềm thương cảm, cảm thông đối với số phận bi thảm của người phụ nữ-&gt; <b>Giá trị nhân đạo.</b></li> <li>- Mang ý nghĩa thức tỉnh người đọc: hạnh phúc gia đình tan vỡ, người đã chết thì không có gì hàn gắn được -&gt; <b>Giá trị hiện thực</b></li> </ul>	<p>- Nguyên nhân</p> <p>-&gt; Cái chết lên án, tố cáo xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ, độc đoán bất công.</p> <p>-&gt; Tâm hồn trong sạch ngay thẳng và cao thượng → khao khát hạnh phúc → bị đày đoạ → chết → bi kịch. =&gt; Là thân phận của người phụ nữ PK.</p>
---	--

<p><b>* GV chuyển ý: V.Nương người tốt bị oan → được giải oan → hãy tóm tắt phần 2 của truyện kể về việc V.Nương được giải oan?</b> + HS tóm tắt, trả lời. -V.Nương tự tử → không chết → được các nàng tiên cứu sống dưới thủy cung tình cờ gặp Phan Lang (người cùng làng) được cứu sống → khuyên trở về sum họp → T.Sinh lập đàn → người hiện lên cảm ơn → không về dương thế</p> <p><b>H. Nghệ thuật kể chuyện của đoạn có gì đặc biệt? Tác dụng?</b> + Suy nghĩ, trả lời. - Sử dụng nhiều yếu tố kì, hoang đường - Tác dụng: . Tạo màu sắc huyền kì cho truyện, làm cho câu chuyện có hậu hơn. .Tạo không khí cổ tích dân gian. . Thiêng liêng hoá sự trở về của Vũ Nương. - GV bổ sung: Tác giả đã miêu tả cuộc sống ở dưới thủy cung là một thế giới đẹp từ thiên nhiên đến con người, từ lời nói đến quan hệ tình nghĩa. Đối lập với cuộc sống bạc bẽo của trần thế → mục đích tố cáo hiện thực xã hội.</p> <p><b>* GV : Khi gặp Phan Lang, VN nói về điều oan tở ý muốn trở về...nhờ nói với chàng Trương...Thay đổi ý định → không về nữa.</b> <b>H. Điều đó thể hiện nàng là con người ntn?</b> + Phát hiện chi tiết, trả lời. - Khẳng định thêm vẻ đẹp tính cách Vũ Nương: Con người ấy dù chết nhưng bản chất tốt đẹp vẫn không chết. +Đú là tình cảm nhân văn,gia trị nhân đạo của tác phẩm,là tính đặc thù của truyện truyền kì.</p> <p><b>* GV nêu yêu cầu cho HS suy nghĩ( dành cho HS khá giỏi)</b> <b>H. Tại sao V.Nương lại từ chối cuộc sống ở nhân gian? Điều đó nói gì về hiện thực cuộc sống của người phụ nữ xưa? Của xã hội cũ?</b> + Suy nghĩ, lí giải tại sao, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung. + Dứt khoát từ bỏ cuộc sống hiện thực đầy áp bức bất công. Cuộc sống nơi trần thế đối với nàng đã chấm dứt. -&gt; Hiện thực bất công của xã hội phong kiến không còn phù hợp, không còn chỗ dung thân cho những người tốt như nàng.</p> <p><b>* Chuyển ý: Quan điểm đánh giá của chúng ta thế nào về</b></p>	<p><b>*V.Nương sống ở thủy cung.</b></p> <p>- Người bị chết oan vẫn giữ vẹn phẩm chất của mình.</p> <p>- V.Nương được giải oan. nhớ quê hương, không muốn mang tiếng xấu, tha thiết với hạnh phúc gia đình, ân nghĩa, thủy chung, vị tha độ lượng.</p> <p>từ bỏ cuộc sống bất công</p>
--	--

<p>nhân vật Trương Sinh và hình ảnh cái bóng trong câu chuyện?</p> <p><b>H. Phần đầu truyện, Trương Sinh được giới thiệu ntn? Cuộc hôn nhân của Trương Sinh và Vũ Nương được giới thiệu ra sao?</b></p> <p><b>H. Việc tác giả đưa chi tiết trên ở phần đầu truyện có dụng ý nghệ thuật gì?</b></p> <p>+ Phát hiện, trả lời.</p> <p>+ <b>Con nhà giàu → ít học - đa nghi</b>, đối với vợ phòng ngừa quá sức</p> <p>+ <b>Trong cuộc hôn nhân với V.Nương → cuộc hôn nhân không bình đẳng</b>. Sự cách bức ấy đã tạo thêm cho Trương Sinh một cái thể bên cạnh cái thể của người chồng, ở cái thể của người đàn ông trong CDPK gia trưởng độc đoán.</p> <p>*GV bổ sung: Là chi tiết có ý nghĩa : thể hiện diễn biến của câu chuyện một cách hợp lí và chuẩn bị cho hành động thất sót của câu chuyện.</p> <p>* GV gọi đọc: “Qua một năm...việc đã qua rồi”.</p> <p><b>H.Chiến tranh kết thúc, Trương Sinh quay trở về có điều gì xảy ra trong gia đình? Tâm trạng của chàng ra sao? Em có nhận xét gì về giọng điệu kể ở đoạn?</b></p> <p>+ Đọc, phát hiện trả lời</p> <p>Mẹ mất, con vừa học nói=&gt; Tâm trạng nặng nề, buồn bã.</p> <p>+ Suy nghĩ, rút ra nhận xét</p> <p>Giọng kể mang vẻ ngậm ngùi, rời rạc</p> <p><b>H. Trong hoàn cảnh và tâm trạng ấy, lời nói của bé Đản đã tác động ntn đến Trương Sinh? Hãy phân tích?</b></p> <p>+ Phân tích, thảo luận bàn, trả lời.</p> <p>- Lời nói ngây thơ đã gieo vào lòng Trương Sinh mối <b>ngại ngờ không thể giải toả được</b>: chàng ngạc nhiên khi nghe con nói : đêm nào cũng đến.. cũng ngồi”. Thông tin ấy như lửa đổ thêm dầu. Vốn đa nghi, nay chàng càng có cơ để khẳng định vợ hư hỏng-&gt; tính đa nghi đến độ cao trào.</p> <p>- <b>Chàng không đủ bình tĩnh để phán đoán, phân tích</b>, bỏ ngoài tai những lời phân trần của vợ, không tin những nhân chứng bên vực cho nàng, không nói ra lí do, duyên cớ cho vợ có cơ hội minh oan. Đến đây kịch tính câu chuyện lên đến đỉnh điểm</p> <p><b>H. Từ sự nghi ngờ, Trương Sinh đã có lời nói và hành động đối với Vũ Nương ntn? Dẫn đến hậu quả gì?</b></p> <p>+ Phát hiện trả lời.</p> <p>- La um lên cho hả giận, lấy chuyện bóng gió mắng nhiếc, đánh đuổi vợ đi.=&gt; dẫn đến cái chết oan nghiệt của Vũ Nương</p>	<p><b>2. Nhân vật Trương Sinh và hình ảnh cái bóng.</b></p> <p><b>*Nhân vật Trương Sinh:</b></p> <p>- Nghe lời con nhỏ, sự nghi ngờ không thể giải toả được.</p>
---	--

<p><b>H. Qua cách xử sự của Trương Sinh cho thấy nhân vật này là người ntn?</b>  + Khái quát trả lời.  =&gt; Vũ phu, thô bạo, cư xử hồ đồ  - Con nhà giàu ít học đa nghi.  - Gia trưởng phong kiến.  - Xử sự hồ đồ, vũ phu, ghen tuông mù quáng → Đại diện cho thói gia trưởng, xem trọng quyền uy → tố cáo chế độ trọng nam khinh nữ  * <b>GV chốt: Trương Sinh là loại nhân vật khổ tìu biểu chúng ta đó gặp trong văn học phong kiến như Thiệt Sĩ(trong Quan Âm Thị Kính)và 1 số nhân vật trong các vở ca kịch, tuồng chèo cổ- những kẻ bất tài, vô dụng.</b></p> <p><b>H. Theo em, cái bóng có ảnh hưởng gì đến nhan đề tác phẩm? Nó liên quan tới những nhân vật nào?</b>  - Cái bóng là chi tiết tạo nên kịch tính cho câu chuyện .  - Cái bóng xuất hiện liên quan tới cả 3 con người trong gia đình Vũ Nương:  ./ Với Vũ Nương: Cái bóng xuất hiện để nàng đỡ dành con cho khuây khoả nỗi cô đơn, trông trải lúc xa chồng.  ./ Với đứa con: Cái bóng là người đàn ông bí ẩn (nó khóc hẳn với những người cha bình thường khóc).  ./ Với Trương Sinh: Cái bóng là sự tự thức tỉnh để chàng mở mắt nhìn ra sự thật tội c mà mình gây ra cho vợ.  <b>H. Giả sử: Nếu không có cái bóng liệu Vũ Nương có sống hạnh phúc với Trương Sinh được không?</b>  + Thảo luận nhóm tổ 2p'.Các nhóm trình bày kết quả.  - Không vì qua cách giới thiệu nhân vật ở phần đầu truyện chắc chắn tai hoạ sẽ ập xuống đầu Vũ Nương khi nàng phải sống với Trương Sinh.  * GV liên hệ: Thái độ của tác giả: phê phán sự ghen tuông mù quáng, ngợi ca người phụ nữ tiết hạnh</p> <p><b>H. Em có nhận xét gì về cách dẫn dắt tình tiết câu chuyện, những lời trần thuật, những lời đối thoại,cách đưa yếu tố kì ảo? Tác dụng của những biện pháp nghệ thuật đó?</b>  * GV bổ sung thêm:  + Thảo luận, rút ra nhận xét  - <b>Cách dẫn dắt tình tiết truyện:</b> Trên cơ sở cốt truyện có sẵn, tác giả sắp xếp lại, thêm bớt hoặc tô đậm những tình tiết có ý nghĩa, có tính chất quyết định đến quá trình diễn biến của truyện cho hợp lí, tăng cường tính bi kịch-&gt; Truyện hấp dẫn sinh động hơn.  - <b>Những đoạn đối thoại, lời tự bạch được sắp xếp đóng chỗ</b></p>	<p>⇒ Mẫu đàn ông giàu có, độc đoán, gia trưởng, coi thường phụ nữ. Hiện thân cho chế độ phong kiến phụ quyền.</p> <p><b>* Hình ảnh cái bóng:</b>  - Cái bóng chi tiết tạo nên kịch tính truyện: Nó là điểm nút tạo nỗi oan khiên (vì nó mà Trương Sinh nghi ngờ vợ) và giải toả nỗi oan khiên (nhờ nó mà Trương Sinh thấu hiểu nỗi oan của vợ).</p> <p>- Cách dẫn dắt tình tiết truyện-&gt; Khắc sâu quá trình tâm lí và tính cách nhân vật.  - Cách thức đưa yếu tố kì ảo vào</p>
--	--

<p>-&gt; Khắc sâu quá trình tâm lí và tính cách nhân vật.</p> <p>- <b>Cách thức đưa yếu tố kì ảo vào truyện:</b> các yếu tố kì ảo được đan xen với các yếu tố thực</p> <p>./ Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp của Vũ Nương, một con người dù ở thế giới khác vẫn nặng tình với cuộc đời, quan tâm đến tổ tiên, chồng con, khát khao được phục hồi danh dự.</p> <p>./ Tạo nên một kết thúc có hậu cho tác phẩm, thể hiện ước mơ ngàn đời của người dân về sự công bằng trong xã hội, cái thiện luôn chiến thắng cái ác.</p> <p>+ Cách đưa yếu tố kì ảo</p> <p>- Về địa danh: bến Hoàng Giang,</p> <p>- Về thời điểm lịch sử: cuối thời khai đại nhà Hồ,</p> <p>- Nhân vật lịch sử: Trần Thiêm Bình,</p> <p>- Sự kiện lịch sử: quân Minh xâm lược</p> <p>-&gt; Làm cho thế giới kì ảo lung linh mơ hồ trở nên gần gũi với cuộc đời thường. Làm tăng độ tin cậy khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.</p> <p><b>H: Thông qua hai nhân vật Vũ Nương, Trương Sinh tác giả thể hiện thái độ như thế nào ?</b></p> <p><b>* GV chốt ý và bình</b></p> <p><b>H. Cảm nhận của em về nhân vật Vũ Nương? Qua nhân vật này em có suy nghĩ gì về số phận của người phụ nữ trong XHPK?</b></p>	<p>truyện:</p> <p>-&gt; làm hoàn chỉnh vẻ đẹp của Vũ Nương, tạo một kết thúc có hậu cho tác phẩm.</p> <p><b>*Thái độ của tác giả:</b></p> <p>-Phê phán sự ghen tuông mù quáng, ngợi ca phụ nữ tiết hạnh</p>
<p><b>H. Hãy hệ thống lại các thủ pháp NT được sử dụng trong tác phẩm? Qua đó thể hiện nội dung gì ?</b></p> <p><b>H. Nêu ý nghĩa văn bản sau khi học xong?</b></p> <p><b>GV khái quát , rút ghi nhớ, chiếu những thông tin chính trên máy, gọi đọc ?</b></p> <p><b>1/ Nghệ thuật :</b></p> <p>- Kết cấu truyện độc đáo, sáng tạo.</p> <p>- Nhân vật : diễn biến tâm lí vật khắc hoạ rõ nét → phong phú.</p> <p>- Xây dựng tình huống và các tình tiết truyện đặc sắc, kết hợp tự sự + miêu tả, trữ tình + kịch, tăng dần từ thấp → cao.</p> <p>- Yếu tố truyền kì : kì ảo + hoang đường.</p> <p>- Nghệ thuật viết truyện điều luyện ngôn ngữ hàm súc, giàu sức biểu cảm.</p> <p><b>2/ Nội dung :</b> Thể hiện niềm cảm thông với một số phận oan nghiệt của người phụ nữ VN → khẳng định vẻ đẹp của họ → tố cáo CĐPK suy tàn và quan niệm đạo đức hẹp hòi.</p>	<p><b>III. Ghi nhớ/sgk/51</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật:</b> văn học dân gian.</p> <p>- Sáng tạo về nhân vật, sáng tạo trong cách kể chuyện, sử dụng yếu tố truyền kì, yếu tố kì ảo và hình tượng cái bóng.</p> <p><b>2. Nội dung:</b> ( ghi nhớ SGK/51)</p> <p><b>3. Ý nghĩa văn bản</b></p> <p>Với quan niệm cho rằng hạnh phúc khi đã tan vỡ không thể hàn gắn được, truyện phê phán thói ghen tuông mù quáng và ngợi ca vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.</p>

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**- Mục tiêu:**

Củng cố, chốt kiến thức trọng tâm của bài về: giá trị nội dung (giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo), giá trị nghệ thuật và ý nghĩa của văn bản.

**- Thời gian:** 7- 10 phút.



- **Phương pháp:** Đánh giá và khái quát vấn đề, nâng cao vấn đề thông qua việc tổ chức HS làm việc hợp tác, tự bộc lộ nhận thức.....

- **Kỹ thuật:** kỹ thuật khăn trải bàn, dùng phiếu học tập hoặc hệ thống bài tập trắc nghiệm – tự luận ngắn.

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<b>IV. Hướng dẫn HS luyện tập, áp dụng, vận dụng</b> * Bước 1. Giáo viên cho học sinh làm bài tập trắc nghiệm sau: GV định hướng giúp HS làm bài	<b>IV.Luyện tập, áp dụng, vận dụng</b> Học sinh đọc và làm bài tập trắc nghiệm: - Nhận phiếu bài tập. - Làm việc cá nhân - Chọn phương án đúng.Cả lớp theo dõi nhận xét
<b>H. Nhân vật chính của "Chuyện người con gái Nam Xương" là ai?</b> A. Trương Sinh và Phan Lang B. Phan Lang và Linh Phi C. Vũ Nương và Trương Sinh D. Linh Phi và mẹ Trương Sinh. <b>H. Câu văn nào khái quát về đẹp toàn diện của nhân vật Vũ Nương ?</b> A . Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp. B.Nàng hết sức thuốc thang,lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn. C.Nàng hết lời thương xót, phàn việc ma chay,lễ tế lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình.	

#### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- **Mục tiêu:**

+ Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

+ Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.

+ **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

+ **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

+ **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em sau khi học văn bản?	- Thực hiện ở nhà

#### HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- **Mục tiêu:**

+ Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

+ Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

- **Phương pháp:** Dự án

- **Kỹ thuật:** Giao việc

- **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập Vẽ sơ đồ tư duy minh họa kiến thức cho bài học	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.**

**1. Bài cũ:**

- Tóm tắt truyện, học và nắm chắc nội dung phần Ghi nhớ.

- Làm các bài tập ở vở bài tập, tìm đọc cả tập truyện.

- Nắm được các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của truyện.

- Làm BT 4 bằng cách viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về nhân vật Vũ Nương.

**2. Bài mới:**

- + Đọc và soạn bài mới
- + Xem và tự trả lời trước các câu hỏi bài Xung hô trong hội thoại
- + Đọc, soạn văn bản **Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp**

Tiết:16 TIẾNG VIỆT	<b>CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP</b>	Ngày soạn:27/9/2022 Ngày dạy:
-----------------------	---	----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Nhận ra được cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

**2. Kỹ năng :**

- Sử dụng được cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong quá trình tạo lập văn bản .

**3. Thái độ**

- Lòng yêu quý, tự hào về sự giàu đẹp, phong phú và ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu, Bảng phụ, phiếu học tập, tư liệu ngữ văn.
- Chuẩn kiến thức kỹ năng, sách tham khảo.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài.
- Chuẩn bị phiếu học tập, sách BT, BTTN

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ôn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- H.Tìm trong văn bản "Chuyện người con gái Nam Xương" một số lời nói của nhân vật Vũ Nương. Nhận xét	<b>Hình thành kỹ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình</b> - HS tìm, nhận xét nghe - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy. - Ghi tên bài

đó là lời nói hay ý nghĩ? - Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn dắt giới thiệu vào bài mới - Ghi tên bài	
---	--

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu** : giúp học sinh hiểu được thế nào là cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.
- **Thời gian** dự kiến : 15- 17 phút
- **Phương pháp** : Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật** : động não, tia chớp

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>* GV gọi HS đọc ví dụ a trên BP ( SGK/53), nêu yêu cầu</p> <p><b>H. Bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ của nhân vật?</b></p> <p><b>H.Nó được ngăn cách với phần trước bằng những dấu hiệu nào?</b></p> <p>-HS trao đổi nhóm bàn trả lời câu hỏi:</p> <p>- Là lời nói của anh thanh niên: <b>“Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì.</b>→ vì trước đó có từ <b>nói</b> trong phần lời của người dẫn được tách khỏi phần câu đứng trước bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.</p> <p>- Tách bằng dấu (:) và dấu ( "" )</p> <p>* GV gọi HS đọc ví dụ b trên BP ( SGK/53)</p> <p><b>H.Trong đoạn trích b bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ của nhân vật?</b></p> <p>* Tác phẩm này sẽ được học ở kì II (Tích hợp)</p> <p>+ HS đọc ví dụ b trên BP ( SGK/53)</p> <p>-HS trao đổi nhóm bàn trả lời câu hỏi:</p> <p>- phần in đậm là ý nghĩ của nhân vật họa sĩ :...<b>“Khách tới bất ngờ...chẳng hạn.”</b> → Trước đó có từ <b>nghĩ</b>, dấu hiệu tách là dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.</p> <p><b>H.Có thể thay đổi vị trí của các bộ phận không?</b></p> <p><b>H.Cách dẫn lời nói và ý nghĩ như trên gọi là cách dẫn trực tiếp. Em hiểu thế nào là cách dẫn trực tiếp?</b></p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân</p> <p>- Có thể đổi chỗ cho nhau</p> <p>- <b>Khái niệm</b>: Nhắc lại nguyên vẹn lời nói hay ý nghĩ của người (khác) hoặc nhân vật.</p> <p>- <b>Dấu hiệu</b> : Có thể phân biệt giữa lời dẫn và lời tác giả bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép.</p>	<p><b>I. TÌM HIỂU BÀI</b></p> <p><b>1.Cách dẫn trực tiếp</b></p> <p><b>a. Ví dụ/sgk/53</b></p> <p>- Đoạn trích trong "Lặng lẽ Sa pa" của Nguyễn Thành Long.</p> <p><b>b. Nhận xét</b></p> <p>a/ Lời nói của nhân vật anh thanh niên</p> <p>b.Ý nghĩ của người họa sĩ</p> <p><b>* Ghi nhớ:</b></p> <p><b>2.Cách dẫn gián tiếp.</b></p> <p><b>a. Ví dụ/sgk/53</b></p> <p><b>b. Nhận xét.</b></p> <p>a/ VD a. Là nội dung lời nói</p>

\* GV gọi 2 HS đọc 2 đoạn trích a,b ( SGK/53)?Yêu cầu thảo luận theo 4 nhóm, 2 nhóm một phần, gọi trình bày, nhận xét.  
**Nhóm 1** Đoạn trích trong tác phẩm nào được học ở lớp mấy? (tích hợp)

**H.Bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ?**

**H.Nó được ngăn cách với bộ phận trước bằng dấu gì?**

+2 HS đọc, suy nghĩ, trả lời theo 4 nhóm, đại diện trình bày, nhận xét.

+ **VD a** : - Phần in đậm là lời nói – lời khuyên của lão Hạc với con trai – từ **khuyên** nằm ở phần lời người dẫn.

- Dấu hiệu ngăn cách không có.

- Không dùng dấu (: ) bỏ dấu ngoặc kép thêm rằng, là đứng trước.

**Nhóm 2.**Bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ?

**H. Giữa bộ phận in đậm với bộ phận đứng trước có từ gì?**

**Có thể thay từ đó bằng từ gì?**

+ **VD b** : - Phần in đậm là ý nghĩ vì trước đó có từ **hiểu**, trong lời của người dẫn ở phía trước giữa ý nghĩ được dẫn và phần lời của người dẫn có từ **‘rằng’**.- Có thể thay bằng từ **là**

- Không có dấu hiệu ngăn cách.

\* **GV:** Cách sử dụng lời nói và ý nghĩ của người hoặc nhân vật như đoạn trích trên là cách dẫn gián tiếp.

**H. Em hiểu thế nào là cách dẫn gián tiếp và hình thức thể hiện?**

\* GV khái quát, rút ghi nhớ 2, gọi đọc ghi nhớ SGK/54

- **Lời dẫn gián tiếp:** Là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người khác có điều chỉnh cho thích hợp lời dẫn gián tiếp không cần đặt trong dấu ngoặc kép.

**H. Căn cứ vào dấu hiệu nào để phân biệt và nhận biết cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp?**

**H.Học về cách dẫn trực tiếp và gián tiếp giúp gì cho em khi viết các bài tập làm văn?**

+ HS so sánh và nhận xét căn cứ vào đặc điểm của cách dẫn trực tiếp và gián tiếp.

+ Cách dẫn trực tiếp :Nguyên văn – dấu ngăn cách là dấu ngoặc kép.

+ Cách dẫn gián tiếp:- Ko dẫn nguyên văn, không đặt trong dấu ngoặc kép và sau dấu hai chấm.

+ Tự do nêu suy nghĩ.

\*GV khái quát, chốt kiến thức trọng tâm toàn bài và chuyển ý Sử dụng cho đúng các lời nói, suy nghĩ của người khác khi làm dẫn chứng cho bài văn.

của Lão Hạc.

**b/ VD b.** Ý nghĩ của Phạm Văn Đồng =>Từ rằng  
 ->có thể thay bằng từ "là"

**Ghi nhớ 2/ 54.**

**II. Ghi nhớ/sgk/54**

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:

+ Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.

+ Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

- **Thời gian:** 7- 10 phút.

- **Phương pháp:** Đọc, vấn đáp, thuyết trình: vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

- **Kỹ thuật:** Động não, Dùng phiếu học tập ( Vở luyện Ngữ Văn).

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1/54. Tìm lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp trong đoạn trích?	<b>1, Bài 1/54:</b> Tìm lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp . Lời dẫn trực tiếp: “ <b>A lão già... này à</b> ”->ý nghĩ mà nhân vật lão Hạc gán cho con chó -b.Lời dẫn trực tiếp:“ <b>Cái vườn...</b> ”-> Đây là ý nghĩ của lão Hạc.=> Là cách dẫn trực tiếp, các lời dẫn bắt đầu từ phía trong dấu ngoặc kép->dẫn lời nói bên trong.
* Gọi HS đọc và nêu yêu cầu của bài tập 2/54-55? * Giáo viên tổ chức cho học sinh làm bài theo nhóm. Mỗi nhóm làm 1 phần? - Giáo viên gọi các nhóm lên trình bày.	<b>2, Bài 2:</b> Viết một đoạn văn nghị luận có nội dung liên quan đến một trong ba ý kiến có sử dụng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp? - Có thể viết lời dẫn theo cách trực tiếp: + Trong “Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng”, Chủ tịch HCM nêu :“Chúng ta phải...” - Cách gián tiếp: Trong “Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định <b>rằng</b> chúng ta phải... B,Trực tiếp :Trong TV 1 biểu hiện...dân tộc nhà phê bình văn học Đặng Thai Mai đã chỉ ra ô Người... à GT : Trong ‘TV...dân tộc ‘...đã khẳng định rằng...
* Gọi HS đọc và nêu yêu cầu của bài tập 3/54-55? * Giáo viên yêu cầu học sinh kể lại từng đoạn của truyện?	<b>3, Bài 3:</b> Hãy thuật lại lời nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích sau đây theo cách dẫn gián tiếp?

#### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- **Mục tiêu:**

+ Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

+ Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.

+ **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

+ **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

+ **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Hs: Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong cuộc sống được vận dụng như thế nào ?	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

#### HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- **Mục tiêu:**

+ Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

+ Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

- **Phương pháp:** Dự án

- **Kỹ thuật:** Giao việc

- Thời gian: 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Tìm các ví dụ minh họa trong văn bản chuyện người con gái Nam Xương các cách dẫn trực tiếp và gián tiếp	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày...

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ:**

- Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.
- Hoàn thiện bài tập vào vở bài tập.

**2. Bài mới:**

- Soạn bài: Sự phát triển của từ vựng.

Tiết: 17	<b>SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG</b>	Ngày soạn: 28/9/2022 Ngày dạy:
----------	----------------------------------	-----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Nhận biết ý nghĩa của từ ngữ trong các cụm từ và trong vbản.

**2. Kỹ năng :**

- Phân biệt các phương thức tạo nghĩa mới của từ ngữ với các phép tu từ ẩn dụ, hoán dụ.

**\* Các kĩ năng sống được giáo dục:**

+ Kĩ năng giao tiếp: Trao đổi về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng Tiếng Việt

+ Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

**3. Thái độ:**

- Lòng yêu quý, tự hào về sự giàu đẹp, phong phú và ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**4. Tích hợp kiến thức liên môn:**

- **Văn:** Các đoạn trích thơ, văn

- **Tiếng Việt:** Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ; các phép ẩn dụ, hoán dụ.

**5. Định hướng phát triển năng lực của học sinh:**

- **Năng lực chung:** Tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác

- **Năng lực chuyên biệt:** sáng tạo, cảm thụ, thưởng thức cái đẹp

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu, Bảng phụ, phiếu học tập, tư liệu ngữ văn.

- Chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc và tìm hiểu các phương thức chủ yếu phát triển nghĩa của từ ngữ.

- Chuẩn bị phiếu học tập, sách BT, BTTN

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ổn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ**

Thế nào là cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp? Cho ví dụ?

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

- **Kĩ thuật:** Động não.

- **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
* Gv đưa các nét nghĩa của từ “xuân” - Gv yêu cầu hs nhận xét sự biến đổi của từ. - Từ phần nhận xét của hs, gv giới thiệu vào bài mới - Ghi tên bài	<b>Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình</b> - HS nhận xét, lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy - Ghi tên bài

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu:** giúp học sinh hiểu được sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ vựng

- Thời gian dự kiến : 15- 17 phút

- Phương pháp : Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.

- Kỹ thuật : Dạy học theo kỹ thuật động não và dùng phiếu học tập

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>* GV yêu cầu HS đọc thuộc lòng bài "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác " Của Phan Bội Châu.</p> <p><b>H.Từ "Kinh tế" trong bài thơ này có ý nghĩa gì?</b></p> <p>+ HS trao đổi trả lời câu hỏi</p> <p>- Viết tắt của kinh bang tế thế (Trị nước cứu đời)</p> <p><b>H. Ngày nay chúng ta hiểu từ này như thế nào?</b></p> <p>- Ngày nay từ <b>kinh tế</b> được hiểu theo nghĩa khác : chỉ toàn bộ hoạt động của con người trong lao động sản xuất, trao đổi, phân phối và sử dụng của cải vật chất làm ra. (Nghĩa mới)</p> <p><b>H.Nghĩa này có liên quan gì tới nghĩa cũ kia không?</b></p> <p><b>H.Qua đó, em có nhận xét gì về nghĩa của từ?</b></p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân</p> <p>- Nó phát triển dựa trên nghĩa gốc cũng là hưng thịnh đất nước.</p> <p>+ HS rút ra KL về nghĩa của từ:</p> <p>* GV yêu cầu HS đọc các ví dụ mục 2?</p> <p><b>H. Xác định nghĩa của từ xuân, tay trong các câu thơ đó ở các VD ?</b></p> <p><b>Nghĩa nào nghĩa gốc, nghĩa nào nghĩa chuyển? Và chuyển nghĩa theo phương thức nào?</b></p> <p>- HS trao đổi nhóm bàn xác định nghĩa và làm ra PHT. Đại diện trình bày, nhận xét, bổ sung.</p> <p>+ <b>Xuân (1)</b> → nghĩa gốc → chỉ mùa chuyển tiếp từ Đông sang Hạ, thời tiết ấm dần lên, thường được coi là mùa mở đầu của năm.(Gốc)</p> <p>+ <b>Xuân 2:</b> nghĩa chuyển → chỉ tuổi trẻ của con người</p> <p>+ <b>Tay (1):</b> trao tay → chỉ bộ phận phía trên của cơ thể con người từ vai → ngón dùng để cầm nắm → làm việc ( gốc).</p> <p>+ <b>Tay (2)</b> → chỉ người chuyên hoạt động hay giỏi về một môn, một nghề nào đó→ nghĩa chuyển.</p> <p><b>H: Cho vd khác về các phương thức chuyển nghĩa ở các tác phẩm văn học đã học, trong những từ ngữ mới về đề tài môi trường...?</b></p> <p>+ HS tìm VD khác minh họa</p> <p>- "Chuyện người con gái Nam Xương"</p> <p>./ Bén "gót" → bước đi (hoán dụ)</p> <p>./ Còn "mặt mũi nào" → đối diện về phẩm chất (hoán dụ)</p> <p>- có 3 mặt con</p>	<p><b>I. TÌM HIỂU BÀI</b></p> <p><b>1.Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ</b></p> <p><b>a. Ví dụ.</b></p> <p><b>b. Nhận xét</b></p> <p><b>VD a.</b> Búa tay ôm chặt bò <b>kinh tế.</b></p> <p>- Viết tắt của kinh bang tế thế (Trị nước cứu đời)</p> <p>→ thay đổi nghĩa</p> <p>- Nghĩa của từ không phải bất biến. Nó không ngừng phát triển, có thể thay đổi theo thời gian → nghĩa cũ mất đi, nghĩa mới hình thành.</p> <p><b>VD b.</b></p> <p>a. + Chị em sắm sửa bộ hành chơi <b>xuân.</b></p> <p>+ Ngày <b>xuân</b> em hãy...</p> <p>Từ <b>xuân 2</b> chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ. (Nét tương đồng giữa các sự vật hiện tượng)</p> <p>b.+ ...Khăn hồng trao <b>tay</b>...</p> <p>+ cũng <b>tay</b> buôn người.</p> <p>Từ <b>tay 2</b> chuyển nghĩa theo phương thức hoán dụ ( lấy tên của bộ phận để chỉ toàn thể)</p> <p>+ Ngôn ngữ không ngừng phát triển, việc phát triển nghĩa của từ ngữ dựa trên cơ sở từ nghĩa gốc của chúng.</p> <p>- Có hai phương thức phát triển nghĩa của từ: ẩn dụ và hoán dụ.</p>



- Cả lớp đứng dậy vỗ tay ..  
**\*Tích hợp văn,môi trường.**  
**H. Qua các ví dụ trên em rút ra nhận xét gì về sự phát triển nghĩa của từ? Có mấy cách để phát triển nghĩa của từ?**  
 + HS rút ra kết luận về sự phát triển của nghĩa từ ngữ:  
 - Có 2 phương thức phát triển nghĩa của từ là ẩn dụ và hoán dụ.  
 + Học sinh đọc ghi nhớ trong SGK/56

**II. Ghi nhớ (SGK/56)**

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

- **Mục tiêu:**
- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.
- + Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.
- **Thời gian:** 7- 10 phút.
- **Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...
- **Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1/56-57.                      H. Hãy xác định các nghĩa của từ “chân” trong các trường hợp sau? Ở câu nào từ chân dùng nghĩa gốc? Ở câu nào từ chân dùng nghĩa chuyển?</p> <p>* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 2/57?                      H. Dựa vào định nghĩa của từ trà, nhận xét nghĩa của từ trà trong cách dùng : trà a- ti-sô, trà sâm, tâm sen?</p> <p>* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 3/57?</p> <p>*Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bt 4/57?                      * GV tổ chức cho HS làm theo nhóm mỗi nhóm chứng minh các nghĩa của 1 từ trong bài tập 4.</p> <p>+Nhóm 1 từ "Hội chứng"                      +Nhóm 2 từ "Ngân hàng"                      +Nhóm 3 từ "Sốt"</p>	<p><b>1. Bài tập 1/56-57:</b>xác định các nghĩa của từ “chân” trong các trường hợp sau:                      a.Chân : Nghĩa gốc                      b.Chân : Hoán dụ (chuyển)                      c,d.Chân:ẩn dụ (chuyển).</p> <p><b>2. Bài tập 2/57: Nhận xét nghĩa của từ trong cách dùng từ.</b>                      - Trà trong các tên gọi → nghĩa chuyển.                      - Trà → định nghĩa → hiểu theo nghĩa gốc.                      - Trà a-ti-sô, trà Hà thủ ô...→ từ “trà” được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ → chỉ sản phẩm từ thực vật được chế biến thành dạng khô → pha nước uống.</p> <p><b>Bài tập 3/57: Dựa vào cách dùng từ, nêu nghĩa chuyển.</b>                      - Các cách dùng từ “đồng hồ” được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ(Dựa trên những nét giống nhau: mặt số, kim...)                      - Đồng hồ: những dụng cụ để đo có bề ngoài giống đồng hồ -&gt;chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.</p> <p><b>Bài tập 4/57:</b>  <b>Ngân hàng :</b> - Gốc : tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và quản lí các nghiệp vụ tiền tệ, tín dụng : ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng ngoại thương...                      - Chuyển : Kho lưu trữ những tác phẩm, bộ phận cơ thể (Ngân hàng máu, ngân hàng gien) hay tập hợp các dữ liệu liên quan tới lĩnh vực,một tổ chức (ngân hàng đề thi...)  <b>Hội chứng</b> - Nghĩa gốc : tập hợp nhiều triệu chứng cùng xuất hiện của bệnh (Hội chứng viêm đường hô hấp cấp, hội chứng suy giảm miễn dịch..)</p>

Gọi đọc, nêu yêu cầu BT5? Gọi trả lời cá nhân	<p>- Nghĩa chuyển là tập hợp nhiều hiện tượng, sự kiện biểu hiện một tình trạng, một vấn đề XH cùng xuất hiện ở nhiều nơi.( Hội chứng của tình trạng suy thoái kinh tế..)</p> <p><b>Sốt:-</b> Góc: Tăng nhiệt độ cơ thể lên quá mức bình thường do bị bệnh ( Sốt đến 40<sup>0</sup>C)</p> <p>- Chuyển : ở trạng thái tăng đột ngột về nhu cầu khiến hàng trở lên khan hiếm, tăng giá nhanh..( Sốt đất)</p> <p><b>Vua :-</b> Góc : người đứng đầu nhà nước quân chủ ( Vua Nhật Bản)</p> <p>- Chuyển:người được coi là nhất trong một lĩnh vực nhất định(Vua ô tô,vua máy tính..)</p> <p><b>5. Bài 5.</b> <b>Tìm hiểu nghĩa của từ mặt trời.</b></p>
---	--

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Hs : Tìm các từ được chuyển nghĩa về đề tài môi trường.	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày....

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo
- **Phương pháp:** Dự án
- **Kỹ thuật:** Giao việc
- **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Từ các từ chuyển nghĩa về đề tài môi trường hãy đặt một vài câu văn.	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ**

- Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc sự phát triển của từ vựng .
- Hoàn thiện bài tập 5 vào vở bài tập.

**2. Bài mới:**

soạn: Sự phát triển của từ vựng (tt)

-----

Tiết: 18,19	<b>HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ ( HỒI 14)</b>	Ngày soạn:30/9/2022
-------------	--	---------------------

VĂN BẢN	Ngô Gia văn phái	Ngày dạy:
---------	------------------	-----------

## I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

### 1. Kiến thức :

- Quan sát các sự việc được kể trong đoạn trích trên bản đồ.
- Cảm nhận sức trỗi dậy kì diệu của tinh thần dân tộc, cảm quan hiện thực nhạy bén, cảm hứng YN của tgiả trước những sự kiện lịch sử trọng đại của d.tộc.

### 2. Kỹ năng :

- Liên hệ những nhân vật, sự kiện trong đoạn trích với những văn bản liên quan.

### 3. Thái độ:

- Bồi dưỡng lòng YN và niềm tự hào về dân tộc, về đất nước.

### 4. Tích hợp giáo dục ANQP:

- Liên hệ những nhân vật, sự kiện trong đoạn trích với thực tế
- Sức trỗi dậy kì diệu của tinh thần dân tộc, tự hào dân tộc đồng thời căm thù bọn bán nước hại dân

### 5. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

#### a. Các phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

#### b. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

#### c. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

## II – CHUẨN BỊ

### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Máy chiếu, bảng phụ, bản đồ lịch sử về phong trào Tây Sơn .
- Các tư liệu về tác giả, tác phẩm
- Cả tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí
- Chuẩn kiến thức kĩ năng, SGK,SGV, SBT.

### 2. Chuẩn bị của học sinh

- Truy cập trên mạng tìm hiểu và sưu tầm các thông tin về tác giả, tác phẩm.
- Soạn và trả lời các câu hỏi phần Đọc- hiểu văn bản ra vở bài tập.
- Trả lời các câu hỏi và làm các bài tập trong sách BT trách nhiệm.

## III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

### \* Bước 1: Ổn định tổ chức

### \* Bước 2: Kiểm tra bài cũ

Kể tóm tắt truyện “Chuyện người con gái Nam Xương” theo ngôi kể của Vũ Nương (hoặc Trương Sinh).

Những yếu tố thần kì, hoang đường đã được kết hợp với những yếu tố hiện thực trong truyện ntn? Sự kết hợp ấy có tác dụng nghệ thuật gì?

### \* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới

### HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 1 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho hs quan sát bản đồ Tây Sơn, yêu cầu hs nhận xét về cuộc khởi nghĩa Tây Sơn</li> <li>- Từ phần nhận xét của hs gv dẫn vào bài mới</li> <li>- Ghi tên bài</li> </ul>	<p><b>Hình thành kỹ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy</li> <li>- Ghi tên bài</li> </ul>

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu** : HS hiểu về tác phẩm, cảm nhận bước đầu về văn bản qua việc đọc.

HS hiểu ý nghĩa của các tình tiết tiêu biểu; rèn kỹ năng tự học theo hướng dẫn.

- **Thời gian** dự kiến : phút

- **Phương pháp** : Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.

- **Kỹ thuật** : Dạy học theo góc, Kỹ thuật khăn trải bàn

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>* GV cho HS chuẩn bị trước ở nhà, trên lớp yêu cầu các tổ báo cáo kết quả chuẩn bị, GV nhận xét, cho điểm, bổ sung.</p> <p><b>H. Hãy nêu những hiểu biết của em về nhóm tác giả và tác phẩm ?</b></p> <p>* <b>Tác giả:</b> Ngô gia văn phái</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Do một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai (nay thuộc HN)</li> <li>- Hai tác giả chính viết chủ yếu là : Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du</li> </ul> <p>* <b>Tác phẩm</b> :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là cuốn tiểu thuyết lịch sử gồm 17 hồi, viết bằng chữ Hán theo lối chương hồi; ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của XHVN cuối thế kỉ XVIII- đầu XIX=&gt; Phản ánh hiện thực xã hội VN.</li> </ul> <p><b>H. Nêu xuất xứ của đoạn trích ?</b></p> <p>* <b>Vị trí đoạn trích:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồi thứ 14 kể về lần ra Bắc thứ 3 của Quang Trung. Đoạn trích dựng lên bức tranh sinh động về người anh hùng Nguyễn Huệ và sự thảm bại nhục nhã của bọn xâm lược và bọn bán nước.</li> </ul> <p>* GV bổ sung thông tin về tác giả và nội dung đoạn trích.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngô Thì Chí (1753- 1788- 7 hồi đầu), là em ruột Ngô Thì Nhậm, làm quan dưới triều Lê- Trung thần với nhà Lê.),</li> <li>+ Ngô Thì Du. (1772- 1840- là anh em chú bác ruột với Ngô Thì Chí, học giỏi nhưng không đỗ đạt. Thời Tây Sơn ông ẩn mình ở Kim Bảng Hà Nam, thời Nguyễn ông làm đốc học ở Hải Dương.- 7 hồi tiếp).</li> <li>+ Tác phẩm ghi chép những sự kiện lịch sử xã hội có thực ở thời điểm thật và nhân vật có thật: cuối thế kỉ 18 đầu thế kỉ 19 ( từ khi chúa Trịnh Sâm chết đến khi Gia Long Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn thống nhất đất nước.). Đầu mỗi hồi là 2 câu thơ 7 chữ, cuối mỗi hồi là câu " muốn biết thế nào...sẽ rõ".</li> </ul>	<p><b>I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH</b></p> <p><b>1. Tác giả,</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngô Gia Văn Phái.</li> </ul> <p><b>2. Tác phẩm</b></p> <p><b>a. Xuất xứ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là cuốn tiểu thuyết lịch sử viết bằng chữ Hán theo lối chương hồi.</li> <li>- Gồm 17 hồi.</li> <li>- Văn bản là phần trích hồi thứ 14 là hồi trung tâm kể về sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh mùa xuân 1789.</li> </ul>

<p>*GV hướng dẫn cách đọc: rõ ràng, mạch lạc, chú ý chi tiết miêu tả chiến thắng lẫy lừng của Quang Trung và sự thảm bại của lũ cướp nước, bán nước.</p> <p>* GV gọi đọc, gọi tóm tắt, nhận xét? GV sửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 HS tóm tắt, cả lớp nghe, bổ sung.</li> <li>- Các tướng nhà Tây Sơn cấp báo tình hình quân Thanh về Phú Xuân và chia quân chặn giặc.</li> <li>- Bắc Bình Vương lập đàn tế cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế, hạ lệnh xuất quân. Ra đến Nghệ An dừng lại tuyển binh, phủ dụ dân chúng – Thần tốc ra Tam Điệp bày binh bố trận, hẹn ngày chiến thắng → tiến đánh Thăng Long → chiến thắng vang dội.</li> <li>- Quân Thanh – vua tôi nhà Lê hoảng hốt bỏ chạy.</li> </ul> <p><b>* GV nêu vấn đề: Trình bày những hiểu biết của em về văn bản ở những khía cạnh sau bằng kĩ thuật KTB.</b></p> <p><b>+ Bố cục.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bố cục: 3 phần</b></li> <li>- <b>Đ1:</b> Từ đầu...lên đường ra Bắc: Quang Trung chuẩn bị tiến quân ra Bắc.</li> <li>- <b>Đ2:</b> Tiếp...kéo vào thành → Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.</li> <li>- <b>Đ3:</b> Phần còn lại: hình ảnh thất bại thảm hại của quân xâm lược nhà Thanh và bè lũ bán nước Lê Chiêu Thống.</li> </ul> <p><b>+ Thể loại</b></p> <p><b>+ Phương thức biểu đạt.</b></p> <p><b>+ Nội dung.</b></p> <p><b>+ Ngôi kể.</b></p> <p><b>+ Nhân vật.</b></p> <p>* GV chốt, chiếu trên máy, ghi bảng.</p> <p><b>+ Thể loại:</b> chí ( tiểu thuyết chương hồi- một thể văn vừa có tình văn học vừa có tính lịch sử)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>PTBĐ:</b> Tự sự + miêu tả + BC</li> <li>- <b>Ngôi kể:</b> ngôi thứ 3 số ít mang tính khách quan chân thực.</li> <li>- <b>Nội dung:</b> - Miêu tả chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung và sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận của lũ vua quan phản nước, hại dân Lê Chiêu Thống.</li> <li>- <b>Nhân vật:</b> Hai tuyến nhân vật đối lập Quang Trung cùng quân Tây Sơn – Lê Chiêu Thống và bè lũ cướp nước</li> </ul>	<p><b>b. Đọc – chú thích</b></p> <p><b>c. Bố cục văn bản</b></p> <p><b>d. Thể loại và phương thức biểu đạt</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể loại: Chí</li> <li>- Ptbđ: TS + MT + BC</li> </ul>
<p>* GV nêu yêu cầu:</p>	<p><b>II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN</b></p> <p><b>1. Hình ảnh người anh hùng Quang Trung-Nguyễn Huệ:</b></p> <p><b>* Quang Trung chuẩn bị</b></p>

**H. Nổi bật trong hồi 14 là hình tượng nhân vật nào?****H. Quan sát phần 1 văn bản VB và cho biết khi nhận được tin cấp báo, Nguyễn Huệ có thái độ, hành động ntn ?**

+ Quan sát, phát hiện chi tiết, chỉ rõ thái độ, hành động, nêu ý nghĩa của sự việc. Trả lời cá nhân. HS khác bổ sung

**\* Thái độ hành động :**

- Nghe tin cấp báo, giận lắm, liền họp các tướng sĩ định thân chinh cầm quân đi ngay.

- Họp các tướng sĩ – lên ngôi hoàng đế , đổi niên hiệu

- Hạ lệnh xuất quân, tự mình đốc xuất đại binh cả thủy lẫn bộ cùng ra đi, Tổ chức hành quân thần tốc đi suốt đêm ngày ra Nghệ An

- Gặp Nguyễn Thiếp tranh thủ ý kiến

- Mộ thêm quân (3 xuất đình lấy một người), mở cuộc duyệt binh, phủ dụ binh lính, hạ lệnh tiến quân.

- Hoạch định kế hoạch hành quân, đối phó với nhà Thanh và kế hoạch ngoại giao sau chiến thắng.

- Mở tiệc khao quân trước Tết, hứa hẹn đón năm mới ở thành Thăng Long.

**H. Việc Quang Trung lên ngôi hoàng đế nhằm mục đích gì?**

+ Trả lời cá nhân.

- Khẳng định uy danh của mình, thu thập nhân tâm về một mối.

**\* GV nêu yêu cầu: Đọc thầm lời dụ của Nguyễn Huệ đối với quân lính. Nhận xét về lời dụ đó? ( Lời lẽ, lí sự? Tác dụng?)****Lời dụ đó có tác động tới tướng sĩ ntn?**

+Đọc thầm, thảo luận bàn, rút ra nhận xét.

\* Lời lẽ ôn tồn, nghiêm trang, lí sự xác đáng

\* Tác dụng : động viên, khẳng định chủ quyền dân tộc. Nêu bật chính nghĩa của ta phi nghĩa của địch và dã tâm xâm lược của chúng , nhắc lại truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta, kêu gọi quân lính đồng tâm hiệp lực, giữ kỉ luật nghiêm, thống nhất ý chí-> khích lệ lòng yêu nước, truyền thống quật cường của dân tộc.

**H.Qua lời nói và các đối xử của Quang Trung đối với Nguyễn Thiếp, Sở Lân, Nhậm ta thấy Quang Trung là người như thế nào?**

+ HS trao đổi nhóm cặp đôi

- Đối với Thiếp → thể hiện ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng tự tin ngay từ khi khởi binh của Quang Trung.

- Đối với Sở, Lân, Nhậm: Hiểu sở trường, năng lực của bề tôi, phân tích đúng sai, hiểu người, hiểu việc, khen chê đúng mức, độ lượng, công minh.=> Sáng suốt, nhạy bén, mưu lược trong việc xét đoán và dùng người.

-> Tầm nhìn xa trông rộng của nhà chính trị có tư tưởng chuộng

**tiền quân ra Bắc:**

- Họp tướng sĩ- lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu.

- Hạ lệnh xuất quân, hành quân thần tốc.

- Hỏi ý kiến Nguyễn Thiếp.

- Mộ thêm quân, duyệt binh, phủ dụ quân lính.

- Hoạch định kế hoạch hành quân, đối phó với nhà Thanh

và kế hoạch ngoại giao sau chiến thắng.

- Mở tiệc khao quân trước...

- Lời dụ khích lệ được lòng yêu nước của quân sĩ

- Sáng suốt, nhạy bén, mưu lược trong việc xét đoán và dùng người.

- Thể hiện ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng

hoà bình, có niềm tin tuyệt đối vào chiến thắng.

**GV:** Mới khởi binh đánh giặc mà vua Quang Trung đã tự tin cho rằng “**Phương lược tiến đánh đã có tính sẵn**” lại còn tính sẵn kế hoạch ngoại giao sau này “Nước lớn gấp mười nước mình”. Khi bị thua, ắt lầy làm thẹn, việc binh đao không bao giờ dứt...người khéo léo...Không phải Ngô Thì Nhậm..., thậm chí ông còn nói kín với các tướng sĩ “ ta với các người...nói khoác, khao quân ”

**H. Qua thái độ và hành động của Nguyễn Huệ ta thấy ở ông có những phẩm chất tốt đẹp nào trước những biến cố lớn của lịch sử ?**

**\* GV chốt, chuyển ý:**

+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân.

- Ngay thẳng cương trực → căm ghét bọn xâm lược và kẻ bán nước, biết nghe lẽ phải.

- Bình tĩnh, hành động nhanh gọn, kịp thời mạnh mẽ, quyết đoán, tầm nhìn xa trông rộng, nhạy bén trước thời cuộc.

- Có trí tuệ sáng suốt, sâu xa, nhạy bén => Là vị vua yêu nước vì nghĩa lớn, đó là nền độc lập tự do của dân tộc.

**\*GV yêu cầu hs đọc thầm và theo dõi đoạn 2 sgk.**

**? Nếu hình dung cuộc tiến quân của Quang Trung vào Thăng Long bằng 1 sơ đồ ghi những chiến thắng thì sơ đồ đó sẽ ntn?**

Sơ đồ:

Phú Xuyên->Hạ Hồi-> Ngọc Hồi.

**H. Hãy chứng minh tài dùng binh của Nguyễn Huệ được thể hiện qua 3 trận đánh Phú Xuyên và Hạ Hồi, Ngọc Hồi?**

- Thực hiện yêu cầu của GV theo kĩ thuật KTB .

- Đại diện trình bày.2em nhận xét.

+ **Trận Phú Xuyên** : Vừa thấy bóng quân Tây Sơn, bọn nghĩa binh trấn thủ ở đó cùng quân Thanh đi do thám tan vỡ tháo chạy, quân Tây Sơn bắt sống hết không còn một tên.

- **Trận Hạ Hồi** : Nửa đêm bí mật vây kín làng, bắc loa gọi, quân lính dạ ran → địch trong đồn sợ

-> đầu hàng.

- **Trận Ngọc Hồi** → cho quân lính lấy “ván ghép phủ rom, đập nước làm mộc che. Khi giáp lá cà thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao chém bừa...”. Kẻ thù khiếp vía chẳng mấy chốc đã thua.

**H. Em có nhận xét gì về cách đánh của quân Tây Sơn? Đó là cách đánh ntn?**

- Đánh bằng nhiều mũi tiến công – mũi chính do QTrung chỉ huy

- đánh giáp lá cà, các mũi phụ bao vây...

- Quân Thanh dẫm lên nhau mà chết, chạy tán loạn... Thái Thú Sầm Nghi Đống tự thắt cổ mà chết.

- Nhà chỉ huy quân sự sắc sảo.

- Nhà chính trị nhạy bén và tự tin.

=> Là vị vua yêu nước vì nghĩa lớn, đó là nền độc lập tự do của dân tộc.

**\* Quang Trung đại phá quân Thanh.**

Sơ đồ:

Phú Xuyên->Hạ Hồi-> Ngọc Hồi.

+ Cách đánh: bí mật, thần tốc, bất ngờ, mềm mại mà quyết liệt ,đảm bảo thắng lợi mà không gây thương vong.

+ Hình ảnh vua Quang Trung: Hình tượng tuyệt vời của một

**\* Tích hợp giáo dục ANQP:**

**Chiếu hình ảnh bộ đội kéo pháo, dân công chở lương thực trong chiến dịch Điện Biên Phủ lên máy chiếu.**

H. Hình ảnh của Quang Trung trong chiến trận? Qua đó giúp em cảm nhận được điều gì về hình tượng vua Quang Trung?

\* Cho HS làm việc theo kỹ thuật KTB (3')

\* GV bổ sung, bình chốt: Tài điều binh khiển tướng của vua Quang Trung khiến cho quân giặc khiếp vía, kinh hồn tưởng rằng **Tướng ở trên trời rơi xuống, quân ở dưới đất chui lên** ả. Chỉ huy một chiến dịch lớn quan trọng như vậy nhưng ông vẫn tinh táo, ung dung, oai phong lẫm liệt vào thành trước 2 ngày so với dự định. Quang Trung quả là một người chỉ huy quân sự sắc sảo, nhà chính trị có nhãn quan rất nhạy bén, tự tin. Một hình tượng đẹp về người anh hùng trong văn học cổ, trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm...-> mang tính sử thi.

**H. Hãy nêu nhận xét về nghệ thuật miêu tả các trận đánh ? Tác dụng?**

\* GV cho HS thảo luận theo 4 nhóm, gọi trình bày, nhận xét, GV bổ sung, chốt.

-Nghệ thuật miêu tả các trận đánh: sinh động, mang đậm chất sử thi. Tính lịch sử đan xen tính văn học của thể chí đã được bộc lộ rất rõ ràng trong phần văn bản này.

- Phương pháp trần thuật kết hợp tả + kể.

- Miêu tả cụ thể lời nói, hành động của nhân vật chính, từng trận đánh và những mưu lược tính toán

**H. Nguồn cảm hứng nào khiến các tác giả viết hay và tạo dựng hình tượng người anh hùng dân tộc thành công đến thế ?**

+ Thảo luận theo 4 nhóm, đại diện trình bày, nhận xét. Nhóm khác bổ sung, nghe GV chốt

\* **Tác dụng:** nổi bật thế đối lập giữa một bên tổ chức nghiêm minh, mạnh mẽ, xông xáo >< xộc xệch, trễ nải, run sợ.

+ Suy nghĩ, trả lời cá nhân( Câu hỏi dành cho HS khá giỏi)

- Quan điểm của các tác giả là phản ánh hiện thực, cảm hứng tự hào, ý thức dân tộc và tôn trọng sự thật lịch sử .

- Khi tả các trận đánh dựa trên lập trường tư tưởng dân tộc và tinh thần yêu nước đã tạo nguồn cảm hứng khiến cho những trang viết về ông chân thực, có màu sắc sử thi.

\* **GV bổ sung:** Tuy họ là những cự thần, chịu ơn sâu nghĩa nặng của nhà Lê, nhưng sự thực là vua Lê hèn yếu, cõng rắn cắn cả nhà, còn Quang Trung là một vị anh hùng có công đánh giặc ngoại xâm, nên không thể viết sai sự thật.

\* GV yêu cầu hs theo dõi phần còn lại của VB.

**H.Trong khi quân Tây Sơn tiến đánh như vũ bão thì quân tướng nhà Thanh đã làm gì? Hậu quả ra sao?**

ông vua anh hùng, tài giỏi, nhân đức, quả cảm, có tài cầm quân.

**2. Số phận kẻ xâm lược và bè lũ bán nước:**

\* **Quân xâm lược nhà**



**H. Nguyên nhân thất bại của quân Thanh là gì?**

\* GV: Nói qua về mục đích của T.S.Nghị khi kéo quân sang An Nam nhằm mục đích riêng không muốn tổn xương máu.

+ Suy nghĩ cá nhân trả lời.

\* **Quân tướng nhà Thanh.**

+ Lúc đầu: Không chú ý đề phòng, trong ngày Tết mọi người chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, cho quân lính mặc sức tung hoành, không hề lo chi đến bất trắc.

- Tôn Sĩ Nghị xem thường cho là vô sự, không đề phòng, không được tin cấp báo.=> **Chủ quan, mất cảnh giác**

- **Khi quân Tây Sơn đến nơi :**

+ **Tướng :** - Tôn Sĩ Nghị là một tên tướng bất tài, kiêu căng tự mãn, chủ quan khinh địch không lo phòng bị → khi bị đánh : **sợ mất mật** ngựa không kịp đứng yên, người không kịp mặc áo giáp.

+ **Quân :** Lúc lâm trận **rông ròi, sợ hãi**, xin hàng, bỏ chạy, giày xéo lên nhau mà chết, hoảng sợ tan tác, mạnh ai nấy chạy, ko dám nghỉ.

**H. Vua tôi Lê Chiêu Thống đã có hành động ntn khi Ngọc Hồi thất thủ? Em đánh giá gì về bè lũ bán nước?**

\* **Gv nhận xét, sửa chữa.**

+ HS phân tích, rút ra nhận xét, đánh giá của bản thân về bè lũ bán nước.

\* **Bọn vua tôi Lê Chiêu Thống.**

- Vua Lê Chiêu Thống cùng với bọn thân tín đưa Thái hậu ra ngoài, chạy bán sống bán chết, cướp thuyền của dân chài để qua sông, luôn mấy ngày không ăn.

- Đuổi kịp Tôn Sĩ Nghị nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt...xấu hổ, gửi nắm xương tàn nơi đất khách quê người.

**H.Cuộc gặp gỡ giữa Tôn Sĩ Nghị và bọn vua tôi nhà Lê có ý nghĩa như thế nào?**

**H. Lời từ biệt của Lê Chiêu Thống với Tôn Sĩ Nghị có hàm ý sâu xa gì?**

+ Suy nghĩ, trả lời

- Mía mai Tôn Sĩ Nghị vì theo lời Lê Chiêu Thống thì "Nhờ oai linh may được nên việc" nhưng đâu mà oai linh khi mà Tôn Sĩ Nghị còn sợ mất vía phải trốn 1 cách lén lút hèn nhát.→ 1 ông vua hèn mạt bán nước cầu vinh có làm vua cũng chỉ là bù nhìn .

**H. So sánh ngòi bút của tác giả khi miêu tả 2 cuộc tháo chạy của quân tướng nhà Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống có gì khác biệt? Hãy lí giải sự khác biệt đó?**

+ Thảo luận theo 4 nhóm, so sánh , lí giải sự khác biệt, đại diện trình bày, nhận xét.

- Đều là tả thực với những chi tiết cụ thể nhưng âm hưởng khác nhau :

- **Quân tướng nhà Thanh :** nhịp điệu nhanh, mạnh, hối hả. Miêu tả khách quan nhưng vẫn hàm chứa vẻ hả hê, sung sướng của người thắng trận trước sự thảm bại của bọn cướp nước.

**Thanh:**

+Lúc đầu: Chủ quan, mất cảnh giác

+Về sau.

- Tướng : sợ mất mật-> Tướng bất tài, huyên hoang kiêu căng, quân ô hợp, không có kỷ luật.

=> **Thất bại thảm hại**

**3. Bọn vua tôi Lê Chiêu Thống**

- Hèn mạt, vô dụng, ôm chân giặc, thất bại nhục nhã.

-> Kết quả không thể tránh khỏi cho bọn bán nước cầu vinh..=> **kết cục bi thảm, nhục nhã.**

- **Vua tôi Lê Chiêu Thống** : nhịp điệu chậm, miêu tả tỉ mỉ những giọt nước mắt người thô hào-> thương cảm, cảm thấy tủi hổ, ngậm ngùi, chua xót.

\* GV nêu yêu cầu:

H.Nêu những thành công về giá trị nghệ thuật của văn bản?

H.Những thành công về giá trị nghệ thuật góp phần làm nên những thành công gì về giá trị nội dung?

H. Qua tìm hiểu văn bản em rút ra ý nghĩa gì?

\* GV khái quát nội dung, nghệ thuật ý nghĩa của văn bản, rút ghi nhớ, gọi HS đọc ghi nhớ SGK/ 72. Cho làm BTTN cùng cố

- Phát phiếu bài tập.

1. Nhận định nào nói đúng và đủ về người anh hùng Nguyễn Huệ?

A. Có hành động mạnh mẽ, quyết đoán.

B. Có trí tuệ nhạy bén, sáng suốt.

C. Có ý chí quyết tâm và tầm nhìn xa, trông rộng.

D. Có tài dùng binh như thần.

E.Oai phong lẫm liệt trong trận chiến.

F. Kết hợp các ý trên.

2. Khi nói về cảnh vua Quang Trung cầm quân ra trận và trực tiếp chiến đấu, tác giả chủ yếu sử dụng kiểu câu nào?

A. Câu kể ( trần thuật) C. Câu nghi vấn

B. Câu cầu khiến D. Câu cảm thán

3. Vì sao các tác giả vốn là quan trung thành với nhà Lê nhưng vẫn viết rất trung thực và hay về Quang Trung - " kẻ thù" của họ?

A. Vì họ tôn trọng lịch sử.

B. Vì họ có ý thức dân tộc.

C. Vì họ luôn ủng hộ kẻ mạnh.

D. Cả A và B đều đúng.

- Đáp án: 1- F ; 2- A ; 3-

.

### III. Ghi nhớ SGK/72

#### 1. Nghệ thuật:

- Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến các sự kiện lịch sử.

- Khắc hoạ nhân vật lịch sử (người anh hùng Nguyễn Huệ, hình ảnh bọn giặc xâm lược, hình ảnh vua tôi Lê chiêu Thống) với ngôn ngữ kể, tả chân thật, sinh động.

- Có giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả với vương triều nhà Lê, với chiến thắng của dân tộc và với bọn giặc cướp nước.

#### 2. Nội dung.

- Với quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc, các tác giả Hoàng Lê nhất thống chí đã tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh; sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.

#### 3.Ý nghĩa văn bản:

- Văn bản ghi lại hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc ta và hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ trong chiến thắng mùa xuân năm Kỉ Dậu (1789)

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

#### - Mục tiêu:

+ Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.

+ Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

- Thời gian: 7- 10 phút.

- Phương pháp: Tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, đọc diễn cảm

- Kỹ thuật: Động não, tia chớp.

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
H.Phát biểu cảm nhận của em về đoạn trích sau khi đã học? H.Khí thế chiến thắng của quân ta	<b>Bài</b> - Giống với khí thế chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn trước giặc minh xâm lược TK 16 trong "Bình Ngô Đại

và thất bại thảm hại của quân giặc trong văn bản này giống với văn bản nào đã học? (Tích hợp)	Cáo" của Nguyễn Trãi
---	----------------------

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Hs: Em có nhận xét gì về lòng yêu nước của người Việt Nam trong thời hiện đại ngày nay ?	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo
- **Phương pháp:** Dự án
- **Kỹ thuật:** Giao việc
- **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Viết đoạn văn (8-10 câu) nêu cảm nhận của em về người anh hùng áo vải Quang Trung sau khi học xong văn bản?	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ:**

- Nắm được các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của văn bản( hồi thứ 14) và nội dung phần Ghi nhớ.
- Hoàn thiện bài tập.
- Hiểu và dùng được một số từ Hán Việt thông dụng được sử dụng trong văn bản.

**2. Bài mới:**

- Đọc và soạn bài "Thuật ng

Tiết: 20,21 TIẾNG VIỆT	<b>SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG (TT) LT SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG</b>	Ngày soạn: 1/10/2022 Ngày soạn:
---------------------------	--	------------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức:**

- Nhận biết từ ngữ mới được tạo ra và những từ ngữ mượn của tiếng nước ngoài.

**2. Kỹ năng:**

- Sử dụng từ ngữ mượn của nước ngoài phù hợp.

**\* Tích hợp kĩ năng sống**

- Giao tiếp: trao đổi về sự phát triển của từ vựng tiếng Việt, tầm quan trọng của việc trau dồi vốn từ và hệ thống hoá những vấn đề cơ bản của từ vựng tiếng Việt.
- Ra quyết định: lựa chọn và sử dụng từ phù hợp với mục đích giao tiếp.

**\*GD môi trường:** Sự biến đổi và phát triển nghĩa từ liên quan đến MT, mượn từ ngữ nước ngoài về môi trường.

**3. Thái độ:**

- Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong việc sử dụng từ mượn để làm giàu thêm vốn từ Tiếng Việt.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu, Bảng phụ, phiếu học tập, tư liệu ngữ văn.
- Chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc và tìm hiểu hai cách quan trọng để phát triển của từ vựng Tiếng Việt là tạo từ mới và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.
- Chuẩn bị phiếu học tập, sách BT, BTTN

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ôn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ (5')**

Hãy cho biết tại sao lại có sự biến đổi từ và cách phát triển nghĩa của từ ntn ? Cho thí dụ?

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** thuyết trình, trực quan. .
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 5 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho hs quan sát một số từ ngữ mới xuất hiện trong thời gian gần đây: Cầu truyền hình, truyền hình cáp... và yêu cầu hs nhận xét.</li> <li>- Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới</li> <li>- Ghi tên bài</li> </ul>	<b>Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét , lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy</li> <li>- Ghi tên bài</li> </ul>

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu:** giúp học sinh hiểu rõ hơn về việc tạo từ ngữ mới và việc mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.

- Thời gian dự kiến : 35 phút

- Phương pháp: Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.

- Kỹ thuật : Dạy học theo kỹ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>* GV ghi các từ trong sách giáo khoa lên bảng phụ, yêu cầu HS đọc ?</p> <p>H. Hãy cho biết trong thời gian gần đây có những từ ngữ nào mới được cấu tạo trên cơ sở các từ trên?</p> <p>H. Giải nghĩa của những từ ngữ mới cấu tạo đó?</p> <p>H. Nêu cách tạo từ mới và em có thể rút ra một công thức mẫu ?)</p> <p>+ HS quan sát trên máy chiếu, kết hợp làm việc cá nhân và hợp tác qua kỹ thuật động não, dùng phiếu học tập.</p> <p>a/ Điện thoại+ di động -&gt; <b>điện thoại di động</b> là điện thoại vô tuyến nhỏ mang theo người sử dụng trong vùng phủ sóng của cơ sở cho thuê bao.</p> <p>+ Kinh tế +Tri thức-&gt; <b>Kinh tế tri thức</b>: nền KT chủ yếu dựa vào việc sản xuất lưu thông phân phối các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao.</p> <p>+ <b>Đặc khu kinh tế</b> : khu vực dành riêng để thu hút vốn đầu tư và công nghệ nước ngoài với những chính sách ưu đãi.</p> <p>+ <b>Sở hữu trí tuệ</b> : quyền sở hữu đối với sản phẩm do hoạt động trí tuệ mang lại, được pháp luật bảo hộ.</p> <p>* GV yêu cầu HS tiếp tục phát triển các từ mới theo mẫu: x + tặc (x là từ đơn, tặc: kẻ phá hoại) và giải thích ý nghĩa các từ tìm được?</p> <p>H. Từ ví dụ trên, em thấy, người ta có thể tạo ra những từ ngữ mới bằng cách ntn ?</p> <p>+ Trao đổi nhóm bàn, tìm nhanh.</p> <p>- Lâm tặc : Kẻ cướp tài nguyên rừng.</p> <p>- Không tặc : Kẻ chuyên cướp trên máy bay.</p> <p>-Hải tặc:Kẻ chuyên cướp trên tàu biển.</p> <p>- Tin tặc : Kẻ dùng kỹ thuật xâm nhập trái phép vào dữ liệu trên máy tính của người khác để khai thác và phá hoại.</p> <p>- Nghịch tặc : Kẻ phản bội làm giặc.</p> <p>- Gian tặc : Kẻ gian manh trộm cướp.</p> <p>* GV yêu cầu HS rút ra kết luận về việc tạo ra từ ngữ mới trong tiếng Việt?</p> <p>* GV khái quát, rút ghi nhớ, gọi đọc.</p> <p>+ HS rút ra kết luận qua tìm hiểu các VD: Tạo từ ngữ mới là làm tăng vốn từ của 1 ngôn ngữ (phát triển từ vựng)</p> <p>+1 HS đọc ghi nhớ 1, cả lớp ghi vào vở.</p>	<p><b>I. TÌM HIỂU BÀI</b></p> <p><b>1. Tạo từ ngữ mới</b></p> <p>a. Ví dụ/sgk/72</p> <p>b. Nhận xét</p> <p>- Đặc khu kinh tế:</p> <p>- Điện thoại di động:</p> <p>- Kinh tế tri thức:</p> <p>- Sở hữu trí tuệ...</p> <p>-&gt; <b>Có thể tạo ra một từ ngữ mới bằng cách dùng các yếu tố có sẵn ghép lại với nhau</b></p> <p>- <b>Công thức x + y = từ mới.</b> (các từ ghép)</p> <p>VD: Đặc khu (x) + kinh tế (y) = Đặc khu kinh tế</p> <p>- Người ta có thể tạo ra một từ mới bằng cách ghép một từ cho sẵn với một từ khác theo mẫu x + tặc.</p> <p><b>Ghi nhớ/73.</b></p> <p>- Tạo từ ngữ mới là làm tăng vốn từ của 1 ngôn ngữ (phát triển từ vựng)</p>
<p>* GV gọi đọc các ví dụ mục 1?Yêu cầu cả lớp quan sát, gọi</p>	<p><b>2.Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.</b></p> <p>a. Ví dụ/sgk/73</p>

<p><b>1 HS lên bảng gạch chân ví dụ 1.a,b.</b></p> <p><b>H. Gạch chân những từ Hán Việt trong các ví dụ đó?</b></p> <p>+ 1 HS đọc, cả lớp quan sát, tìm từ HV, 1 HS lên bảng gạch chân trên bảng phụ</p> <p>*Những từ Hán Việt</p> <p>a/ Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, hội, đập thanh, yến anh, bộ hành, xuân, tài tử, giai nhân.</p> <p>b/ Bạc mệnh, duyên, phận, thần linh, chứng giám, thiếp, đoan trang, tiết, trinh bạch, ngọc, ...</p> <p><b>* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi mục II.2?</b></p> <p><b>H. Trong tiếng Việt có các từ nào dùng để chỉ các khái niệm sau ? Chỉ ra nghĩa gốc ?</b></p> <p><b>H.Những từ này có nguồn gốc từ đâu?</b></p> <p>* Mượn từ tiếng Anh:</p> <p>a/ AIDS – “ét, si đơ”-&gt; Hội chứng suy giảm miễn dịch (Tiếng Anh)</p> <p>b/ Ma-két-tinh (Maketing-Tiếng Anh) -&gt; nghiên cứu một cách có hệ thống những điều kiện để tiêu thụ hàng hoá ( nghiên cứu nhu cầu thị hiếu khách hàng.)</p> <p><b>H.Qua các ví dụ trên em rút ra kết luận gì về việc phát triển vốn từ tiếng Việt?</b></p> <p>+ HS khái quát, rút ra nhận xét, trả lời.</p> <p>- Tạo từ ngữ mới làm cho vốn từ tăng lên là 1 hình thức phát triển của từ vựng.</p> <p><b>* GV cho HS thảo luận nhóm, gọi trình bày, nhận xét, GV bổ sung.</b></p> <p><b>H. Vì sao phải mượn tiếng nước ngoài?</b></p> <p>+ HS thảo luận theo 4 nhóm, đại diện trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung, nghe GV chốt.</p> <p>- Có những sự vật khái niệm mới cần được gọi tên, được biểu đạt mà trong Tiếng Việt còn thiếu những từ cần thiết và thích hợp.</p> <p><b>H. Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn của tiếng nước nào?</b></p> <p>- Bộ phận từ mượn quan trọng nhất : tiếng Hán, ngoài ra có T. Anh, Nga, Đức, Pháp...</p> <p><b>H. Những từ ngữ cần mượn là những từ ngữ ntn?</b></p> <p>+ Suy nghĩ, trả lời</p> <p>- Các từ ngữ cần mượn: một số thuật ngữ khoa học, những từ khó dịch đống sang Tiếng Việt hoặc TV không có chữ để dịch hoặc những từ ngữ có màu sắc biểu cảm, ý nghĩa, phong cách khác TV mà TV ko thể thay thế.</p> <p><b>* GV: Ta có thể mượn bằng cách dịch âm và giữ nguyên ý nghĩa của từ đó.</b></p> <p><b>H. Khi vay mượn và sử dụng các từ ngữ mới cần chú ý điều gì?</b></p> <p>+ Trình bày ý hiểu.</p>	<p><b>b. Nhận xét.</b></p> <p>* Mượn tiếng Hán.</p> <p>a/ Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, hội, đập thanh, yến anh, bộ hành, xuân, tài tử, giai nhân.</p> <p>b/ Bạc mệnh, duyên, phận, thần linh, chứng giám, thiếp, đoan trang, tiết, trinh bạch, ngọc, ..</p> <p>*Mượn tiếng Anh.</p> <p>- AIDS - ét</p> <p>- Maketing - Marketing</p> <p><b>Ghi nhớ 2/ 74.</b></p> <p>- Tạo từ ngữ mới bằng cách mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài.</p> <p>- Nguyên nhân vay mượn:</p> <p>- Nguồn gốc vay mượn: Bộ phận từ mượn quan trọng nhất : tiếng Hán, ngoài ra có tiếng Anh, Nga, Đức, Pháp...</p> <p>- Các từ cần mượn:</p>
--	--

- Khi chưa có từ phù hợp thì vay mượn, khi ta có từ ngữ mới cần chú ý sử dụng đúng hoàn cảnh, mục đích để giữ gìn sự trong sáng nghĩa của từ Tiếng Việt.

### H. Có mấy cách phát triển từ vựng TV?

\* GV cho HS thảo luận nhóm bàn, gọi trình bày, nhận xét.

+ HS khái quát, trả lời cá nhân.

\* 2 cách phát triển từ vựng: phát triển nghĩa và phát triển số lượng

### H. Từ vựng của 1 ngôn ngữ có thể không thay đổi được không? Vì sao?

+ Thảo luận nhóm, trình bày nhận xét.

- Từ vựng của một ngôn ngữ không thể không thay đổi vì: thế giới tự nhiên luôn vận động và phát triển- nhận thức của con người cũng vận động phát triển theo-> từ vựng ngôn ngữ phải thay đổi để đáp ứng nhu cầu giao tiếp và nhận thức của con người.

\* Gọi HS đọc ghi nhớ

\* GV khái quát, chốt kiến thức trọng tâm và chuyển ý.

\* Có hai cách phát triển từ ngữ:

- Phát triển nghĩa của từ.

- Phát triển số lượng từ ngữ.

## II. GHI NHỚ/SGK/ 73,74

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

#### - Mục tiêu:

+ Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.

+ Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

- Thời gian: 28 phút.

- Phương pháp: Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

- Kỹ thuật: Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1/74.</p> <p>H. Tìm 2 mô hình có khả năng tạo ra những từ ngữ mới? Cho VD minh họa?</p> <p>* Giáo viên gọi 2- 3 học sinh trình bày bài tập mỗi học sinh chọn 1 mô hình.</p> <p>- Giáo viên gọi nhận xét tổng hợp</p>	<p><b>1. Bài 1/74. Tìm mô hình có khả năng tạo từ ngữ mới.</b></p> <p>Tìm mô hình, lấy ví dụ.</p> <p>a/ x + trường : chiến trường, nông trường, ngư trường, thương trường.</p> <p>b/ x + điện tử: thư điện tử, thương mại điện tử, giáo dục điện tử...</p>
<p>* Gọi HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 2/ 74</p> <p>* Giáo viên gọi 2- 3 học sinh trình bày bài tập mỗi học sinh chọn 1 mô hình.</p> <p>- Giáo viên gọi nhận xét tổng hợp</p>	<p><b>2. Bài 2. Tìm và giải nghĩa các từ mới.</b></p> <p>- <b>Bàn tay vàng:</b> bàn tay tài giỏi, khéo léo hiếm có trong việc thực hiện một thao tác lao động hoặc kỹ thuật nhất định.</p> <p>- <b>Cầu truyền hình:</b> hình thức truyền hình tại chỗ, cuộc giao lưu đối thoại trực tiếp với nhau qua hệ thống camera giữa các địa điểm cách xa nhau.</p> <p>- Com bụi, thương hiệu, công nghệ cao, đường cao tốc...</p>
<p>H. Xác định nguồn gốc các từ mượn tiếng Hán, mượn từ các ngôn ngữ châu Âu?</p>	<p><b>3. Bài 3: Xác định nguồn gốc vay mượn</b></p> <p>- Mượn từ tiếng Hán: măng xà, biên phòng, tham ô, tô thuế, phê bình, phê phán, ca sĩ, nô lệ,</p> <p>- Mượn từ ngôn ngữ châu Âu: xà phòng, ô tô, ra-đi-ô, ô-xi, cà phê, ca-nô</p>

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 10 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Hs: Em có nhận xét gì về sự phát triển từ vựng trong thời hiện đại ngày nay ?	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Thời gian:** 7 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Tìm các từ mượn trong văn bản Kiều ở lầu Ngưng Bích	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ**

- Học thuộc nội dung ghi nhớ và nắm chắc cách phát triển của từ vựng.
- Đọc bài đọc thêm.
- Thử tìm hiểu 1 văn bản đã học sự phát triển của từ vựng (các từ mới và từ vay mượn)
- Hoàn thiện các bài tập vào vở bài tập.

**2. Bài mới:**

- Soạn : Nguyễn Du – "Truyện Kiều"
- Yêu cầu: + Tìm đọc tư liệu về "Truyện Kiều" và tác giả Nguyễn Du. Phiếu bài tập, bảng phụ

**CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP.****MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ  
QUA TÁC PHẨM TRUYỆN KIỀU****PHẦN I: XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ:****A. CƠ SỞ LỰA CHỌN CHỦ ĐỀ.**

- Căn cứ vào “Công văn 3280/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT, ngày 27 tháng 8 năm 2020 để xây dựng chủ đề tích hợp văn bản làm văn trong học kì I để xây dựng nên chủ đề: **Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự qua tác phẩm truyện Kiều.**
- Qua việc xây dựng chủ đề, góp phần giúp học sinh hình thành mối quan hệ gắn kết giữa các phần văn bản-tiếng việt-tập làm văn, giúp cho các em học tốt môn Ngữ văn, qua đó cũng giúp các em học sinh hiểu được:
  - + Hiểu, cảm nhận được giá trị nội dung và nghệ thuật của một số truyện thơ trung đại Việt Nam: tinh thần nhân văn, số phận và khát vọng hạnh phúc của con người, ước mơ về tự do, công lí trong xã hội phong kiến.
  - + Thấy được nghệ thuật miêu tả tâm lí của nhân vật: sử dụng bút pháp ước lệ mà vẫn gợi tả được vẻ đẹp và tính cách riêng của nhân vật. Hiểu được một phần phương diện cảm hứng nhân văn trong, Trân trọng sắc đẹp, tài năng phẩm cách con người.



+ Hiểu được vai trò của yếu tố miêu tả và miêu tả nội tâm trong văn tự sự, viết đoạn văn, bài văn tự sự có các yếu tố miêu tả nội tâm

- Hình thành cho học sinh các kĩ năng: nghe – nói – đọc - viết thành thạo, sử dụng thành thạo các câu văn, từ ngữ liên kết với nhau để tạo nên một văn bản hoàn chỉnh, văn bản khi tạo nên phải có bố cục rõ ràng, mạch lạc.

- Tích hợp kiến thức liên môn tạo hứng thú học tập cho học sinh. Các em có cái nhìn hoàn chỉnh và thấy được mối liên hệ giữa các môn học. Từ đó có ý thức tìm tòi, học hỏi và vận dụng kiến thức đã học vào đời sống sinh động.

### B. CÁC NỘI DUNG TÍCH HỢP THÀNH CHỦ ĐỀ, THỜI GIAN DỰ KIẾN:

Tuần	Tiết	Bài dạy	Ghi chú
	2	Truyện Kiều của Nguyễn Du	
	2	Chị em Thúy Kiều	
	2	Kiều ở lầu Ngưng Bích	
	2	Miêu tả trong văn tự sự	
	2	Miêu tả nội tâm trong văn tự sự.	

### C. MỤC TIÊU CỦA CHỦ ĐỀ

#### 1.Kiến thức:

- Qua chủ đề “ **Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự qua tác phẩm truyện Kiều.**” học sinh nắm được một số đặc điểm của văn bản nhật dụng được thể hiện qua các văn bản: Truyện Kiều của Nguyễn Du, Chị em Thúy Kiều, Kiều

+ Nắm được những nét chủ yếu về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Du. Trên cơ sở hiểu được nội dung,

+ Qua cốt truyện, số phận và tính cách nhân vật thấy được giá trị nhân đạo là cảm hứng chủ đạo tạo nên giá trị cơ bản của Truyện Kiều.

+ Thấy được nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du khắc họa những nét riêng về nhan sắc tài năng, tính cách, số phận của nhân vật bằng bút nghệ thuật cổ điển.

+ Thấy được cảm hứng chủ đạo trong truyện trân trọng, ca ngợi vẻ đẹp của con người.

+ Tâm trạng nhớ thương, buồn tủi của nhân vật Thúy Kiều khi bị tú bà giam lỏng ở lầu Ngưng Bích được thể hiện trong đoạn tả cảnh ngụ tình

+ Cảm nhận được tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều. Thấy rõ được nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

+ Hiểu được vai trò của yếu tố miêu tả và miêu tả nội tâm trong văn tự sự.

+ Hiểu được vai trò của miêu tả nội tâm và mối quan hệ giữa miêu tả nội tâm với ngoại hình khi kể chuyện.

#### 2.Kỹ năng:

- Nhận biết tài năng Nguyễn Du khi sử dụng ngôn ngữ độc thoại, ngôn ngữ văn học chữ Hán, ngôn ngữ văn học dân gian để tả cảnh ngụ tình, biểu đạt ngoại cảnh và tâm cảnh một cách tinh tế và chính xác và sinh động.

- Học sinh có kĩ năng kể lại tóm tắt các văn bản đã học

- Nhận biết nghệ thuật được sử dụng trong văn bản: miêu tả tâm lí nhân vật.

- Từ việc đọc-hiểu, tóm tắt văn bản học sinh hình thành nên kĩ năng viết đoạn văn, bài văn: trình bày về quan điểm tư tưởng của văn bản,

- Rèn kĩ năng cảm thụ chi tiết đặc sắc, phân tích tâm trạng của nhân vật.

- Rèn kĩ năng vận dụng các phương thức biểu đạt trong một văn bản tự sự.
- Rèn kĩ năng kết hợp kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi viết bài văn tự sự

**3. Thái độ:**

- Trân trọng những nhà văn để lại những tác phẩm xuất sắc cho cuộc đời; thương cảm với số phận của người phụ nữ xưa; yêu mến hơn vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước qua tuyệt bút của thi nhân... .
- Hình thành thói quen dùng yếu tố miêu tả trong khi kể chuyện
- Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự cho phù hợp

**Nội dung tích hợp**

\* **Tích hợp liên môn:** Giáo dục công dân, mỹ thuật vào tìm hiểu, khai thác, bổ sung kiến thức và phát huy vốn hiểu biết về văn hoá dân tộc, làm phong phú và làm sáng tỏ thêm chương trình chính khóa.

**4. Phát triển phẩm chất, năng lực:****a. Phát triển phẩm chất.**

Yêu nước.

- Yêu thiên nhiên, di sản, con người.
- Tự hào và bảo vệ thiên nhiên, di sản, con người.

Nhân ái.

- Yêu con người, yêu cái đẹp, yêu cái thiện.
- Tôn trọng sự khác biệt giữa con người và nền văn hóa.
- Sẵn sàng học hỏi, hòa nhập và giúp đỡ mọi người

Chăm chỉ.

Trung thực: Thật thà, ngay thẳng

Trách nhiệm: Bảo vệ bản thân, gia đình, nhà trường.

**b. Hình thành năng lực.****- Năng lực chung:**

- + Năng lực tự chủ và tự học:
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác:
- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

**- Năng lực chuyên biệt**

- + Năng lực biết làm và làm thành thạo công việc, năng lực sáng tạo và khẳng định bản thân
- + Năng lực phân tích ngôn ngữ ,giao tiếp ...
- + Năng lực làm bài tập. ,lắng nghe ,ghi tích cực ...
- + Năng lực làm việc độc lập , trình bày ý kiến cá nhân.
- + Năng lực giải quyết tình huống, năng lực phát hiện, thể hiện chính kiến, giao tiếp, năng lực biết làm thành thạo công việc được giao, năng lực thích ứng với hoàn cảnh

**D. BẢNG MÔ TẢ CÁC MỨC ĐỘ**

Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Nhận biết được tác giả, tác phẩm, nhân vật. thể loại, phương thức biểu đạt.  Thấy được giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của văn bản	Hiểu được văn bản là một kiệt tác văn học kết tinh giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và thành tựu nghệ thuật tiêu biểu của văn học dân tộc.  Thấy được bút pháp	So sánh, phân tích hình ảnh mùa xuân trong hai bài thơ có cùng chủ đề để thấy được sự tiếp thu và sáng tạo của tác giả.  Phân tích hình ảnh	Sử dụng ngôn ngữ của mình để giới thiệu về vẻ đẹp của nhân vật  Viết được một bài văn tự sự có kết hợp

<p>Nhận biết được trong văn tự sự có yếu tố miêu tả</p>	<p>nghệ thuật ước lệ lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp của con người khắc họa rõ nét chân dung của nhân vật</p>	<p>ngụ tình trong bài thơ</p>	<p>yếu tố miêu tả cảnh vật và con người.</p>
<p>Nhận biết được miêu tả nội tâm</p>	<p>Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa, bạc mệnh .</p>	<p>Phân tích giá trị của những yếu tố miêu tả trong việc thể hiện nội dung của chủ đề.</p>	<p>Đóng vai một nhân vật văn học để kể lại nội dung một sự việc trong đó biết vận dụng yếu tố miêu tả nội tâm của nhân vật.</p>
<p>Nhận biết, tìm ra được những hình ảnh, câu thơ tả cảnh và những câu thơ miêu tả của nhân vật</p>	<p>Thấy được cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của nhân vật.</p>	<p>Biết cách tạo lập một văn bản ngắn có chủ đề, vận dụng được những yếu tố miêu tả để thể hiện được vẻ đẹp của chủ đề ấy.</p>	<p>Viết được một bài văn tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả và miêu tả nội tâm để tái hiện lại hình ảnh của sự vật, con người hoặc theo một chủ đề.</p>
<p>Tác dụng của việc miêu tả nội tâm trong việc khắc họa hình ảnh nhân vật.</p>	<p>Miêu tả và miêu tả nội tâm có vai trò to lớn trong việc làm cho câu chuyện trở nên sinh động hấp dẫn</p>		

## E. CHUẨN BỊ

### I. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC,

#### 1. Giáo viên:

- Giáo án, bài giảng điện tử.
- Phiếu học tập.
- Tranh, ảnh, vi deo.

#### 2. Học sinh

- Đọc bài, soạn bài.
- Suu tầm những tài liệu có liên quan đến chủ đề.
- Thực hiện các hướng dẫn khác theo yêu cầu của giáo viên.

### II. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC.

#### 1. Phương pháp, kĩ thuật dạy học.

- Phương pháp: gợi mở, thảo luận nhóm, thảo luận theo cặp đôi, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, bình giảng, thuyết trình.
- Kĩ thuật: động não, tia chớp, trình bày 1 phút, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật hỏi chuyên gia, đọc tích cực, viết tích cực,

#### 2. Phương tiện dạy học.

Sgk, máy tính có kết nối tivi.

## PHẦN II: TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

<p>Tiết: 22,23 VĂN BẢN</p>	<p>TRUYỆN KIỀU Nguyễn Du</p>	<p>Ngày soạn:2/10/2022 Ngày dạy:</p>
--------------------------------	----------------------------------	--

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.
- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện của Truyện Kiều.
- Thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc trong một tác phẩm văn học trung đại.
- Những giá trị nội dung, nghệ thuật chủ yếu của tác phẩm Truyện Kiều.

**2. Kỹ năng :**

- Đọc – hiểu một tác phẩm truyện thơ Nôm trong văn học trung đại.
- Nhận ra những đặc điểm nổi bật về cuộc đời và sáng tác của một tác giả văn học trung đại.

**3. Thái độ:** Trân trọng những nhà văn để lại những tác phẩm xuất sắc cho cuộc đời; thương cảm với số phận của người phụ nữ xưa; yêu mến hơn vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước qua tuyệt bút của thi nhân...

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu, bảng phụ.
- Ảnh chân dung Nguyễn Du và văn bản Truyện Kiều ( kể cả văn bản dịch chữ Nôm và 1 số văn bản dịch ra tiếng nước ngoài )
- Một số tư liệu, tranh ảnh về tác giả, tác phẩm.
- Chuẩn kiến thức kỹ năng, SGK,SGV, SBT.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc, nghiên cứu bài trước ở nhà. Đọc trước "Truyện Kiều" nếu có
- Soạn và trả lời các câu hỏi phần Đọc- hiểu văn bản ra vở bài tập.
- Trả lời các câu hỏi và làm các bài tập trong sách BT trắc nghiệm.

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ổn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ (5')**

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kỹ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 5'

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho hs quan sát câu thơ: Hỡi sông Hồng tiếng hát 4000 năm Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng Khi Quang Trung cưỡi voi vào cửa Bắc</li> </ul>	<b>Hình thành kỹ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời.</li> <li>- HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu</li> </ul>

Nguyễn Du viết Kiều đất nước hoá thành văn. - Câu thơ trên nhắc đến tác giả nào? Từ câu trả lời của hs, gv dẫn vào bài mới - Ghi tên bài	của thầy. - Ghi tên bài vào vở
---	-----------------------------------

## HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- **Mục tiêu** : HS hiểu về giá trị tác phẩm, cảm nhận bước đầu về văn bản qua việc đọc. HS hiểu ý nghĩa của các tình tiết tiêu biểu; rèn kỹ năng tự học theo hướng dẫn.
- **Thời gian** dự kiến : 35'
- **Phương pháp** : Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình.
- **Kỹ thuật** : Dạy học theo góc, Kỹ thuật khăn trải bàn

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p><b>*Gọi HS đọc phần I trong SGK, yêu cầu HS trả lời, gọi nhận xét, GV bổ sung, cho HS quan sát chân dung tác giả.</b></p> <p><b>H. Nêu những nét chính về thân thế, gia đình của tác giả? Điều đó có ảnh hưởng ntn tới sáng tác thơ văn của ông?</b></p> <p><b>1. Bản thân</b>          Nguyễn Du (1765 – 1820)          - Tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên.          - Quê: Tiên Điền- Nghi Xuân – Nghệ Tĩnh.</p> <p><b>2. Gia đình:</b>          - Gia đình Đại quý tộc, nhiều đời làm quan, có truyền thống văn học.          + Cha : là tiến sĩ Nguyễn Nghiễm, đỗ tiến sĩ, tể tướng của chúa Trịnh,          + Anh là Nguyễn Khản, cùng cha khác mẹ, nổi tiếng hào hoa, giải thơ phú, say mê nghệ thuật, làm tể tướng.          + Mẹ là Trần Thị Tần – người đẹp nổi tiếng vùng Kinh Bắc .  <b>* GV bổ sung: Tự hào về gia phả, dòng họ- họ Nguyễn có lời tuyên thệ: “Bao giờ Ngàn Hồng hết cây. Sông Rum hết nước, họ này hết quan.”</b>          + HS trả lời, HS khác nhận xét, nghe GVbổ sung, quan sát chân dung tác giả.</p> <p><b>H. Thời đại Nguyễn Du sống vào khoảng thời gian nào ? Điều đó có ảnh hưởng gì đến sự nghiệp văn thơ của ông ?</b>          + Dựa vào SGK, trả lời.          + Cuối TK XVIII đầu thế kỉ XIX chế độ phong kiến khủng hoảng trầm trọng, phong trào khởi nghĩa nông dân nổi lên như bão táp mà đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn:          “Một phen thay đổi sơn hà          Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu?”</p>	<p><b>I. Tìm hiểu tác giả Nguyễn Du.</b></p> <p><b>1. Thân thế tác giả:</b></p> <p><b>1. Bản thân</b>          Nguyễn Du (1765 - 1820)          - Tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên.          - Quê: Tiên Điền- Nghi Xuân – Nghệ Tĩnh.</p> <p><b>2, Gia đình :</b>          - Gia đình Đại quý tộc, nhiều đời làm quan, có truyền thống văn học.          =&gt; Nguyễn Du được thừa hưởng sự giàu sang phú quý, có điều kiện học hành, thừa hưởng truyền thống văn chương của gia đình.</p> <p><b>3, Thời đại xã hội:</b>          Có nhiều biến động dữ dội=&gt; Điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình cảm, nhận thức, cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Du, để ông hướng ngòi bút vào hiện thực.</p>

\* GV nêu yêu cầu, yêu cầu HS trao đổi trong nhóm bàn, trả lời, gọi nhận xét, GV bổ sung, đánh giá.

**H. Về cuộc đời và sự nghiệp của nhà thơ có những điều gì cần lưu ý ? Trong những bước thăng trầm của cuộc đời ông, theo em điều này có ảnh hưởng tới những sáng tác của ông và đặc biệt là Truyện Kiều không ?**

+ Nêu theo vốn hiểu biết, SGK. Trao đổi nhóm bàn, trả lời, HS khác bổ sung. Nghe GV đánh giá

+ **Lúc còn nhỏ** : 9 tuổi mồ côi cha; 12 tuổi mồ côi mẹ, ở với anh trai Nguyễn Khản. Sống và học tập ở Thăng Long hào hoa, phong nhã, học giỏi → thi không đỗ cao.

+ **Trưởng thành** :

-**1786 – 1796** lưu lạc nhiều năm trên đất Bắc, ở nhờ quê vợ ở Thái Bình trong tâm trạng ngơ ngác buồn chán, hoang mang và bi phần. Nhiều năm lưu lạc sống gần gũi với nhân dân, nếm trải mọi nỗi khổ cực,

- Năm 1796: Giai đoạn làm quan với nhà Nguyễn. Khi Tây Sơn tấn công ra Bắc ông phò Lê chống lại Tây Sơn nhưng không thành.

- **Từ 1796-1802**: Về ở ẩn quê nội Hà Tĩnh Sau định vào Nam theo Nguyễn Ánh chống lại Tây Sơn → bị bắt giam 3 tháng rồi thả.

- **Năm 1802**: Khi Nguyễn Ánh lên ngôi mời ông ra làm quan → bắt đắ dĩ và chọn một chức quan nhỏ: làm tri huyện Bắc Hà.

- **1805 – 1808** làm quan tại kinh đô Huế.

- **1809** : làm cai bạ tại Quảng Bình

- **1813-1814** : Được thăng chức làm chánh sứ, và đi sứ Trung Quốc lần 1.

-**1820**: Khi chuẩn bị đi sứ Trung Quốc lần 2 ông ốm , mất tại Huế.

\* **GV bổ sung**

Năm 1824 con trai ông đã mang thi hài ông về an táng tại quê nhà. Nguyễn Du là con người có hiểu biết sâu rộng về cuộc sống, con người, có tấm lòng nhân ái: “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn khi ông viết “Truyện Kiều”. Mộng Liên Đường chủ nhân trong lời tựa “Truyện Kiều” đã viết: “Tổ Như Tử có con mắt trông khắp sáu cõi, có tấm lòng nghĩ đến cả nghìn đời. Lời văn tả hình như máu chảy ở đầu ngòi bút, nước mắt thấm trên tờ giấy khiến ai đọc cũng phải thấm thía, ngậm ngùi đau đớn đến đứt ruột”.

**H. Hãy giới thiệu về sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du?**

\* **GV cung cấp bìa sách để HS tìm đọc.**

+ HS trình bày theo vốn hiểu biết, HS khác bổ sung, theo dõi bìa sách.

- Gồm nhiều tác phẩm lớn có giá trị, xuất sắc nhất là **Đoạn**

**4, Cuộc đời :**

+ **Lúc nhỏ**: 9 tuổi mất cha 12 tuổi mất mẹ ở với anh

+**Trưởng thành**:

-1786 – 1796 lưu lạc đất Bắc ở nhờ quê vợ trong tâm trạng ngơ ngác buồn chán, hoang mang và bi phần.

- 1802 ra làm quan cho triều Nguyễn

1805 – 1808 làm quan tại kinh đô Huế.

- 1809 làm cai bạ tại Q/Bình.

-1813-1814: Được thăng chức và đi sứ Trung Quốc lần 1.

-1820: Chuẩn bị đi sứ lần 2 thì ốm mất ở Huế.

+ Cuộc đời chìm nổi, đi nhiều nơi, tiếp xúc nhiều hạng người → có vốn sống phong phú → được coi là 1 trong 5 người giỏi nhất nước Nam.

- Có tấm lòng yêu thương, thông cảm với người nghèo khổ, với những nỗi đau của nhân loại

**4. Sự nghiệp sáng tác.**

-Tác phẩm chữ Hán: Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục...

- Tác phẩm chữ Nôm: Truyện

**trường Tân Thanh** (Truyện Kiều)

- **Tác phẩm chữ Hán** : Thanh Hiên thi tập; Nam Trung tạp ngâm; Bắc hành tạp lục.

- **Tác phẩm chữ Nôm**: Truyện Kiều, Văn chiêu hồn.

**H. Qua tìm hiểu về tác giả, em có đánh giá gì về ông?**

+Đánh giá khái quát.Trả lời.

- Nguyễn Du là đại thi hào văn học dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới.

- Nguyễn Du là bậc thầy trong việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, có những đóng góp to lớn cho sự phát triển của VHVN, đặc biệt là ở thể loại truyện thơ.

- Là người có trái tim giàu tình yêu thương, cảm thông sâu sắc với những người nghèo khổ, với những đau khổ của nhân dân.

**\* GV khái quát, chốt kiến thức trọng tâm toàn bài và chuyển ý. Với hơn 60 năm trong cuộc đời của một con người, sự nghiệp của Nguyễn Du thật là quá đồ sộ. Điều đó đã khẳng định vị trí xứng đáng của đại thi hào, danh nhân văn hoá thế giới.**

**H. Hãy nêu nguồn gốc của truyện Kiều ?**

+ Nêu theo SGK, trả lời

- Dựa theo cốt truyện “ Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài nhân (Trung Quốc ), song ông có nhiều sáng tạo. Lúc đầu tác phẩm có tên là “**Đoạn trường Tân Thanh**”

+ Xuất bản bằng nhiều thứ tiếng: Liên Xô, Trung Quốc, Tiệp Nhật... .

**\* GV bổ sung: ô Kim Vân Kiều truyện ả là tác phẩm văn xuôi viết bằng chữ Hán thuộc thể loại phong tình ( tình yêu trai gái xưa, yếu tố tính chất dung tục được đề cao) còn Truyện Kiều của Nguyễn Du được viết bằng truyện thơ, viết bằng chữ Nôm được Nguyễn Du lược bỏ yếu tố dung tục, giữ lại cốt truyện và nhân vật, thay đổi các chi tiết ngôn ngữ, tâm lí nhân vật...tạo ra một thế giới nhân vật đặc sắc với cảm hứng nhân đạo cao cả xuất phát từ cuộc sống con người Việt Nam nên Truyện Kiều mãi là sáng tác văn chương đích thực của Nguyễn Du.**

**H. Tác phẩm ra đời trong khoảng thời gian nào ?**

+ Nêu theo SGK, trả lời

- Dựa theo cốt truyện “ Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài nhân (Trung Quốc ), song ông có nhiều sáng tạo. Lúc đầu tác phẩm có tên là “**Đoạn trường Tân Thanh**”

+ Xuất bản bằng nhiều thứ tiếng: Liên Xô, Trung Quốc, Tiệp Nhật

Kiều, Văn chiêu hồn....

=> Đóng góp to lớn cho kho tàng văn học dân tộc, nhất là ở thể loại truyện thơ.

- Nguyễn Du là đại thi hào văn học dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới.

- Là bậc thầy trong việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, đặc biệt là truyện thơ.

- Là người có trái tim nhân đạo lớn.

## II - Truyện Kiều

### 1. Nguồn gốc.

- Dựa theo cốt truyện

“Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài nhân (Trung Quốc )

->Đây là tác phẩm Truyện thơ Nôm tiêu biểu nhất của văn học Trung đại VN.

### 2. Thời điểm sáng tác:

- Gồm 3254 câu lục bát.

\* GV yêu cầu HS tóm tắt lại những phần chính của Truyện Kiều, chiếu bố cục chính lên bảng để HS tiện theo dõi.

\* Giáo viên có thể giới thiệu quyển Truyện Kiều, trang chủ Truyện Kiều để HS tìm hiểu.

- Phần 1 : Gặp gỡ và đính ước : Thuý Kiều con gái lớn của một gia đình trung lưu. Trong tiết thanh minh Kiều cùng 2 em đi chơi xuân, nàng gặp Kim Trọng, tình yêu nhanh chóng đến với 2 người. Họ thề nguyện đính ước kết duyên.

- Phần 2 : Gia biến và lưu lạc : Kim Trọng về quê chịu tang chú. Gia đình Kiều mắc oan, Kiều phải bán mình để chuộc cha. Nàng bị rơi vào nanh vuốt của bọn Mã Giám Sinh, bị bắt buộc làm gái lầu xanh. Thúc Sinh mướn mộ tài sắc của Kiều, bỏ tiền chuộc Kiều và lấy nàng làm vợ lẽ. Hoạn Thư (vợ cả Thúc Sinh) biết chuyện đánh ghen và đẩy Kiều. Nàng phải trốn đi nương nhờ cửa Phật của vãi Giác Duyên nhưng lại rơi vào tay bọn buôn thịt bán người Bạc Bà, Bạc Hạnh. Lần thứ 2 Kiều được Từ Hải cứu thoát và giúp nàng báo ân báo oán. Nhưng nàng lại bị mắc lừa Hồ Tôn Hiến khuyên Từ Hải ra hàng, bị hãm làm nhục, ép gả bán nàng cho người thổ quan. Tủi nhục, nàng nhảy xuống sông Tiền Đường tự tử và được vãi Giác Duyên cứu sống.

- Phần 3 : Đoàn tụ : Kim Trọng treo án tử quan, bỏ công đi tìm kiếm Thuý Kiều. Họ gặp lại nhau và chuyển từ tình yêu sang tình bạn. Sau 15 năm lưu lạc, khổ sở, Kiều trở về sống đoàn tụ cùng gia đình.

\* GV yêu cầu HS nêu những giá trị của Truyện Kiều

**H. Giá trị nội dung được thể hiện như thế nào?**

\* **Giá trị nội dung.**

+ Giá trị hiện thực: Phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời.

+ Giá trị nhân đạo: Niềm cảm thương sâu sắc trước những đau khổ của con người, lên án tố cáo các thế lực bạo tàn, trân trọng đề cao con người từ vẻ đẹp ngoại hình lẫn nội tâm.

**H. Giá trị nghệ thuật được thể hiện đặc sắc như thế nào?**

\* **Giá trị nghệ thuật.**

thể hiện trên 2 thành tựu cơ bản: ngôn ngữ, thể loại:

+ Thể loại: Sử dụng thể thơ lục bát thành thạo, điêu luyện. 3254 câu thơ lục bát mà câu nào cũng đúng luật, đúng cách gieo vần

+ Ngôn ngữ:

- Ngôn ngữ nghệ thuật đạt đến đỉnh cao (cả chức năng biểu đạt), phản ánh và chức năng thẩm mỹ... Tiếng Việt trong **Truyện Kiều** rất giàu và đẹp.

- Vừa sử dụng ngôn ngữ bác học kết hợp hài hòa với ngôn ngữ dân gian. Ngôn ngữ bác học là những từ Hán Việt, điển tích, điển cố. Số lượng từ Hán Việt là 1310 từ. Ngôn ngữ dân gian là những từ thuần Việt, tục ngữ, thành ngữ, ca dao

- Sử dụng từ đồng nghĩa, đa nghĩa một cách điêu luyện

- Nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc (Dẫn chuyện, miêu tả thiên nhiên khắc họa tình cảm tâm lý nhân vật)

- Nghệ thuật xây dựng và miêu tả nhân vật bậc thầy :

- Miêu tả thiên nhiên độc đáo.

+ Cả lớp nghe

\* GV dùng một số câu thơ trong truyện để chứng minh

\*Tả người :

**3. Tóm tắt tác phẩm .**

**4. Giá trị nội dung, nghệ thuật**

**a. Nội dung.**

+ Giá trị hiện thực:

- Phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời.

- Số phận bất hạnh của người phụ nữ tài hoa, đức hạnh trong XHPK.

+ Giá trị nhân đạo:

- Niềm cảm thương sâu sắc trước những đau khổ của con người.

- Lên án, tố cáo các thế lực bạo tàn.

- Khẳng định và đề cao tài năng, nhân phẩm và những khát vọng chân chính của con người.

**b. Nghệ thuật.**

-Thể loại: Sử dụng thể thơ lục bát thành thạo, điêu luyện

- Ngôn ngữ:

- Ngôn ngữ nghệ thuật đạt đến đỉnh cao.

- Nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc.

-> Được lưu truyền rộng



- Nhân vật chính diện: Ngòi bút ước lệ, dùng hình ảnh thiên nhiên tả người. Là nhân vật lý tưởng hóa của Nguyễn Du  
VD: Nghiêng nước nghiêng thành

- Nhân vật phản diện: Tả thực, là nhân vật hiện thực hóa của Nguyễn Du  
Vd: "Quá niên trạc ngoại tứ tuần- Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao."  
- Cổ nhân- người cũ.  
- kẻ cắp bà già  
\* Tả cảnh  
Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình sinh động, khắc họa rõ nét nội tâm nhân vật.  
-GV lấyVD: Cùng khái niệm mặt trăng , tác giả sử dụng nhiều từ khác nhau để thể hiện: thỏ, gương nga, vàng trăng.  
\* GV chốt: Truyện Kiều là kết tinh của thiên tài văn học Nguyễn Du, là kiệt tác văn học thời phong kiến nói riêng và văn học nói chung.

rãi trở thành đời sống văn hoá người Việt.  
- Được dịch ra nhiều thứ tiếng.

**H.Nêu những thành công về giá trị nội dung và hình thức của Truyện Kiều?**

**\* Giá trị của Truyện Kiều:**

- + Về nội dung: giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo.
- + Về hình thức: có nhiều sáng tạo trong nghệ thuật kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ, miêu tả thiên nhiên, khắc họa hình tượng nhân vật....

**H. Gọi HS đọc ghi nhớ SGK/ 80.**

+ 1 HS đọc ghi nhớ SGK trang 80

**III. Ghi nhớ /SGK/80**

**\* Giá trị của Truyện Kiều:**

- + Về nội dung: giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo.
- + Về hình thức: có nhiều sáng tạo trong nghệ thuật kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ, miêu tả thiên nhiên, khắc họa hình tượng nhân vật....

**\*Ghi nhớ /SGK/80**

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.
- + Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

**- Thời gian:** 20 phút.

**- Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

**- Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
H.Giáo viên yêu cầu học sinh đọc và tóm tắt tác phẩm?	+ HS xác định yêu cầu của bài tập và thực hiện.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

+ Thời gian: 10 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - <b>HS:</b> Em có suy nghĩ gì về lòng nhân đạo, tình yêu thương con người trong thời đại ngày nay?	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

+ Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

+ Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

**- Phương pháp:** Dự án**- Kỹ thuật:** Giao việc**- Thời gian:** 15 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Tiếp tục tìm hiểu về tác giả - Đọc toàn bộ truyện Kiều - Những lời bình về tác giả, tác phẩm	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ**

- Tìm đọc Truyện Kiều.

- Nắm được những nét chính về Nguyễn Du và Truyện Kiều.

- Làm các bài tập trong vở bài tập

- Tìm đọc những câu thơ chứng minh giá trị nội dung của Truyện Kiều.

**2. Bài mới:**

Đọc và soạn bài " Chị em Thuý Kiều"

Yêu cầu: Trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài

Phiếu bài tập.

Tiết: 24,25 VĂN BẢN	<b>CHỊ EM THÚY KIỀU</b> (Trích: “Truyện Kiều” của Nguyễn Du)	Ngày soạn: 4/10/2022 Ngày dạy:
------------------------	---	-----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Bút pháp nghệ thuật tượng trưng ước lệ của Nguyễn Du trong miêu tả nhân vật.
- Cảm **hứng** nhân đạo của Nguyễn Du: ngợi ca vẻ đẹp, tài năng của con người qua một đoạn trích cụ thể.

**2. Kỹ năng :**

- Đọc - hiểu một văn bản truyện thơ trong văn học trung đại.
- Theo dõi diễn biến sự việc trong tác phẩm truyện.
- Có ý thức liên hệ với văn bản liên quan để tìm hiểu về nhân vật.
- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật cổ điển của Nguyễn Du trong văn bản.

**3. Thái độ:** Trân trọng vẻ đẹp và tài năng của 2 chị em Thúy Kiều.**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu, bảng phụ.
- Tranh ảnh minh họa chân dung 2 chị em Thúy Vân, Thúy Kiều.
- Chuẩn kiến thức kỹ năng, SGK,SGV, SBT.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Soạn và trả lời các câu hỏi phần Đọc- hiểu văn bản ra vở bài tập.
- Trả lời các câu hỏi và làm các bài tập trong sách BT trắc nhiệm.

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ổn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ (5')****Trình bày những hiểu biết của em về giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du**

- Giá trị hiện thực:
  - + Bức tranh hiện thực về XHPK bất công đã chà đạp lên quyền sống con người.
  - + Số phận bất hạnh của người phụ nữ tài hoa, đức hạnh trong XHPK.
- Giá trị nhân đạo:
  - + Trân trọng ngợi ca vẻ đẹp tài năng , hình thức, tâm hồn con người đến những ước mơ, khát vọng của con người về quyền sống, tự do, tình yêu, hạnh phúc.
  - + Lên án chế độ XHPK vô nhân đạo.
  - + Cảm thương trước số phận bi kịch của con người

- Sử dụng thể thơ lục bát thành thạo, điều luyện. 3254 câu thơ lục bát mà câu nào cũng đúng luật, đúng cách gieo vần
- Nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc
- Nghệ thuật xây dựng và miêu tả nhân vật bậc thầy :
- Miêu tả thiên nhiên độc đáo.

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** thuyết trình , trực quan
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 5 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
* GV cho hs quan sát bức tranh mô tả chị em Thúy Kiều và yêu cầu hs cho nhận xét. Từ phần nhận xét của hs gv dẫn vào bài mới * Ghi tên bài	<b>Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình</b> - HS nghe thuyết trình. - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy. - Ghi tên bài

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu :** hiểu được giá trị của đoạn trích.
- **Thời gian** dự kiến : 35 phút
- **Phương pháp :** Khai thác kênh chữ , vấn đáp tái hiện thông tin, giải thích
- **Kĩ thuật :** Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p><b>Gv cho học sinh nhắc lại đôi nét về tác giả</b> Hs xem lại sgk/ nhắc lại kiến thức.</p> <p><b>H. Em hãy nêu xuất xứ của văn bản?</b>            * GV nêu yêu cầu và định hướng đọc: Đọc đúng chính tả, chú ý cách ngắt nhịp thông thường của thơ lục bát. Khi đọc cần kết hợp giữa giọng kể, xen lẫn miêu tả và bình luận. Ở một số câu thơ có sự chuyển nhịp:            “Mai cốt cách/tuyệt tình thân”            “Làn thu thủy/ nét xuân sơn”            * GV đọc mẫu, gọi 2 HS đọc bài, gọi nhận xét.</p> <p><b>H. Em hiểu gì về ý nghĩa của các từ ngữ: Tô nga, mai cốt cách, đoan trang, làn thu thủy?</b></p> <p><b>H. Ngoài các từ ngữ SGK đã chú thích em thấy còn có từ ngữ nào em chưa hiểu cần giải thích thêm?</b>            + Giải thích nghĩa của từ theo các chú thích (1), (2), (4), (5).            - Tìm, phát hiện, nêu ý kiến.</p>	<b>I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH.</b> <b>1. Tác giả/sgk/77-78</b>  <b>2. Tác phẩm</b> <b>a. Xuất xứ:</b> Nằm ở phần đầu “ Gặp gỡ và đính ước” từ câu 15 đến câu 38  <b>b. Đọc – giải thích từ khó</b>

- + Nghe, theo dõi SGK để hiểu nghĩa các từ ngữ.
- \* GV chốt: Để hiểu rõ nội dung, ý nghĩa đoạn thơ các em phải hiểu 14 chú thích trong SGK.
- \*GV khái quát và chuyển ý.
- + **Bố cục của văn bản và nêu rõ nội dung từng phần**
- Đại diện trình bày, nhiều hs nhận xét
- + **Bố cục gồm 4 phần :**
- 4 câu đầu → giới thiệu chung về vẻ đẹp của 2 chị em.
- 4 câu tiếp : Gọi tả vẻ đẹp của Thuý Vân
- 12 câu tiếp : gọi tả vẻ đẹp của Thuý Kiều
- 4 câu còn lại nói về đức hạnh, cuộc sống của 2 chị em.
- + **Em có nhận xét gì về bố cục sắp xếp của tác giả ở đoạn?**
- \* GV tổ chức hs thảo luận theo nhóm bàn( 3 phút)
- Gv gọi đại diện nhóm trình bày
- GV nhận xét, chốt, ghi bảng
- \* Chuyển ý: Để hiểu rõ những giá trị của văn bản, chúng ta đi vào tìm hiểu chi tiết văn bản theo kết cấu 4 phần.
- \* **GV nêu vấn đề: Trình bày những hiểu biết của em về văn bản ở những khía cạnh sau:**
- **Thể loại:** Truyện thơ Nôm
- **Phương thức biểu đạt:** tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm

## 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu chi tiết văn bản.

- \* GV gọi đọc 4 câu thơ đầu, nêu yêu cầu:
- H. Vẻ đẹp Thuý Vân, Thuý Kiều trong 4 câu thơ được tác giả miêu tả qua các hình ảnh, từ ngữ nào? ( Treo ảnh: chân dung Thuý Vân, Thuý Kiều)**
- H. Em hiểu “mai cốt cách, tuyết tinh thần, mười phân vẹn mười” là gì?**
- + HS đọc lại 4 câu thơ đầu. Quan sát tranh ảnh
- + Tìm, nhận xét, phát hiện, giải nghĩa từ. Trả lời cá nhân.
- **Mai cốt cách :** cốt cách của cây mai : mảnh dẻ, thanh tao.
- **Tuyết tinh thần :** tinh thần của tuyết trắng và trong sạch
- **Mười phân vẹn mười:** Mỗi người đều có một vẻ đẹp riêng nhưng đều đạt đến độ hoàn mỹ.

## H. Để khái quát vẻ đẹp chung của 2 chị em Thuý Kiều, tác giả đã sử dụng BPNT gì? Hãy nhận xét cách sử dụng từ ngữ ? Tác dụng?

- + Phát hiện và chỉ ra các BPNT, rút ra nhận xét, nêu tác dụng, trả lời theo nhóm, nhóm khác bổ sung.

## c. Bố cục của văn bản

### - Bố cục của đoạn trích gồm 4 phần:

=> Kết cấu chặt chẽ, thể hiện cách miêu tả nhân vật tinh tế của tác giả, giới thiệu từ chung đến riêng, từ khái quát đến cụ thể.

## d. Thể loại và phương thức biểu đạt.

- **Thể loại:** Truyện thơ Nôm ( Thơ lục bát)

- **Phương thức biểu đạt:** tự sự kết hợp với miêu tả, biểu cảm

## II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

### 1/ Cảm nhận chung về vẻ đẹp của 2 chị em Kiều:

- Đầu lòng....ả tố nga.  
Mai cốt cách, tuyết tinh thần....  
mười phân vẹn mười

->Giới thiệu gia cảnh, thứ

+ Nghe GV chốt, tự trau dồi cảm xúc và bồi dưỡng thêm tư liệu cảm thụ văn học.

**H. Qua bút pháp miêu tả của tác giả, em có những cảm nhận chung gì về vị trí, vẻ đẹp, dáng dấp của 2 chị em?**

- Sử dụng kết hợp từ thuần Việt và từ Hán Việt : lời giới thiệu vừa tự nhiên vừa trang trọng về vị trí, thứ bậc của chị em.

- Tiểu đối : mai cốt cách/ tuyết tinh thần.

- Cách sử dụng các yếu tố Hán Việt xen lẫn thuần Việt.

- Biện pháp ước lệ: Dùng hình ảnh tượng trưng trong thiên nhiên ngầm so sánh với vẻ đẹp của con người ( Lấy mai, tuyết chỉ vẻ đẹp của 2 chị em Kiều.

- Từ ngữ giàu sức biểu cảm.

- Sử dụng thành ngữ.

=> Làm cho câu thơ vừa có vẻ đẹp mẫu mực, thanh cao, vừa có sức gợi cảm .

**\* GV chốt giảng bình: Kết thúc**

vẻ đẹp chung là lời bình: “ Mỗi người...vẹn mười”. Nói như vậy có nghĩa là vẻ đẹp của 2 chị em Kiều đã đạt đến độ toàn bích, viên mãn trong cách nói “kiệm lời” của Nguyễn Du.

**\* Chuyển ý: 4 câu thơ đầu gợi cảm hứng thẩm mỹ và tạo tâm thế để chúng ta đón nhận vẻ đẹp riêng của từng cô gái**

**H. Hãy đọc diễn cảm 4 câu thơ và cho biết: ở 4 câu thơ này nhà thơ miêu tả Vân qua những chi tiết nào?**

+ Theo dõi đọc, chọn tìm chi tiết.

+ Phân tích chi tiết:

+ Vẻ đẹp của Vân → khuôn mặt đầy đặn, tròn trịa như đẹp như trăng, đôi lông mày gọn , sắc nét như mày con ngài,...vóc người khoẻ mạnh, miệng cười tươi như hoa, tiếng nói trong trẻo như ngọc, mái tóc đẹp óng ả như mây, da trắng như tuyết

**H. Hai chữ “trang trọng” cho ta thấy vẻ đẹp của Thúy Vân ntn?**

+ Phát hiện, suy nghĩ trả lời.

- Trang trọng : vẻ đẹp cao sang, quý phái, đoan trang, phúc hậu.

**H. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả của tác giả? Từ đó toát lên vẻ đẹp nào của nàng Thúy Vân. Vẻ đẹp ấy dự báo điều gì về cuộc đời Thúy Vân?**

**\* Yêu cầu HS trao đổi, chia sẻ, trả lời. GV nhận xét, bổ sung, chốt**

+ Phát hiện, phân tích trả lời cá nhân. Khái quát vẻ đẹp, trả lời, nghe GV chốt bình.

- Dùng vẻ đẹp của thiên nhiên làm tiêu chuẩn so sánh đánh giá với vẻ đẹp của con người → đó là bút pháp ước lệ tượng trưng. (Vẻ đẹp của nàng được so sánh với những thứ cao đẹp trên đời : trăng hoa, mây ,tuyết , ngọc.

-> Vẻ đẹp của Thúy Vân đoan hài hòa, trang, phúc hậu, quý phái.

- Vẻ đẹp của Vân là báu vật trời cho, hài hoà với thiên nhiên, không có sự ghen tị

bạc: Chị em Kiều và Vân là 2 cô con gái đầu lòng của Vương viên ngoại.

=> Có vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong trắng, mỗi người đều có những vẻ đẹp riêng song đều đạt đến độ hoàn mỹ.

**2. Vẻ đẹp của Thúy Vân.**

- Khuôn mặt

- Cặp mày

- Miệng cười

- Giọng nói

- Mái tóc

- Nước da

=> Đó là vẻ đẹp hài hoà, đoan trang, phúc hậu. Vẻ đẹp luôn tạo được sự hòa hợp, êm ái với xung quanh khiến thiên nhiên cũng phải thua, nhường một cách vui vẻ.

-> Dự báo cuộc đời êm ả, bình yên, hạnh phúc.

→ Dự báo cuộc đời nàng sẽ bình yên, hạnh phúc.

\* GV bình: Vẫn là nghệ thuật ước lệ tượng trưng, cùng với nghệ thuật so sánh ẩn dụ, nhân hoá tác giả đã liệt kê từng vẻ đẹp của Thúy Vân ở nhiều phương diện: Gương mặt, lông mày, nụ cười, giọng nói, mái tóc, nước da.

- Những hình ảnh dùng để miêu tả là những hình ảnh đẹp nhất của thiên nhiên, dường như vẻ đẹp của nàng được hội tụ kết tinh từ những gì cao quý nhất của thiên nhiên.

\* Chuyên ý: Một cô gái như Vân qua cách tả của tác giả, chắc chắn cuộc sống đến với cô sẽ bình yên, phẳng lặng. Đó là: “Cũng từ máu mẹ, máu cha. Cũng từ một bọc sinh ra phận người”. Đời cô em như vậy, còn đời cô chị sẽ ra sao?

**H. Tả vẻ đẹp Thúy Kiều, nhà thơ miêu tả vẻ đẹp của nàng bằng bao nhiêu câu thơ? Tần số các câu thơ ấy so với tả Vân thế nào?**

+ Tìm, phát hiện, trả lời

- Tả Kiều, nhà thơ miêu tả vẻ đẹp của nàng bằng 12 câu thơ.

- Tần số các câu thơ tả Kiều lớn gấp 3 lần so với các câu thơ tả Vân.

**H. ND giới thiệu khái quát vẻ đẹp của Thúy Kiều ntn?**

**H. Câu thơ đầu không chỉ chuyên tranh từ cô em sang cô chị mà đã có ý so sánh rất rõ. Hai chữ “sắc sảo”, “mặn mà” đã nói lên vẻ đẹp gì ở Kiều?**

+ Phát hiện, trả lời.

+ Bình, đánh giá nghệ thuật dùng từ

- Nói “sắc sảo” là nhà thơ đề cập tới vẻ đẹp về trí tuệ, về tài năng.

- Còn nói “mặn mà” là nói tới vẻ đẹp về tâm hồn, tính cách.

→ Như vậy ở Kiều có sự chung đúc giữa 2 vẻ đẹp: trí tuệ, tài năng và tâm hồn, tính cách.

**H Cách miêu tả Thúy Kiều có gì giống và khác so với cách miêu tả Thúy Vân?**

+ Phát hiện, thảo luận nhóm bàn, trả lời.

+ **Giống:**

- Câu thơ đầu: khái quát đặc điểm nhân vật:

- Khẳng định ngay vẻ đẹp sắc sảo của Kiều. (sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn)

- Dùng hình tượng nghệ thuật ước lệ tượng trưng: làn thu thủy...nghiêng thành

- Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ

+ **Khác** : Không tả thực, chỉ đặc tả vẻ đẹp của đôi mắt Kiều.

**H. Em hiểu “Làn .. sơn” là ntn? “Nghiêng nước.. thành” là ntn?**

+ Giải nghĩa theo vốn hiểu, khái quát vẻ đẹp.

- **Làn thu thủy** : làn nước mùa thu -> Mắt đẹp, trong như hồ nước mùa thu -> gợi tả vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt, có hồn.

- **Nét xuân sơn** : nét nói mùa xuân : -> lông mày thanh tú, tươi đẹp trên gương mặt trẻ trung.

- **Nghiêng.. thành** : Điển tích chữ Hán -> Sắc đẹp tuyệt vời của

**3. Vẻ đẹp của Thúy Kiều**

“Kiều càng sắc sảo mặn mà... Một thiên bạc mệnh lại càng nảo nhân.”

**- Tả khái quát:**

Sắc sảo, mặn mà

\* Sắc đẹp:

+ Đôi mắt

Làn thu thủy nét xuân sơn.

-> Đôi mắt ấy tiềm ẩn, là nơi hội tụ mọi vẻ đẹp của: Địa- Linh- Nhân- Kiệt.

người phụ nữ có thể làm cho người ta say mê có thể đến nỗi mất thành, đổ nước.

**\* GV bổ sung: Cặp mắt Thuý Kiều vừa trong sáng vừa long lanh, dọn sóng. Đôi mắt ấy không chỉ đẹp mà còn có sức cuốn hút mạnh mẽ. Đôi mắt ấy tiềm ẩn, là nơi hội tụ mọi vẻ đẹp của: Địa- Linh- Nhân- Kiệt.**

**H. Tả sắc đẹp đôi mắt Kiều, nhà thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Câu thơ gợi cho ta thấy điều gì về nhan sắc của Thuý Kiều?**

+ Phát hiện các thủ pháp nghệ thuật, trả lời.

- Nghệ thuật miêu tả, đôi ý.

→ Vẻ đẹp long lẫy có sức cuốn hút và say mê lòng người => Là một trang tuyệt sắc giai nhân, có một không hai.

**H. Vì sao Nguyễn Du lại tả nhan sắc Thuý Vân trước nhan sắc Thuý Kiều?**

+ Suy nghĩ, trả lời. (Dành cho HS giỏi)

- Đó là một dụng ý nghệ thuật sáng tạo của Nguyễn Du: Tả người bằng nghệ thuật đòn bẩy.

- Nhà thơ dùng Vân làm điểm tựa, làm nhân vật phong màn để làm tôn vinh vẻ đẹp của nhân vật Thuý Kiều.

- Một tài năng nghệ thuật bậc thầy, tả người kiêu “Vẽ mây nảy trăng” chỉ có ở đại thi hào này.

**H. Bên cạnh vẻ đẹp hình thức, tác giả còn nhấn mạnh vẻ đẹp nào của Thuý Kiều ?**

**H. Vẻ đẹp đó được tác giả giới thiệu ntn ?**

+ Phát hiện chi tiết, rút ra đặc điểm của nhân vật, trả lời cá nhân.

+ Trí tuệ : thông minh vốn sẵn tính trời.

+ Tài năng : cầm, thi...hoạ...ca ngâm, soạn nhạc

**H. Qua sự giới thiệu đó, em cảm nhận được điều gì về tài năng của Kiều ?**

=> Đa dạng, đạt tới mức độ lí tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến gồm đủ cả: tài nào cũng giỏi, tài đàn là sở trường, là năng khiếu trời cho, vượt lên trên mọi nghề. **“Lầu bạc ngũ âm”**.

Nàng giở lòng như đoán trước được phần nào kiếp tài hoa bạc mệnh của nàng qua “cung đàn bạc mệnh” do chính tay nàng sáng tác đầy sâu não, đau khổ.

\* GV bổ sung : Quan niệm cổ điển khi nói về cái đẹp đều là công, dung, ngôn hạnh. Kiều vượt lên trên quan niệm về cái đẹp đó : nàng có cả tài. Tài của nàng được thể hiện ở nhiều phương diện: Đủ mùi ca ngâm, lầu bạc ngũ âm, nghề riêng ăn đứt... Quả là một tài năng hiếm thấy, khi thì thuần thực, khi thì vượt trội, lại tự sáng tác ra một bản đàn “ Bạc mệnh”. Tất cả cho thấy một khả năng trời phú

Đây là quan niệm hoàn toàn mới của Nguyễn Du về cách nhìn nhận vẻ đẹp đối với người phụ nữ.

**\* GV cho HS thảo luận bàn, gợi trình bày, nhận xét.**

→ Vẻ đẹp long lẫy có sức cuốn hút và say mê lòng người => Là một trang tuyệt sắc giai nhân, có một không hai.

**+Trí tuệ:** thông minh thiên bẩm.

**+ Tài năng:**

- Thi (đề thơ trên quạt)

- hoạ (vẽ)

- ca (hát)

- sáng tác

- đàn

-> Đa dạng, thành thạo điều luyện , vượt trội xuất sắc hơn người đạt tới mức độ lí tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến.

**+Tình cảm:** đa sầu đa cảm.



**H. Có ý kiến cho rằng cực tả sắc đẹp và tài năng của Kiều cũng chính là để tả cái tâm của nàng. Ý kiến của em thế nào?**

- GV liệt kê từng ý kiến lên bảng.

- Cùng hs làm sáng tỏ từng ý kiến, chốt.

+ HS thảo luận bàn, đại diện trình bày, nhận xét.

- Hs khác nhận xét, bổ sung

- Cực tả tài năng vượt trội cũng chính là miêu tả cái tâm. Vì thế mà cung bạc mệnh mà nàng tự sáng tác phải chăng là tiếng lòng của một trái tim đa sầu đa cảm.

**\* GV dẫn dắt : Nhưng cái mà tác giả muốn nhấn mạnh không phải là nét và làn mà đặc biệt chú ý tới tác động, ảnh hưởng của vẻ đẹp ấy**

**H. Vẻ đẹp của Thúy Kiều có tác động ảnh hưởng như thế nào? Ngoài việc miêu tả vẻ đẹp của Kiều t/g còn muốn gửi những dự cảm ntn về cuộc đời của Kiều sau này?**

+ Nghe GV dẫn dắt

- Tìm, xác định chi tiết, nêu suy nghĩ của cá nhân:

“Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.”

- Nghệ thuật tả Kiều của Nguyễn Du đã ẩn chứa, báo trước một dự cảm không suôn sẻ, bình lặng.

- Bao truan chuyên, sóng gió đang rình rập chờ đón nàng ở phía trước. Nhà thơ linh cảm con đường hậu vận trong cuộc đời Kiều: Số kiếp “hồng nhan bạc phận”. Vì thế những câu thơ Kiều đã trở thành những trang đời trong bói toán.

\* GV giảng bình:

Với Vân, vẻ đẹp của nàng hòa hợp, hài hoà với thiên nhiên khiến thiên nhiên phải sẵn lòng quì gối, nhường bước vì đó là vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang vô hại. Còn vẻ đẹp “sắc sảo, mặn mà” của Kiều khiến cho “hoa” phải “ghen”, “liễu” phải “hờn”, vẻ đẹp vượt trên chuẩn mực của thiên nhiên. Vẻ đẹp rực rỡ, kiêu sa đã khiến thiên nhiên sinh lòng ghét ghen, đố kị.

\* GV liên hệ với cuộc đời 15 năm lưu lạc của Kiều: Thanh lâu 2 lượt, thanh y 2 lần

**H. Để khắc hoạ bức chân dung của Kiều, tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng ?**

+ Khái quát trả lời.

- Biện pháp nghệ thuật so sánh, ước lệ tượng trưng, ẩn dụ.=> Làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều: Vẻ đẹp lộng lẫy, sắc sảo, tài năng đa dạng, thông minh tuyệt đỉnh, tâm hồn đa cảm...

→ Kiều là mẫu của người phụ nữ hoàn hảo nhất, nhưng cũng chính điều này đã dự báo, đã chứa đựng một tương lai đầy bão tố, một cuộc đời không yên ổn.

**\* GV bình: Tóm lại bức tranh chân dung Kiều được Nguyễn Du vẽ có đủ cả : sắc - trí - tài - tình – mệnh, trời xanh phú cho**

→ Báo trước cuộc đời dâu bể, long đong lận đận

nàng nhiều điều thì cũng sẽ lấy đi của nàng nhiều thứ. Điều này cũng phù hợp với quan điểm nhân quả của Nguyễn Du.

**H. Trong 2 bức chân dung 2 chị em Kiều, em thấy bức chân dung nào nổi bật hơn ? Vì sao ?**

**\* GV yêu cầu HS thảo luận nhóm(3') gọi trình bày, nhận xét.**

+ Thảo luận theo 4 nhóm, trả lời.

- Bức chân dung Thúy Kiều nổi bật hơn vì:

- Số lượng câu chữ dùng để tả Kiều cũng nhiều hơn.

- Vân chỉ được tả nhan sắc, không thể hiện được cái tài, cái tình -> Khi tả Kiều, tác giả tả sắc một phần, còn dành đến 2 phần tả tài, tình.

- Đáng lẽ phải tả Kiều trước tác giả lại chọn tả Vân, đó là cách sử dụng phép nghệ thuật đòn bẩy. Lấy Vân làm nền để tả Kiều.

**\* GV gọi đọc 4 câu thơ cuối ? H. Tác giả đã sử dụng lớp từ nào để miêu tả về cuộc sống của hai chị em? Em cảm nhận được gì về cuộc sống của hai chị em qua bốn câu thơ cuối?**

- Dùng nhiều từ Hán Việt gọi tả sự trang trọng, đứng đắn của một gia đình nề nếp gia phong

→ Cuộc sống phong lưu êm đềm khuôn phép, đức hạnh

**H. Khi gọi tả vẻ đẹp của hai chị em, thái độ tình cảm của tác giả thể hiện như thế nào?**

→ Thái độ trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp hình thức, tài năng, tâm hồn con người ( Giá trị nhân đạo )

+ HS nghe GV chốt kiến thức.

**\* GV khái quát và chốt kiến thức trọng tâm:**

Tả sắc tài của chị em Kiều, nhà thơ đề cao vẻ đẹp ấy bằng tình cảm nhân đạo, cảm hứng nhân văn. Đó là một vẻ đẹp sung sức, viên mãn, đầy thiện cảm. Đó là cảm hứng thẩm mỹ về đức hạnh của người phụ nữ Phong kiến xưa. Ngợi ca nhân vật, nhà thơ lí tưởng hoá, lãng mạn hoá nhân vật bằng cảm hứng ngợi ca, ngưỡng mộ.

**H. Nêu những thành công về giá trị nghệ thuật của văn bản?**

**1. Nghệ thuật:**

- Sử dụng những hình ảnh tượng trưng, ước lệ.

- Sử dụng nghệ thuật đòn bẩy.

- Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ miêu tả tài tình.

- Các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điển cố, điển tích.

- Ngôn ngữ trong sáng, tinh tế, chọn lọc.

- Tả chân dung mang tính cách, số phận.

- Sử dụng ngôn ngữ gọi tả, hình ảnh ước

**H. Học xong tác phẩm em đánh giá gì về giá trị nội dung?**

**2. Nội dung.**

- Thái độ trân trọng ngợi ca vẻ đẹp tài năng của Thúy Vân, Thúy

**4. Nhận xét chung về cuộc sống của hai chị em.**

- Đó là cuộc sống phong lưu, khuôn phép, đức hạnh, mẫu mực như 2 bông hoa đương còn phong nhụy, trong cảnh êm đềm.

**III. GHI NHỚ/SGK/83**

Kiều.

- Dự cảm về cuộc đời của chị em Thuý Kiều.

**H. Gọi HS đọc ghi nhớ SGK/ 83.**

**H. Qua tìm hiểu văn bản em rút ra ý nghĩa gì?**

**3. Ý nghĩa văn bản:**

Chị em Thuý Kiều thể hiện tài năng nghệ thuật và cảm hứng nhân văn ngợi ca vẻ đẹp và tài năng của con người của tác giả Nguyễn Du.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**- Mục tiêu:**

+ Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.

+ Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

**- Thời gian:** 20 phút.

**- Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

**- Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p><b>* GV khái quát toàn bài và cho HS làm BTTN.</b></p> <p>- GV phát phiếu bài tập, yêu cầu HS làm vào phiếu, gọi đọc, gọi nhận xét.</p>	<p>+ HS nhận phiếu bài tập, làm vào phiếu bài tập.</p> <p>- Làm việc cá nhân.</p> <p>- Nêu ý kiến, nhận xét</p>
<p><b>Câu 1:</b> Nhận định nào nói đầy đủ nhất về nghệ thuật tả người của Nguyễn Du trong đoạn trích” Chị em Thuý Kiều”?</p> <p>A: Sử dụng nhiều điển tích, điển cố và ca dao dân ca.</p> <p>B: Sử dụng nhiều biện pháp tu từ, các hình ảnh ước lệ, tượng trưng.</p> <p>C: Sử dụng điển cố và biện pháp đòn bẩy.</p> <p>D: Cả B, C đều đúng</p> <p><b>Câu 2:</b> Dòng nào nói đúng nhất giá trị nội dung của đoạn trích” Chị em Thuý Kiều”.</p> <p>A: Ca ngợi tài năng của nàng Thuý Vân.</p> <p>B: Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa mệnh bạc.</p> <p>C: Ca ngợi cuộc sống êm đềm hạnh phúc của 2 chị em Thuý Vân, Thuý Kiều.</p> <p>D: Ca ngợi vẻ đẹp và tài năng của nàng Thuý Kiều.</p> <p>=&gt; Đáp án: 1- D, 2- B</p>	
<p>* GV nêu yêu cầu: Có ý kiến cho rằng : Bức chân dung của 2 chị em Thuý Kiều là bức chân dung mang tính cách, số phận. Ý kiến của em ntn ?</p> <p>* GV cho thảo luận theo 4 nhóm, gọi trình bày, nhận xét, GV bổ sung).</p> <p>* GV cho HS viết đoạn văn (3-5 câu) nêu cảm nhận của em sau khi học xong đoạn trích? (GV gọi đọc, gọi nhận xét, GV uốn nắn cách viết)</p>	<p><b>Bài 2.</b></p> <p>* Chân dung của 2 chị em Thuý Kiều là bức chân dung mang tính cách, số phận :</p> <p>- Vẻ đẹp của Thuý Vân tạo sự hoà hợp , êm đềm với xung quanh : <b>Mây thua, tuyết nhường</b> như ngầm dự báo cuộc đời nàng sẽ bình lặng, êm ấm.</p> <p>- Còn vẻ đẹp của Thuý Kiều làm cho thiên nhiên tạo hoá phải ghen ghét, đố kỵ <b>hoa ghen, liễu hờn</b>, nên số phận nàng sẽ gặp nhiều éo le, đau khổ. Kiều lại quá tài hoa, với tâm hồn đa sầu đa cảm như ngầm dự báo một cách chính xác số phận bạc mệnh của nàng sau này.</p>

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 10 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - <b>HS :</b> Hãy nhận xét chung về hoa hậu Việt Nam và so sánh với Thúy Kiều trong Truyện Kiều của Nguyễn Du	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu: 15**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo
- **Phương pháp:** Dự án
- **Kỹ thuật:** Giao việc
- **Thời gian:** 2 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Đọc toàn bộ truyện Kiều - Những lời bình về Truyện Kiều và các trích đoạn trong Truyện Kiều	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ**

- Đọc thuộc lòng và nắm được giá trị của đoạn trích
  - Hoàn thiện bài tập:Viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ của em sau khi học xong đoạn trích này.
  - Hãy đọc bài đọc thêm, so sánh với đoạn trích để thấy được sự sáng tạo và những thành công bậc thầy của Nguyễn Du trong sáng tác?
- Gợi ý: Thanh Tâm tài nhân chủ yếu kể về 2 chị em Thuý Kiều, Nguyễn Du thiên về gợi tả vẻ đẹp của 2 chị em.
- Thanh Tâm Tài nhân kể về Kiều trước, Vân sau
  - Nguyễn Du gợi tả Vân trước, Kiều sau để làm tôn thêm vẻ đẹp của Kiều.

**2. Bài mới:**

- Soạn “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.
- Yêu cầu: Tìm đọc tư liệu.

Tiết: 26,27 VĂN BẢN	<b>KIỀU Ở LẦU NGỪNG BÍCH</b>	Ngày soạn:4/10/2022 Ngày dạy:
------------------------	------------------------------	----------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức :**

- Nhận ra và thấy được tác dụng của ngôn ngữ độc thoại, của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.
- Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích trong tác phẩm Truyện Kiều.

**2. Kỹ năng :**

- Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật trong truyện.

**3. Thái độ:-** Cảm thông cho số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu, bảng phụ, phim trong.
- Chuẩn kiến thức kĩ năng, SGK,SGV, SBT.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Sưu tầm tranh ảnh. Đọc diễn cảm và chuẩn bị bài trước ở nhà phần trả lời các câu hỏi phần Đọc- hiểu văn bản ra vở bài tập. Làm các bài tập trong sách BT trắc nhiệm.

**III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ổn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ (5')**

Đọc thuộc lòng đoạn trích Cảnh ngày xuân và nêu nội dung, nghệ thuật phần trích?

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 5 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV cho hs quan sát cảnh phác họa Kiều ở lầu Ngưng Bích và nêu nhận xét của em.</li> <li>- Từ phần nhận xét của hs, gv dẫn vào bài mới</li> <li>- Ghi tên bài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Hình thành kĩ năng quan sát, nhận, xét, thuyết trình</b></li> <li>- HS nhận xét</li> <li>- HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy</li> <li>- Ghi tên bài</li> </ul>

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu :** HS hiểu về tác phẩm, cảm nhận bước đầu về văn bản qua việc đọc. HS hiểu ý nghĩa của các tình tiết tiêu biểu; rèn kĩ năng tự học theo hướng dẫn.
- **Thời gian dự kiến :** 35 phút
- **Phương pháp:** Khai thác kênh chữ, vấn đáp, tái hiện thông tin, giải thích

- **Kĩ thuật** : Dạy học theo kĩ thuật động não, trình bày 1 phút.

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p><b>Gv cho học sinh nhắc lại đôi nét về tác giả</b> Hs xem lại sgk/ nhắc lại kiến thức.</p> <p><b>H. Đoạn trích nằm ở vị trí nào của tác phẩm, tóm tắt nội dung đoạn trích?</b> Nằm trong phần II tác phẩm: Gia biến và lưu lạc. (từ câu 1033 – 1054) tóm tắt đoạn trích. Sau khi bị mã Giám Sinh lừa gạt, làm nhục, bị Tú Bà làm nhục, bị mắng nhiếc, Kiều nhất quyết không chịu tiếp khách làng chơi, không chịu làm gái lầu xanh. Đau đớn, tủi nhục, phần uất, nàng định tự vẫn. Tú Bà sợ lỗ vốn bèn lựa lời khuyên giải, dụ dỗ Kiều. Mụ vờ chăm sóc thuốc thang hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ gả nàng cho một người tử tế. Tú Bà đưa Kiều ra sống ở lầu Ngưng Bích, thực chất là giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đê tiện hơn, tàn bạo hơn.</p> <p><b>* GV đọc diễn cảm văn bản .</b></p> <p><b>H. Với phần trích học này, theo em ta cần đọc thế nào cho đúng?</b> + Trình bày nhận xét: - Đọc giọng nhỏ nhẹ, trầm buồn như lời tâm sự. Nhấn giọng một số từ ngữ gọi tả gọi cảm: “Bẽ bàng mây sớm... như chia tấm lòng.” Và những câu thơ gọi cảm “Buồn trông...”</p> <p>* Gọi 2 HS đọc bài. * Cho HS nhận xét, đánh giá cách đọc của bạn. * Chuyển ý: Muốn tìm hiểu nội dung, ý nghĩa tác phẩm, ta cần hiểu rõ nghĩa của 1 số từ ngữ.</p> <p><b>H. Đoạn trích có 12 từ ngữ đã được SGK chú thích, em hiểu gì về nghĩa của các từ ngữ: Chén đồng, Quạt nồng ấp lạnh, Sân Lai, Gốc tử</b></p> <p><b>H. Ngoài các từ ngữ trên, trong đoạn trích còn từ ngữ nào chưa hiểu em thấy cần giải thích thêm?</b></p> <p><b>* GV khái quát chuyển ý.</b> + HS giải thích theo cách giải thích trong SGK (94, 95) + Nêu từ cần giải thích. + Nghe ý kiến giải thích của thầy.</p> <p>* GV cho HS thảo luận nhóm bàn, trả lời một số câu hỏi khái quát, gọi trả lời, gọi nhận xét, GV chốt, chiếu trên máy</p> <p><b>H. Em hãy xác định nội dung , bố cục, PTBD chính của</b></p>	<p><b>I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH.</b></p> <p><b>1. Tác giả/sgk/77-78</b></p> <p><b>2. Tác phẩm</b></p> <p><b>a. Vị trí:</b> Nằm trong phần II tác phẩm: Gia biến và lưu lạc. (từ câu 1033 – 1054)</p> <p><b>b. Đọc – giải thích từ khó :</b> 1,6,8,9,10,11,12</p> <p><b>c. Bố cục</b> <b>3 phần</b></p>

**- Bố cục: 3 phần**

- + 6 câu đầu : khung cảnh nơi lầu Ngung Bích.
- + 8 câu tiếp : nỗi nhớ của Kiều.
- + 8 câu cuối : nỗi buồn của Kiều.
- Được miêu tả ở phương diện : nội tâm.

**H. Trong đoạn, Kiều được miêu tả ở phương diện nào ? (ngoại hình, hành động, nội tâm)? Vậy theo em phương thức biểu đạt chính so sánh với cảnh ngày xuân ?**

\* GV: Đây là khoảnh khắc yên thân nhất đối với Kiều trong 15 năm lưu lạc, ở nơi biệt lập này, Kiều đối diện với cảnh vật thiên nhiên với lòng mình nơi đất khách quê người để ngẫm nghĩ, đau nỗi đau vừa xảy ra, sợ hãi, lo lắng cho tương lai → Vì vậy đoạn trích → PTBD chính: biểu cảm.

**\* Gọi H.S đọc 6 câu thơ đầu, nêu nội dung?**

**H. Chữ "xuân" trong câu thơ được tác giả dùng theo phương thức chuyển nghĩa nào? Từ "khóa xuân" trong câu thơ mở đầu có ý nghĩa như thế nào? Qua đó em hiểu gì về cảnh ngộ của Kiều lúc này?**

- + 1 HS đọc, nêu nội dung chính. Nêu ý nghĩa từ xuân.
- "**Khóa xuân**": xuân: phương thức ẩn dụ-> khóa kín tuổi xuân, giam hãm tuổi xuân. Ý nói: Kiều đang bị cấm cung, bị giam lỏng. → ở đây có ý mỉa mai nói về cảnh ngộ trớ trêu, bất hạnh của Kiều.

**H. Trong cảnh ngộ ấy, Kiều đã cảm nhận được điều gì về phong cảnh xung quanh?**

- + Tìm, phát hiện chi tiết, trình bày.
- Kiều bị giam ở lầu Ngung Bích. Trên lầu cao, Kiều thấy dãy núi xa và mảnh trăng như cùng 1 vòm trời, cùng chung tâm trạng phía xa là cồn cát vàng và nẻo đường bốc bụi mờ.
- + non xa – trăng gần
- + bốn bề bát ngát
- + Cát vàng, cồn nọ, bụi hồng, dặm kia.

**\*GV nêu yêu cầu, cho HS thảo luận theo nhóm (3'), gọi trình bày, nhận xét.**

**H. Có ý kiến cho rằng: “Câu thơ Bốn bề... như mở ra một không gian nghệ thuật, không chỉ có tầm rộng mà có cả tầm xa”. ý kiến của em ntn?**

**d. Thể loại và ptbd**

**- PTBD chính** : Tự sự (giàu yếu tố biểu cảm)

**II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**

**1. Hoàn cảnh của Kiều nơi lầu Ngung Bích.**

\* **Hoàn cảnh**: bị giam lỏng-> trớ trêu.

**\* Cảnh thiên nhiên trước lầu Ngung Bích.**

- + non xa – trăng gần
- + bốn bề bát ngát
- + Cát vàng, cồn nọ, bụi hồng, dặm kia.

+ HS trao đổi theo 4 nhóm, thống nhất trong nhóm, đại diện trình bày, nhận xét.

- Có điều bất hợp lí trong ý câu “Về non xa...trăng gần” → tính hàm súc cao → bởi trong hoàn cảnh này chỉ có trời mây trắng gió làm bạn, ở chung.

+ **Bát ngát** chỉ ra một khoảng không gian rộng lớn mênh mông Kiều nhìn ra bốn phía đều không có điểm dừng, “**xa trông**” → nhìn thẳng về phía trước chỉ thấy một không gian, không có điểm dừng → một câu thơ 6 chữ → có 3 từ chỉ không gian → cảnh tượng hoang vắng, trống trải đến lạnh lùng.

**H. Qua đó, em có nhận xét gì về khung cảnh thiên nhiên?**

(GV gợi ý: Gọi ra không gian gì trước mắt Kiều? Những cảnh vật ấy đã gợi nên một cảm giác ntn ?)

**H. Trong khung cảnh ấy, cuộc sống của Kiều diễn ra ntn?**

“**Bẽ bàng**.....

..... **tám lòng**”

? Em hiểu “**bẽ bàng**” là gì? H/ả “**mây sớm đèn khuya**” gợi ý nghĩa gì về thời gian? Điều này cho thấy gì về cuộc sống của Kiều lúc này?

+ Phát hiện trả lời.

- **Bẽ bàng** : xấu hổ, tủi nhục vì bị MGS làm nhục, bị lừa vào lầu xanh. → cảm giác đau khổ tủi nhục với chính mình → trong h/cảnh trí trêu, éo le.

- **Mây sớm đèn khuya**: làm bạn với mây buổi sớm, đèn buổi khuya đó chính là những giới hạn mà thời gian của một ngày từ sáng sớm tới đêm khuya -> vòng tuần hoàn khép kín của thời gian.

**H. Qua câu thơ “nửa tình ..lòng”, em cảm nhận được điều gì về tâm trạng của Kiều lúc này?+ Trình bày suy nghĩ:**

- Câu thơ 8 chữ có 2 hình ảnh.

- Nửa tình: tình cảnh cô đơn, bất hạnh, tuyệt vọng.

- Nửa cảnh: đẹp, kêu gọi, hấp dẫn, thơ mộng.

⇒ Hiểu như vậy ta thấy tâm trạng Kiều lúc này đang bị giằng xé, phân thân. Đó là nỗi cô đơn, buồn tủi chán chường, những vò xé ngồn ngang trong lòng trước hoàn cảnh số phận éo le.

**\*GV: Có thể nói trong cả thời gian và không gian ⇒ Hình ảnh Kiều hiện lên nhỏ bé đơn côi → T/g không chỉ tả cảnh → chuyển cho người đọc một tâm trạng buồn chán, bi quan của người con gái không chốn nương**

⇒ khung cảnh thiên nhiên cao rộng, mênh mông, hoang vắng, lạnh lẽo, thiếu vắng hẳn sự sống của con người.

**\* Cuộc sống của Kiều:** “**Bẽ bàng.....lòng**”

-> quần quanh, buồn bã, lạc lõng, bơ vơ giữa một thế giới lạnh lẽo và hoang vắng.

**\* Tâm trạng:** Nỗi cô đơn, buồn tủi chán chường đến tuyệt đối.



**thân, không người cứu giúp.**

**H. Theo em, khung cảnh thiên nhiên lầu Ngưng Bích qua nghệ thuật miêu tả của tác giả là cảnh thực hay ước lệ? Vì sao em cho là như vậy?+ HS Thảo luận nhóm:**

+ Trình bày cảm nhận:

- Đối chiếu với cảnh ngộ thực tại của Kiều có thể đây là cảnh ước lệ.

- Vì nó diễn tả sự mênh mông, trống vắng đến rợn ngợp ghê người. Có thể ta mới thấy rõ tâm trạng cô đơn, buồn chán, bất lực của Kiều.

**\* Chuyển ý: 6 câu thơ đầu chỉ là cầu nối để Kiều diễn xuất tâm trạng, bộc lộ nỗi nhớ.**

**\* Thầy dùng lệnh gọi H.S đọc 8 câu thơ tiếp.**

**H. Nghệ thuật miêu tả của nhà thơ trong 8 câu thơ này có gì khác so với 6 câu thơ đầu?**

**H. Thúy Kiều đã nhớ đến ai trong cảnh ngộ này ? Nhận xét của em thế nào về nghệ thuật diễn tả nỗi nhớ nàng Kiều ở 8 câu thơ này?**

+ Đọc, nghe, suy nghĩ, phát hiện. Trả lời cá nhân

- Nếu 6 câu thơ đầu, nhà thơ thiên về tả cảnh thì ở 8 câu thơ này cảnh mất đi để tình xuất hiện.

+ Phát hiện, trình bày nhận xét:

8 câu thơ chia đều cho 2 nỗi nhớ:

- Nhớ chàng Kim (4 câu)

- Nhớ song thân (4 câu)

- Cách diễn tả nỗi nhớ của nhà thơ như vậy là hoàn toàn hợp lí.

- Diễn tả như vậy vừa phù hợp với qui luật tâm lí, tình cảm con người, vừa thể hiện sự sắc sảo tinh tế trong ngòi bút Nguyễn Du.

**H. Vì sao nhà thơ lại để Thúy Kiều bộc lộ nỗi nhớ Kim Trọng trước, nhớ cha mẹ sau?**

+ Thảo luận nhóm bàn theo 4 tổ , đại diện trình bày, nhận xét.

+ Nỗi nhớ đó hợp quy luật, phù hợp tâm trạng Kiều lúc này :

- Không phải Kiều không thương cha mẹ → sau khi bán mình chuộc cha → nàng coi như mình đã làm trên bốn phận của người con.

- Nhớ K.Trọng vì mới ngày nào dưới trăng họ “Đinh ninh hai miệng một lời song song”, nặng lời hẹn ước trăm năm → nàng đã trở nên lỗi hẹn mỗi người một ngã.Với chàng Kim, Kiều nhớ trước vì nàng đã mắc nợ duyên chàng.

- Hiểu như vậy ta mới thấy được sự thiên tài trong nghệ thuật khám phá thế giới nội tâm nhân vật.

## 2. Nỗi nhớ của nàng Kiều

**\* Nhớ Kim Trọng:**

**GV:** Có thể nói Nguyễn Du không chỉ tài hoa trong sử dụng ngôn ngữ, mà ông rất tinh tế khi bộc lộ tình cảm của mình với nhân vật cho Kiều nhớ tới Kim Trọng trước đó là một mạch nghĩ tình cảm rất phù hợp một sự cảm thông một con mắt nhìn qua chính cõi tấm lòng thấu suốt ngàn đời.

**\* Giảng:** Chúng ta tìm hiểu những nét đẹp nội tâm nàng Kiều qua 2 nỗi nhớ.

**H. Nhớ Kim Trọng, Kiều nhớ tới điều gì? Chi tiết nào thể hiện điều đó?**

+ Xác định, trình bày:

**H. Hãy thử phân tích từ “tưởng” để thấy được tấm lòng, tình cảm của Thúy Kiều đối với Kim Trọng ?**

+ Phân tích hiệu quả của từ ngữ, tự bộc lộ suy nghĩ cá nhân

- Nếu “nhớ” → nhấn mạnh đến t/cảm tha thiết sâu nặng muốn được gặp, được thấy thì “tưởng” → nhớ lại, nghĩ lại mà không còn hi vọng được gặp, được thấy.

- “Tưởng người” không còn là hình là bóng trong nỗi nhớ mà dường như một Kim Trọng bằng xương bằng thịt đang hiện hiện trước mắt.

- Không thể thay thế bằng các từ: mơ, nghĩ, nhớ → cảm xúc này → biểu hiện tình yêu sâu nặng gắn bó thiết tha, rất mãnh liệt mà Kiều dành cho Kim Trọng: .(Nàng luôn tưởng tượng hình dung ra cảnh hai người thề nguyện dưới trăng.)

**H. Chú thích (6) giúp em có thêm những cảm nhận gì về tình cảm của Thúy Kiều với chàng Kim?**

+Trình bày nhận thức của cá nhân.

Hình dung chàng Kim đang mong đợi.

+ Nỗi nhớ đó không có gì có thể làm phai nhạt. - "Tin sương...mai chờ" cho thấy: Một nỗi nhớ sâu nặng, mạnh mẽ, da diết, còn cao đót cháy ruột cháy gan của Kiều khi nghĩ tới chàng Kim.

**\* Bình:** Nhớ Kim Trọng, Kiều luôn dành cho Kim những tình cảm đẹp nhất. Nỗi nhớ ấy làm thổn thức con tim bao người.

**H. Từ nỗi nhớ chàng Kim, Kiều đã suy nghĩ gì về cảnh ngộ thực tại của mình?**

+ Khái quát, trình bày:

- Cảnh ngộ éo le, bơ vơ, trợ trợ, hết sức tội nghiệp:

" Bên trời...bơ vơ,

Tấm son...cho phai"

**H. Em hiểu hình ảnh "tấm son" qua cách nói của Nguyễn Du như thế nào cho đúng?**

+ Nhận xét, bình luận hình ảnh:

-Tưởng...dưới nguyệt chén đồng  
...rày trông mai chờ.

+ Nhớ cảnh thề nguyện dưới trăng

→ Một nỗi nhớ không thể nhạt phai,

+ Đau đớn , xót xa khi nghĩ tới cảnh Kim Trọng chờ đợi tin tức của mình trong vô vọng.

+ Ân hận giày vò trong lòng vì đã phụ chàng Kim.

"Tấm son" trong câu thơ có thể hiểu theo 2 nghĩa:

- Tấm lòng son sắt thủy chung Kiều luôn dành cho Kim Trọng.

- Hình ảnh đó còn được hiểu: Đó là tấm lòng son của Kiều đã bị bọm mặt người dạ thú vùi dập, chà đạp, làm hoen ố, nằng không bao giờ gột rửa được.

**H. Em có nhận xét gì về ngôn ngữ tác giả sử dụng trong đoạn? H. Qua đó cho thấy tình cảm, tấm lòng của Kiều dành cho Kim Trọng ntn?**

+ Suy nghĩ trình bày:

- Ngôn ngữ độc thoại nội tâm. Kiều tự nói với chính mình, đối diện với chính mình.

- Tình cảm thủy chung gắn bó, bất chấp hoàn cảnh éo le, nghiệt ngã, đau khổ.

**\* Chuyên ý: Sau những câu thơ diễn tả nỗi nhớ người yêu đau đớn đến quặn lòng, Kiều giật mình nhớ về cha mẹ.**

**H. Tìm những từ ngữ, chi tiết biểu hiện nỗi nhớ của Thúy Kiều với cha mẹ?**

+ Đọc, tìm, xác định chi tiết.

- Xất người tựa cửa... quạt nòng áp lạnh.

- Sân lai cách mấy nắng mưa.

- Góc tử..

**H. Hình ảnh "người tựa cửa" nhà thơ dùng trong câu thơ để chỉ ai? Cho thấy tình cảm gì của Thúy Kiều?**

+ Phân tích hình ảnh:

- Chỉ cha mẹ nơi quê nhà của Kiều.

- Tình cảm trông ngóng, chờ đợi, hướng về.

**H. Em hiểu gì về ý nghĩa của cụm từ "quạt nòng áp lạnh" được nhà thơ dùng ở đây?**

+ Dựa vào chú thích, trình bày.

- Quạt nòng → giải nghĩa → từ nơi xa Kiều lo lắng không biết rồi đây ai là người chăm sóc, trông nom cha mẹ.

**\* GV cho HS đọc 2 diễn tích (10), (11) SGK và cho biết: những diễn tích ấy làm sáng tỏ thêm điều gì?**

**H. Cũng như 4 câu thơ tả nỗi nhớ chàng Kim, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ ở 4 câu thơ này là gì? Qua đó giúp em cảm nhận được tình cảm gì của Thúy Kiều dành cho cha mẹ?**

+ Giải thích hình ảnh theo chú thích (9) SGK:

+ Đọc, nghe, phân tích:

- Cách so sánh Kiều với Lão Lai Tử (người nước Sở, thời Xuân Thu) cho thấy Kiều là đứa con chí hiếu.

+ So sánh, phân tích:

- Dùng ngôn ngữ độc thoại nội tâm để diễn tả suy nghĩ của Thúy Kiều với cha mẹ.

→ Con người sâu sắc, thủy chung, thiết tha với hạnh phúc lứa đôi bất chấp hoàn cảnh éo le.

**\* Nhớ cha mẹ:**

- người tựa cửa...

quạt nòng áp lạnh...

- Xót thương

- Lo lắng, bồn khoăn.

→ Tình cảm, ân nghĩa sâu nặng với cha mẹ. lòng hiếu thảo bền chặt

\* GV chốt tiết 1, chuyên tiết 2: Ngay cả trong lúc cô đơn lẻ loi, đau khổ Kiều cũng không nghĩ đến mình mà luôn dành tất cả tình cảm yêu thương cho người thân. Nghĩ gần, nghĩ xa nhưng Kiều không thể không quay về tới cảnh ngộ thương tâm của mình, sống với tâm trạng và số phận hiện tại của mình.

\* Cho HS đọc lại 8 câu thơ cuối.

**H: 8 câu cuối là cảnh thực hay hư ? Cảnh đó gọi cho em hiểu được tâm trạng gì của Kiều ?**

**H. Các biện pháp được nhà thơ sử dụng ở 8 câu thơ này là gì?**

+ Suy nghĩ trả lời.

HS liệt kê các biện pháp nghệ thuật, trả lời theo nhóm .

- Đọc thoại nội tâm.

- Điệp ngữ: Buồn trông

- Ẩn dụ: Con thuyền

Cánh hoa

Nội cỏ

Tiếng sóng

+ Hình ảnh ẩn dụ giàu sức liên tưởng

+ Từ láy giàu chất tạo hình: thấp thoáng, xa xa...từ tượng thanh: âm âm ⇒ Kiều trở nên nhỏ bé, đơn cô, lẻ loi, yếu ớt giữa dụng tố, bão bùng, giữa cuộc đời sóng xô oan nghiệt.

+ Điệp ngữ "Buồn trông...", câu hỏi tu từ tạo âm hưởng trầm buồn, điệp khúc câu thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng

-> Tăng nỗi buồn vô tận, mênh mông, hải hùng, tuyệt vọng của nàng trước bão táp cuộc đời.

→ cảnh từ xa → gần, hình ảnh từ nhạt- đậm, âm thanh từ tĩnh- động, từ nhẹ nhàng → dữ dội → tâm trạng buồn tủi ngày càng lớn lao mờ mịt, bế tắc ... của Kiều.

\* - "Buồn..cánh buồm": Cảnh lang thang đơn độc trôi dạt giữa đêm tối mênh mông.

- "Buồn...về đâu": Thân phận dập vùi trôi nổi, dập vùi, không biết ra sao, còn hay mất

- "Buồn..xanh xanh": Trông trái, hoang vắng, tan nát-> tương lai mờ mịt, cuộc sống vô vị, tẻ nhạt

- "Buồn....ghé ngồi": Bão táp, tai ương đến với nàng

**H. Các biện pháp nghệ thuật trên giúp em có suy nghĩ gì về tâm trạng nàng Kiều?**

+ Trình bày suy nghĩ:

⇒ Nỗi buồn triền miên, mênh mang, vô tận. → Tâm trạng buồn, lo lắng sợ hãi trước những hiểm họa đang chờ đón

- Một tâm hồn bị hành hạ

- Một số phận bơ vơ, lạc lõng bị đe dọa

\* **Giảng: Cách tả của Nguyễn Du qua các biện pháp nghệ thuật trên còn gọi là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. Và đây chính là 8 câu thơ tả cảnh ngụ tình hay nhất trong tác phẩm. 8 câu thơ chia làm 4 bức tranh buồn. Đó là cảm nhận của Kiều trong kiếp đoạn trường.**

**H. Có người cho rằng: "Đây là đoạn tả cảnh ngụ tình hay nhất", ý kiến của em như thế nào? (K.G )**

### 3. Nỗi buồn của Thúy Kiều:

- Buồn trông:

+ cửa bể chiều hôm..thuyền ai..

+ Mặt nước...hoa trôi..

+ Nội cỏ...chân mây..mặt đất..

+ gió cuốn mặt ghềnh.....âm âm tiếng sóng...

⇒ Nỗi buồn triền miên,

mênh mang, vô tận. →

Tâm trạng buồn, lo lắng

sợ hãi trước những hiểm

họa đang chờ đón

- Một tâm hồn bị hành

hạ

- Một số phận bơ vơ, lạc

lõng bị đe dọa

+ HS thảo luận, nêu ý kiến, tổng kết

- Cảnh thiên nhiên qua cái nhìn tâm trạng Thuý Kiều. Đây là những câu thơ réo rắt bậc nhất về nỗi buồn luân lạc, bơ vơ.

**H. Cũng tả cảnh Lầu Ngưng Bích, nhưng cảnh thiên nhiên trong 6 câu thơ đầu và trong 8 câu thơ cuối đoạn trích lại khác nhau. Em hãy chỉ ra sự khác biệt ấy? Và ý nghĩa của sự khác biệt ấy? (K.G)**

+ Phân biệt, trả lời cá nhân (HS khá giỏi)

- 6 câu đầu điểm nhìn từ trên cao, không gian rộng rộng, tâm trạng buồn bã cô đơn.

- 8 câu cuối đan xen mỗi nét cảnh là nét tâm trạng. Cảnh tăng tiến từ xa đến gần, âm thanh từ nhỏ đến lớn, tâm trạng từ lo lắng đến hãi hùng

- ý nghĩa của sự khác biệt trên Phù hợp điểm nhìn của Thuý Kiều tài năng của N.Du, phù hợp tâm trạng nhân vật...

**H. Cảm nhận của em thế nào về tình cảm của nhà thơ với Thuý Kiều trong 8 câu thơ?**

+ Tranh luận, suy nghĩ, trình bày:

- Thương xót, đồng cảm với Kiều 1 kiếp tài hoa nhưng bạc mệnh. Trong cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi. Tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thuý Kiều.

**\*Liên hệ: Đón là: "Chạnh thương đời cô Kiều như tấm lòng dân tộc- Sắc tài nhiều sao gặp lắm truân chuyên"./**

**H. Qua đoạn trích em có cảm nghĩ gì về nhân vật Thùý Kiều?**

**\* GV khái quát, chốt kiến thức trọng tâm toàn bài và chuyển ý.**

**H. Học xong văn bản, em rút ra những nội dung gì cần ghi nhớ.**

**1. Nội dung:**

- Tâm trạng Kiều ở lầu Ngưng Bích: Đau đớn xót xa nhớ về Kim Trọng; day dứt, nhớ thương gia đình.

- Hai bức tranh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích trong cảm nhận của Thuý Kiều.

**H. Trình bày những nét đặc sắc về nghệ thuật đoạn thơ này?**

**2. Nghệ thuật:**

- Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

- Lựa chọn từ ngữ, sử dụng các biện pháp tu từ.

+ HS đọc ghi nhớ SGK/ 96.

+ HS nêu ý nghĩa văn bản:

**H. Qua tìm hiểu văn bản em rút ra ý nghĩa gì?**

**3. Ý nghĩa văn bản**

Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thuý Kiều.

**\* GV khái quát toàn bài và chuyển ý.**

**III. Ghi nhớ/ SGK/ 96.**

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.
- + Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

**- Thời gian:** 20 phút.**- Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...**- Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- Phát phiếu học tập.	- Nhận phiếu bài tập - Làm việc cá nhân. - Nêu ý kiến, nhận xét
<p><b>Câu 1:</b> Nhận định nào nói đầy đủ nhất nội dung chính của đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích"?</p> <p>A: Thể hiện tâm trạng cô đơn, tội nghiệp của Kiều            B: Nói lên tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Kiều.            C: Nói lên tâm trạng buồn bã, lo âu của Kiều            D: Cả A, B, C đều đúng.</p> <p><b>Câu 2:</b> Dòng nào nói đúng nhất giá trị nghệ thuật của đoạn trích.</p> <p>A: Miêu tả nội tâm nhân vật rất thành công qua ngôn ngữ độc thoại và bút pháp tả cảnh ngụ tình            B: Sử dụng nhiều từ láy            C: Nghệ thuật ẩn dụ, nhân hoá.            D: Từ ngữ, miêu tả giàu chất tạo hình độc đáo.</p> <p>=&gt; Đáp án: 1- D, 2- A</p>	
H.Giáo viên yêu cầu học sinh đọc và xác định đáp án đúng BTTN - GV định hướng giúp HS làm bài GV khái quát toàn bài và HDVNHT	Thể nào là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình? Phân tích nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong tám câu thơ cuối bài ?

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 10 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Hs: Em có nhận xét gì về sự thủy chung trong tình cảm bạn bè và lòng hiếu thảo với cha mẹ của lớp trẻ hiện nay	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo
- **Phương pháp:** Dự án
- **Kỹ thuật:** Giao việc
- **Thời gian:** 15 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập- Tìm những đoạn trích có sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

#### Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.

##### 1. Bài cũ

- Nắm được các giá trị nội dung, nghệ thuật đặc sắc, ý nghĩa của văn bản và nội dung phần Ghi nhớ (SGK/ 96).

- Học thuộc lòng đoạn thơ.

##### 2. Bài mới:

- Đọc và soạn bài Miêu tả trong văn bản tự sự”.

( Tìm hiểu yếu tố của miêu tả có vai trò gì trong văn bản tự sự, đọc kĩ mục I / SGK trả lời câu hỏi / 91 )

Tiết: 28,29 TẬP LÀM VĂN	<b>MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ</b>	Ngày soạn:9/10/2022 Ngày dạy:
----------------------------	------------------------------------	----------------------------------

#### I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

##### 1. Kiến thức :

- Thấy được vai trò chủ yếu của yếu tố miêu tả hành động, sự việc, cảnh vật và con người trong văn bản tự sự.

- Hiểu được vai trò của miêu tả trong một văn bản tự sự.

- Vận dụng hiểu biết về miêu tả trong văn bản tự sự để đọc – hiểu văn bản.

##### 2. Kỹ năng :

- Biết Rèn luyện kĩ năng trong vận dụng các phương thức biểu đạt trong một văn bản.

- Viết văn bản tự sự có kể chuyện với miêu tả.

##### 3. Thái độ:

- Hình thành thói quen dùng yếu tố miêu tả trong khi kể chuyện

- Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự cho phù hợp

##### 4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

###### a. Các phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

###### b. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

###### c. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu, Bảng phụ, phiếu học tập
- Chuẩn kiến thức kỹ năng, sách tham khảo, các ngữ liệu văn học.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc và trả lời các câu hỏi trong bài.
- Chuẩn bị phiếu học tập, sách BT, BTTN.

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ổn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ (5')**

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 5 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
- GV yêu cầu hs nhận xét trong đoạn trích Chị em Thúy Kiều ngoài phương thức chính là tự sự thì tác giả còn sử dụng phương thức nào khác? - Từ phần nhận xét của hs gv dẫn vào bài mới  Ghi tên bài	<b>Hình thành kĩ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình</b> - HS nhận xét - HS lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy. - Ghi tên bài

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu:** thấy được vai trò của yếu tố miêu tả trong văn tự sự
- **Thời gian dự kiến :** 35 phút
- **Phương pháp:** Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.
- **Kĩ thuật :** Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
* Cho HS đọc đoạn trích Hoàng Lê nhất thống chí trong SGK (91). * Hướng dẫn HS tìm hiểu các câu hỏi: <b>a) Đoạn trích kể về trận đánh nào?</b> + Xác định nội dung, trả lời cá nhân. - Đoạn trích kể việc vua Quang Trung chỉ huy quân sĩ đánh chiếm đồn Ngọc Hồi (mùa xuân Kỷ Dậu 1289).	<b>I. TÌM HIỂU BÀI</b> <b>Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn tự sự.</b> <b>a. Ví dụ/sgk/91</b> <b>b. Nhận xét</b> <b>Đọc đoạn trích.</b> + Nội dung đoạn trích: - Đoạn trích kể việc vua Quang Trung chỉ huy quân sĩ đánh chiếm đồn Ngọc Hồi (mùa xuân Kỷ Dậu 1289).



**H. Trong trận đánh đó vua Quang Trung xuất hiện như thế nào?**

- Trong trận đánh vua Quang Trung xuất hiện như một vị anh hùng dân tộc.

**H. Chỉ ra các chi tiết miêu tả trong đoạn trích? Các chi tiết miêu tả ấy nhằm thể hiện những đối tượng nào? ( Về cảnh, nhân vật, sự việc)**

**\* GV hướng dẫn HS tìm chi tiết miêu tả, chiếu trên máy chiếu**

+ Chỉ ra các chi tiết miêu tả trong đoạn trích, trả lời.

\*Các chi tiết miêu tả.

-Lấy sáu chụctâm ván...20 bức.

-Lung giắtdao ngắn...Ngọc Hồi.

- Khói toả mù trời... thấy gì.

- Đội khiêng ván...mà đánh.

- Quân Thanh...mà chết.

- Quân Tây Sơn....đại bại.

- Miêu tả từng hành động của nhân vật : vua Quang Trung, quân nhà vua, quân giặc.

- Miêu tả cảnh vật

=> Tái hiện một cách sinh động trận đánh.

**c) Cho HS đọc yêu cầu và nhận xét lời kể trong phần c.**

**H. Kể lại đoạn trích trên, có bạn đã nêu ra các sự việc (GV treo các sự việc trên bảng phụ)**

**H. Hãy nhận xét các sự việc chính, bạn nêu lên đã đầy đủ chưa?**

**H. Hãy kết nối các sự việc nêu ở câu c thành một đoạn văn ?**

+ Nói kết đoạn văn, đọc đoạn.

- Viết thành đoạn văn ngắn bổ sung ý “Trời bỗng trở gió nam, quân Thanh tự hại mình”

**H. Nếu chỉ kể sự việc diễn ra như thế thì nhân vật vua Quang Trung có gì nổi bật không? Trận đánh có sinh động không? Vì sao?**

+ Suy nghĩ, rút ra nhận xét.

- Nếu chỉ kể sự việc chính thì nhân vật vua Quang Trung không nổi bật, trận đánh trở nên mờ nhạt, không sinh động.

Vì: Cách kể này mới thu tóm được các sự việc mà thiếu yếu tố miêu tả trong lời kể.

**H. Từ nội dung của 2 lời kể, em rút ra nhận xét gì về vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự?**

+ Nhận xét vai trò của yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự.

- Trong văn bản tự sự, các yếu tố miêu tả về cảnh vật, nhân vật, sự việc làm cho câu chuyện hấp dẫn, gợi cảm, sinh động.

**\* GV gọi HS đọc lại phần ghi nhớ.**

**\* GV khái quát kiến thức trọng tâm, chốt và chuyển ý**

+ Đọc, nghe, nắm được nội dung kiến thức cơ bản.

- Trong trận đánh vua Quang Trung xuất hiện như một vị anh hùng dân tộc.

**+ Các yếu tố miêu tả:**

- Các chi tiết ấy thể hiện các đối tượng:

- Miêu tả từng hành động của nhân vật : vua Quang Trung, quân nhà vua, quân giặc.

- Miêu tả cảnh vật

=> Tái hiện một cách sinh động trận đánh : tương quan lực lượng giữa quân Tây Sơn và quân Thanh.

- Yếu tố miêu tả làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động.

**II. Ghi nhớ/ SGK/92.**

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.
- + Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

**- Thời gian:** 20 phút.**- Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...**- Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p><b>II. Hướng dẫn HS luyện tập, củng cố.</b></p> <p>H. Những đơn vị kiến thức gì các em cần nắm vững qua bài học hôm nay?</p> <p>* Gọi HS đọc yêu cầu và xác định nội dung bài tập 1/92?</p> <p>* Hướng dẫn trả lời các câu hỏi bài tập SGK</p> <p>* Gọi HS đọc yêu cầu và xác định nội dung bài tập 2/92?</p> <p>* GV gọi vài em đọc, gọi nhận xét, GV sửa cách viết, lưu ý yếu tố miêu tả</p>	<p><b>- Kỹ năng tư duy, sáng tạo</b></p> <p><b>II. Luyện tập</b></p> <p><b>1. Bài 1. Xác định yếu tố miêu tả, phân tích giá trị của các yếu tố miêu tả trong việc thể hiện nội dung.</b></p> <p>* Các yếu tố tả người, tả cảnh trong 2 đoạn trích.</p> <p>a, Tả người</p> <p>- Thuý Vân : tả khuôn mặt, đôi mày, mái tóc, làn da, nụ cười, giọng nói -&gt; Vẻ đẹp nhan sắc.</p> <p>- Thuý Kiều : đặc tả ánh mắt, nét mày, tài năng, tình cảm,-&gt; vẻ đẹp nhan sắc, tài năng, tâm hồn</p> <p>b, Tả cảnh</p> <p>- Cảnh mùa xuân : cỏ non, cành lê, hoa lê, chim én,-&gt; vẻ đẹp riêng biệt của mùa xuân.</p> <p>- Cảnh lễ hội : con người, cảnh vật, trong lễ hội,-&gt; không khí tung bừng, náo nhiệt của lễ hội mùa xuân</p> <p>* <b>Tác dụng</b> : các yếu tố miêu tả có tác dụng làm cho VB trở nên sinh động có hồn, hấp dẫn giàu chất thơ. Bằng bút pháp ước lệ tượng trưng quen thuộc của thơ văn cổ, Nguyễn Du đã dựng nên 2 bức tranh chân dung xinh đẹp với ‘mỗi vẻ mười phân vẹn mười’.</p> <p>- Phần tả cảnh, tác giả đã làm rõ nét đặc trưng riêng biệt của cảnh, mùa. Và đồng thời vẫn đan xen tâm trạng con người qua chi tiết, hình ảnh miêu tả thiên nhiên → cảnh đẹp mà không tĩnh lặng có lúc giàu sức sống và có lúc xao xuyến băng khuâng.</p> <p><b>2. Bài 2: Viết đoạn văn kể về việc chị em Thuý Kiều đi chơi trong buổi chiều ngày Thanh Minh.</b></p>
<p>Đoạn văn tham khảo: Nhân tiết Thanh minh, chị em Thuý Kiều đi chơi xuân. Lúc này, mùa xuân đã bước vào những ngày tháng cuối cùng. Trên trời, từng đàn chim én, loài chim của mùa xuân chao liệng ngang dọc trên bầu trời như thoi đưa. Bầu trời mới trong sáng làm sao. Đồng cỏ xanh tươi chạy dài tới tận chân trời xa. Nổi bật trên các nền xanh non kêu gọi ấy xuất hiện vài bông hoa lê trắng mới hé nở thật là tinh khiết, mát mắt. Hoà trong bức tranh phong cảnh ấy là các nam thanh nữ tú thướt tha trong những bộ quần áo đẹp nhất, họ nô nức rủ nhau đi tảo mộ, trẩy hội, cùng dạo chơi xuân trên chôn đồng quê vừa đi vừa nói chuyện ríu rít, nô nức như đàn chim yến, chim anh. Chiều đến, khi mặt trời đã ngã về Tây, chị em Kiều thông thả ra về. Phong cảnh quê hương thật thanh bình, yên tĩnh. Ba chị em Kiều đi trên một cây cầu nhỏ nhỏ có dòng nước uốn quanh bắc cuối con ghènh. Tâm trạng Kiều man mác một nỗi buồn.</p>	

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não.
- + **Thời gian:** 10 phút

<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Chuẩn KTKN cần đạt</b>
Gv giao bài tập - Hs : Nêu nhận xét về văn bản tự sự và văn bản miêu tả ? Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn tự sự cần chú ý điều gì?	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG****- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

**- Phương pháp:** Dự án**- Kỹ thuật:** Giao việc**- Thời gian:** 15 phút

<b>Hoạt động của thầy và trò</b>	<b>Chuẩn KTKN cần đạt</b>
Gv giao bài tập - Suu tầm các đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.****1. Bài cũ**

- Học thuộc ghi nhớ và nắm chắc kiểu bài miêu tả trong văn bản tự sự.
- Viết bài hoàn chỉnh phần luyện tập.

**2. Bài mới:**

- Đọc, tìm hiểu và chuẩn bị trước bài: Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự

Tiết: 30,31 TẬP LÀM VĂN	<b>MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ</b>	Ngày soạn: 11/10/2022 Ngày dạy:
----------------------------	--	------------------------------------

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT****1. Kiến thức :**

- Biết được trong văn tự sự cần có yếu tố nội tâm
- Hiểu được vai trò của miêu tả nội tâm trong một văn bản tự sự.
- Vận dụng hiểu biết về miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự để đọc – hiểu văn bản.

**2. Kỹ năng :**

- Rèn luyện kỹ năng kết hợp giữa kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi viết bài tự sự.
- Tìm hiểu đặc trưng phương thức khắc họa tính cách nhân vật của truyện.

**3. Thái độ**

- Hình thành kỹ năng kết hợp giữa kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi viết bài tự sự.

**4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.****a. Các phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

**b. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực sử dụng CNTT; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**c. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực cảm thụ văn học.

**II – CHUẨN BỊ****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Máy chiếu.
- Bảng phụ, tư liệu ngữ văn.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- Đọc và chuẩn bị bài trước ở nhà.
- Trả lời các câu hỏi trong SGK vào vở soạn và làm các bài tập trong sách BT trắc nhiệm..

**III – TIỀN TRÌNH DẠY HỌC****\* Bước 1: Ổn định tổ chức****\* Bước 2: Kiểm tra bài cũ (5')**

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới****HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

- **Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý
- **Phương pháp:** thuyết trình, trực quan.
- **Kĩ thuật:** Động não.
- **Thời gian:** 5 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV quan sát lại văn bản Kiều ở Lầu Ngưng Bích và nêu nhận xét của em về tâm trạng của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.</li> <li>- Từ phân nhận xét của hs, gv dẫn dắt vào bài mới</li> <li>- Ghi tên bài</li> </ul>	<p><b>Hình thành kỹ năng quan sát, nhận xét, thuyết trình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nhận xét, nghe , lĩnh hội kiến thức theo dẫn dắt giới thiệu của thầy</li> <li>- Ghi tên bài</li> </ul>

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

- **Mục tiêu:** giúp hs biết được vai trò của việc miêu tả nội tâm trong văn tự sự.
- **Thời gian** dự kiến : 35 phút
- **Phương pháp:** Đọc, vấn đáp, thuyết trình. Quan sát, phân tích, giải thích, khái quát, vận dụng thực hành, hệ thống hóa kiến thức.
- **Kĩ thuật:** Dạy học theo kĩ thuật động não và dùng phiếu học tập (Vở luyện Ngữ Văn).

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
	<p><b>I. TÌM HIỂU BÀI</b></p> <p><b>Tìm hiểu yếu tố miêu tả nội</b></p>

<p>* GV chiếu đoạn thơ, gọi đọc.  <b>H. Nêu nội dung chính của đoạn trích? Từ đó hãy xác định PTBD chính ?</b>  * GV chia 2 nhóm, mỗi nhóm một yêu cầu, yêu cầu thảo luận bàn (2'), gọi trả lời, gọi nhận xét, GV gạch chân.  + 1 HS đọc, cả lớp nghe, theo dõi, tự tìm hiểu, xác định PTBD chính, thảo luận bàn (2'), trả lời, nhận xét, theo dõi trên bảng.</p>	<p><b>tâm trong văn tự sự.</b>  <b>a. Ví dụ/sgk/</b>  <b>b. Nhận xét</b></p> <p>* <b>Đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích.</b></p> <p>- <b>PTBD chính:</b> Tự sự (kể lại cảnh ngộ của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích. (VB giàu yếu tố miêu tả và biểu cảm).</p>				
<p><b>H. Tìm những câu thơ miêu tả cảnh và những câu thơ miêu tả tâm trạng của Thúy Kiều?</b>  <b>H. Vì sao em biết đó là những câu thơ tả cảnh và miêu tả tâm trạng ( Căn cứ vào dấu hiệu nào)? ( đối trọng miêu tả, khả năng quan sát...)</b>  * Gv nhận xét, chốt trên bảng phụ, ghi bảng.</p>	<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="610 722 1101 835">Câu thơ miêu tả cảnh thiên nhiên</th> <th data-bbox="1101 722 1429 835">Câu thơ miêu tả tâm trạng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="610 835 1101 1892"> <p>- “Trước lầu.....  ..... dậm kia.”  - “Buồn trông.....  ..... ghé ngòi.”  * <b>Dấu hiệu nhận biết:</b>  + <b>Đối tượng:</b> cảnh sắc TN (thời gian, không gian, màu sắc, cảnh vật...)  + Đ1:  - cảnh sắc TN mênh mông, hoang vắng, rợn ngợp trước lầu Ngưng Bích: có những dãy núi xanh, mảnh trăng, còn cát vàng, bụi hồng.  - Hoàn cảnh của Kiều: chỉ có một mình, làm bạn với mây buổi sớm, đèn buổi khuya.  + Đ2: cảnh TN trống trải, xa vắng lúc hoàng hôn ở lầu Ngưng Bích :  - được miêu tả theo trình tự không gian từ xa đến gần  - màu sắc từ nhạt đến đậm  - âm thanh từ tĩnh đến động  - đường nét, hình ảnh : con thuyền, cửa biên, cánh buồm, ngọn nước, bông hoa, đồng cỏ, bầu trời , mặt đất, tiếng sóng...  - <b>Khả năng quan sát:</b> Quan sát trực tiếp bằng mắt thường.  =&gt; <b>Miêu tả bên ngoài</b></p> </td> <td data-bbox="1101 835 1429 1892"> <p>- “ Bẽ bàng .....  ..... vừa người  ôm.”.</p> <p>*<b>Dấu hiệu nhận biết:</b>  + <b>Đối tượng:</b> tâm trạng con người, suy nghĩ, tình cảm con người (Thúy Kiều): nỗi xót xa về cảnh ngộ bơ vơ, nỗi dày vò day dứt, nỗi nhớ thương người yêu, cha mẹ của Thúy Kiều.</p> <p>- <b>Khả năng quan sát:</b> Diễn ra trong tâm trí, không quan sát trực tiếp bằng mắt thường mà là kết quả của sự hiểu biết về tâm lí con người thông qua vốn kiến thức, vốn kinh nghiệm sống của tác giả.  =&gt; <b>Miêu tả nội tâm</b></p> </td> </tr> </tbody> </table>	Câu thơ miêu tả cảnh thiên nhiên	Câu thơ miêu tả tâm trạng	<p>- “Trước lầu.....  ..... dậm kia.”  - “Buồn trông.....  ..... ghé ngòi.”  * <b>Dấu hiệu nhận biết:</b>  + <b>Đối tượng:</b> cảnh sắc TN (thời gian, không gian, màu sắc, cảnh vật...)  + Đ1:  - cảnh sắc TN mênh mông, hoang vắng, rợn ngợp trước lầu Ngưng Bích: có những dãy núi xanh, mảnh trăng, còn cát vàng, bụi hồng.  - Hoàn cảnh của Kiều: chỉ có một mình, làm bạn với mây buổi sớm, đèn buổi khuya.  + Đ2: cảnh TN trống trải, xa vắng lúc hoàng hôn ở lầu Ngưng Bích :  - được miêu tả theo trình tự không gian từ xa đến gần  - màu sắc từ nhạt đến đậm  - âm thanh từ tĩnh đến động  - đường nét, hình ảnh : con thuyền, cửa biên, cánh buồm, ngọn nước, bông hoa, đồng cỏ, bầu trời , mặt đất, tiếng sóng...  - <b>Khả năng quan sát:</b> Quan sát trực tiếp bằng mắt thường.  =&gt; <b>Miêu tả bên ngoài</b></p>	<p>- “ Bẽ bàng .....  ..... vừa người  ôm.”.</p> <p>*<b>Dấu hiệu nhận biết:</b>  + <b>Đối tượng:</b> tâm trạng con người, suy nghĩ, tình cảm con người (Thúy Kiều): nỗi xót xa về cảnh ngộ bơ vơ, nỗi dày vò day dứt, nỗi nhớ thương người yêu, cha mẹ của Thúy Kiều.</p> <p>- <b>Khả năng quan sát:</b> Diễn ra trong tâm trí, không quan sát trực tiếp bằng mắt thường mà là kết quả của sự hiểu biết về tâm lí con người thông qua vốn kiến thức, vốn kinh nghiệm sống của tác giả.  =&gt; <b>Miêu tả nội tâm</b></p>
Câu thơ miêu tả cảnh thiên nhiên	Câu thơ miêu tả tâm trạng				
<p>- “Trước lầu.....  ..... dậm kia.”  - “Buồn trông.....  ..... ghé ngòi.”  * <b>Dấu hiệu nhận biết:</b>  + <b>Đối tượng:</b> cảnh sắc TN (thời gian, không gian, màu sắc, cảnh vật...)  + Đ1:  - cảnh sắc TN mênh mông, hoang vắng, rợn ngợp trước lầu Ngưng Bích: có những dãy núi xanh, mảnh trăng, còn cát vàng, bụi hồng.  - Hoàn cảnh của Kiều: chỉ có một mình, làm bạn với mây buổi sớm, đèn buổi khuya.  + Đ2: cảnh TN trống trải, xa vắng lúc hoàng hôn ở lầu Ngưng Bích :  - được miêu tả theo trình tự không gian từ xa đến gần  - màu sắc từ nhạt đến đậm  - âm thanh từ tĩnh đến động  - đường nét, hình ảnh : con thuyền, cửa biên, cánh buồm, ngọn nước, bông hoa, đồng cỏ, bầu trời , mặt đất, tiếng sóng...  - <b>Khả năng quan sát:</b> Quan sát trực tiếp bằng mắt thường.  =&gt; <b>Miêu tả bên ngoài</b></p>	<p>- “ Bẽ bàng .....  ..... vừa người  ôm.”.</p> <p>*<b>Dấu hiệu nhận biết:</b>  + <b>Đối tượng:</b> tâm trạng con người, suy nghĩ, tình cảm con người (Thúy Kiều): nỗi xót xa về cảnh ngộ bơ vơ, nỗi dày vò day dứt, nỗi nhớ thương người yêu, cha mẹ của Thúy Kiều.</p> <p>- <b>Khả năng quan sát:</b> Diễn ra trong tâm trí, không quan sát trực tiếp bằng mắt thường mà là kết quả của sự hiểu biết về tâm lí con người thông qua vốn kiến thức, vốn kinh nghiệm sống của tác giả.  =&gt; <b>Miêu tả nội tâm</b></p>				

**H. Em thấy miêu tả nội tâm và miêu tả bên ngoài có gì khác nhau**

+ Thảo luận bản, trả lời.

+ **Khác nhau về đối tượng và khả năng quan sát.**

- **Bên ngoài** : là miêu tả cảnh vật thiên nhiên, con người với hình dáng, diện mạo, hành động, ngôn ngữ, màu sắc...có thể quan sát trực tiếp được bằng các giác quan.

**H. Vậy qua phân tích hai ví dụ em hiểu thế nào là miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự ?**

+ HS khái quát trả lời theo ghi nhớ ý 1.

Là tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc và diễn biến tâm trạng của nhân vật.

\* GV cho HS quan sát đoạn tả cảnh (8 câu cuối).

**H. Những câu thơ tả cảnh trên có phải chỉ để tả nguyên cảnh không hay qua đó ta có thể hiểu được tâm trạng của Thuý Kiều ra sao?**

\* Gv gọi hs trả lời

+ HS phát hiện, trả lời.

- Từ những câu thơ tả cảnh-> diễn tả tâm trạng bên trong của Kiều: cô đơn, buồn tủi, lo sợ, hãi hùng của Kiều được thể hiện qua :

+ **diệp từ buồn** : trực tiếp bộc lộ nỗi buồn-> Nỗi buồn từ tâm trạng thấm dần, tác động đến cảnh vật.-> Cảnh buồn. “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu. Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”

+ **cảnh thiên nhiên buồn-> làm cho con người buồn**

- Cảnh con thuyền, cánh buồm vào buổi chiều->nỗi buồn cô đơn, lẻ loi.

- Cánh hoa trôi trên dòng nước

-> gợi nỗi buồn cho một thân phận trôi dạt, bọt bèo.

- Bầu trời, mặt đất, nội cỏ héo úa-> gợi nỗi buồn lo cho cuộc sống vô vị, tẻ nhạt và tương lai mờ mịt.

- Âm thanh của tiếng sóng vỗ cùng những đợt gió cuốn-> gợi nỗi lo sợ, hãi hùng trước một tương lai đầy bão tố đe dọa.

- Gv nhận xét, chốt

Sự phân biệt giữa miêu tả bên ngoài với miêu tả nội tâm chỉ là tương đối bởi miêu tả cảnh đã gửi gắm tình cảm, trong miêu tả nội tâm cũng có những yếu tố ngoại cảnh đan xen. Chẳng hạn đoạn “Buồn trông..” ta không thể phân biệt được đâu là cảnh đâu là tình mà ở đây là dùng cảnh để tả tình. Đây là đoạn thơ **tả cảnh ngụ tình** theo cách biểu hiện “**Tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này**” thành công nhất trong truyện Kiều.

**H. Em có nhận xét gì về cách miêu tả nội tâm của tác giả trong 2 đoạn trích?**

+ Hs so sánh và rút ra kết luận

- **Miêu tả nội tâm của 2 đoạn là khác nhau.**

+ Thông qua miêu tả cả cảnh thiên nhiên để diễn tả nội tâm bên trong của Kiều.

- **Nội tâm bên trong** : là sự tái hiện những suy nghĩ, tình cảm, diễn biến, tâm trạng,...không trực tiếp quan sát được.

Là tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc và diễn biến tâm trạng của nhân vật.

- **Từ việc miêu tả cảnh thiên nhiên góp phần gợi tả tâm trạng của nhân vật, ->Tả cảnh ngụ tình**

+ Miêu tả trực tiếp nội tâm bên trong của Kiều ( nỗi xót xa cho cảnh ngộ bơ vơ, nhớ cha mẹ và chàng Kim: trực tiếp qua những từ ngữ bộc lộ tâm trạng “bẽ bàng, tủi, xót”).

\* GV đưa đoạn văn ( Lão Hạc - Nam Cao)

- Gọi hs đọc đoạn trích.

### H. Nêu hiểu biết của em về nội dung đoạn trích?

+ Hs đọc đoạn trích

- Hs nêu hiểu biết của em về nội dung đoạn trích, so sánh để chỉ ra sự khác nhau, trả lời cá nhân, HS khác bổ sung.

+ Đoạn văn miêu tả tâm trạng dẫn vật, đau khổ, ân hận, day dứt của Lão Hạc khi phải bán chó.

### H. Cách miêu tả tâm trạng Lão Hạc có gì khác so với cách miêu tả của Nguyễn Du?

- Nguyễn Du miêu tả tâm trạng nhân vật một cách trực tiếp thông qua cảm xúc, suy nghĩ, hoặc thông qua cảnh thiên nhiên để tái hiện tâm trạng nhân vật.

- Còn Nam Cao miêu tả tâm trạng nhân vật một cách gián tiếp thông qua nét mặt, cử chỉ.

### H. Qua việc phân tích 2 ví dụ trên, hãy cho biết, có mấy cách miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự?

+ Khái quát trả lời.

- Miêu tả nội tâm theo 2 cách

- Trực tiếp bằng cách dùng chính những từ gọi tả tâm trạng để diễn tả ý nghĩ, cảm xúc, tình cảm của nhân vật

- Gián tiếp bằng cách miêu tả cảnh vật, nét mặt, cử chỉ, trang phục,... của nhân vật

### H. Miêu tả nội tâm có tác dụng như thế nào đối với việc khắc họa nhân vật trong văn bản tự sự?

+ Giải thích, trình bày:

- Miêu tả nội tâm là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, góp phần khắc họa chân dung tinh thần của nhân vật, tái hiện những trăn trở, dằn vặt, những rung động tinh vi trong tư tưởng tình cảm của nhân vật, làm rõ tính cách đặc điểm của nhân vật.

\* GV: Giữa miêu tả nội tâm với nhân vật có mối quan hệ chặt chẽ vì:

- Nhân vật là yếu tố quan trọng nhất trong văn bản tự sự.

- Để miêu tả nhân vật nhà văn thường miêu tả ngoại hình và miêu tả nội tâm.

### H. Qua bài học, các em cần nắm vững những đơn vị kiến thức gì?

GV: MTNT là một bước tiến của NT. Trong VHĐG không có

\* Đoạn trích Lão Hạc – Nam Cao

\* Cách miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự:

+ Miêu tả trực tiếp

+ Miêu tả gián tiếp: thông qua cảnh thiên nhiên, ngôn ngữ, nét mặt, cử chỉ... của nhân vật

- là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, góp phần khắc họa, làm rõ tính cách, đặc điểm của nhân vật, làm cho nhân vật sinh động.

- Tác động tới nhận thức, tình cảm của người đọc đối với nhân vật.

miêu tả nội tâm, phải đến VH viết mới có miêu tả nội tâm khắc  
 hoạ tâm trạng nhân vật  
 \*GV chốt kiến thức, gọi đọc? GV cung cấp trên máy chiếu.

**II. Ghi nhớ:** SGK (117).

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**- Mục tiêu:**

+ Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.

+ Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

**- Thời gian:** 20 phút.

**- Phương pháp:** Đọc, vấn đáp, tái hiện thông tin, phân tích, so sánh, .

**- Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
* Gv cho HS làm BTTN, gọi trả lời, gọi nhận xét, GV sửa	<b>1. Trắc nghiệm.</b>
<p><b>1. Khi miêu tả nhân vật trong văn bản tự sự người ta không miêu tả yếu tố nào sau đây:</b></p> <p>A. Tả ngoại hình.                      C. Tả trạng thái, hành động, cử chỉ.          B. Tả nội tâm.                              D. Tả cảm xúc của tác giả dành cho nhân vật</p> <p><b>2. Dòng nào nêu không đúng đối tượng miêu tả trực tiếp nội tâm nhân vật:</b></p> <p>A. Suy nghĩ                      B. Tình cảm                      C. Ngôn ngữ                      D. Tâm l</p> <p><b>3. Có hai cách để miêu tả nội tâm nhân vật trong VBTS là trực tiếp và gián tiếp. Đúng hay sai?</b></p> <p>A. Đúng    B. Sai</p> <p><b>4. Trong văn bản tự sự, yếu tố miêu tả nội tâm có tác dụng gì?</b></p> <p>A Tăng thêm chất trữ tình                      C. Làm cho câu chuyện giản dị, dễ hiểu          B. Tăng thêm chất triết lí, nghị luận D. Khắc họa đặc điểm, tính cách nhân vật.</p> <p><b>Đáp án:</b> Câu 1-D, 2- C, 3- A,4-D.</p>	
<p>H. Tìm những đoạn văn, đoạn thơ miêu tả nội tâm nhân vật?</p> <p>H. Xác định các yếu tố miêu tả nội tâm nhân vật có trong đoạn văn sau?</p> <p>* Gv tích hợp với yếu tố độc thoại nội tâm trong VBTS.</p> <p>H. Đọc, nêu yêu cầu của bài tập số 1/sgk?</p> <p>* GV định hướng giúp HS làm bài.</p> <p>- GV yêu cầu mỗi nhóm cử 1 HS lên bảng viết.</p> <p>- Các nhóm nhận xét chéo</p> <p>- GV nhận xét, sửa chữa, bổ sung.</p> <p>* GV gợi ý:</p> <p>H. Hãy tìm những câu thơ miêu tả nhân</p>	<p><b>2. Bài 2.</b></p> <p><b>3. Bài 3: Xác định các yếu tố miêu tả nội tâm nhân vật có trong đoạn văn sau:</b></p> <p>“Tôi giật mình người. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự <b>ngỡ ngàng</b>, rồi đến <b>hãnh diện</b>, sau đó là <b>xấu hổ</b>. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi <b>nhìn như thôi miên</b> vào dòng chữ đề trên bức tranh” Anh trai tôi”(Ngữ văn 6-tập 2- Bức tranh của em gái tôi- Tạ Duy Anh)</p> <p><b>4. Bài 4: Thuật lại đoạn trích Mã Giám Sinh mua Kiều bằng văn xuôi, trong đó có yếu tố miêu tả nội tâm của Thúy Kiều.</b></p> <p>- <b>Kiểu bài</b> : văn tự sự, chuyển từ thơ sang văn xuôi.          - <b>Nội dung</b> : Đoạn trích mã Giám Sinh mua Kiều.          - <b>Ngôi kể</b> :          - thứ nhất : Kiều (Xung tôi, con),          - thứ 3</p> <p>* <b>Có các sự việc chính cần thuật:</b></p>



<p>vật Mã Giám Sinh và những câu thơ miêu tả nội tâm Thúy Kiều?</p> <p>H. Dựa vào đoạn trích em hãy chuyển thành đoạn văn có yếu tố miêu tả nội tâm của Thúy Kiều?</p> <p>( Gợi ý: thuộc kiêu bài gì? Có nội dung gì? Sử dụng ngôi kể ntn? Có những sự việc chính nào? Em dự kiến đưa yếu tố miêu tả và miêu tả nội tâm vào chỗ nào cho hợp lí? ) GV yêu cầu HS trả lời, cho viết cá nhân, gọi trình bày trên bảng phụ, gọi nhận xét, GV sửa, cung cấp đoạn văn tham khảo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục đích đưa MGS đến mua Kiều.</li> <li>- Những hành động, cử chỉ, lời nói của MGS.</li> <li>- Tâm trạng, hành động cử chỉ của Thúy Kiều.</li> </ul> <p><b>* Có các yếu tố miêu tả::</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Miêu tả ngoại hình của MGS</b> : tuổi, diện mạo, trang phục, cử chỉ, hành động, lời nói...</li> <li>- <b>Miêu tả nội tâm của Thúy Kiều</b>: đau đớn, xót xa, tủi nhục, ê chề, hành động như một cái máy, mỗi bước chân đi đều chan hoà nước mắt</li> </ul>
<p><b>* Đoạn văn tham khảo :</b></p> <p>Sau khi Kiều quyết định bán mình chuộc cha, có một mục môi dẫn một người viễn khách đến nhà Vương Ông. Đó là Mã Giám Sinh – một người tự xưng là sinh viên trường Quốc Tử Giám. Hắn khoảng 40 tuổi ăn mặc chải chuốt trông rất đom đàng, trên mặt không có lấy một sợi râu nào và vô cùng nhẵn nhụi. Qua cách ăn mặc, ngôn ngữ trả lời cộc lốc của hắn đủ để thấy đây là một kẻ vô học, ăn chơi, lố bịch, rởm đời. Khi vào nhà, gia chủ chưa kịp mời, hắn đã ngồi tót lên ghé một cách sỗ sàng, xác xược. Gã có vẻ đắc chí ngồi gật gù ngắm nhìn mục môi giờ trò “ vén tóc, bắt tay” như xem một món hàng ngoài chợ . Rồi hắn bắt Kiều đàn cho hắn nghe, Kiều đã đàn ngay khúc đàn Bạc mệnh với tất cả tâm trạng đau khổ. Nhưng hắn vẫn chưa ưng ý, hắn còn bắt Kiều phải làm thêm một bài thơ đề vào chiếc quạt giấy của hắn. Trong khi mục môi và Mã Giám Sinh mãi mê với cuộc mua bán hời thì Kiều chết lặng trong nỗi đau đớn, tủi nhục ê chề. Nàng đâu ngờ cuộc đời mình lại đến nông nỗi này. Một tiêu thư khuê các đang sống trong cảnh êm đềm trướng rủ, màn che, cuộc đời nàng vừa ngắm men hạnh phúc đã phải chia lìa. Nỗi đau đớn, tủi hổ, uất nghẹn, khiến nàng không thốt thành lời. Nàng hành động như một cái máy, mỗi bước đi của nàng làm rơi bao hàng lệ. Nàng khóc cho mình, cho gia đình và khóc cho cả mối tình đầu vừa nông đã phải chia lìa. Thế rồi cuộc mặc cả, cò kè thêm bớt hồi lâu mới kết thúc. Nàng Kiều được định giá bằng ngoài bốn trăm lạng vàng.</p>	
<p>H. Đọc yêu cầu của bài tập số 2?</p> <p>GV định hướng giúp HS làm bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Nhớ lại các sự việc, dùng ngôn ngữ của mình kể lại việc báo ân, báo oán.</li> <li>* Qua lời kể bộc lộ trực tiếp tâm trạng Kiều khi gặp Hoạn Thư</li> <li>* Hãy xác định nội dung? Ngôi kể? Em định dùng chi tiết nào để thể hiện được trực tiếp tâm trạng của Thúy Kiều?)</li> </ul> <p>GV yêu cầu mỗi nhóm cử 1 HS lên bảng viết.</p> <p>Các nhóm nhận xét chéo</p> <p>GV nhận xét, sửa chữa, bổ sung.</p>	<p><b>5. Bài 2/ SGK</b></p> <p>Đóng vai Kiều kể việc báo ân, báo oán trong đó bộc lộ trực tiếp tâm trạng Kiều lúc gặp Hoạn Thư.</p> <p>+ HS nhớ lại các sự việc, dùng ngôn ngữ của mình kể lại việc báo ân, báo oán. Qua lời kể bộc lộ trực tiếp tâm trạng Kiều khi gặp Hoạn Thư.</p> <p>HS làm vào vở bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kiểu bài:</b> tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm, có yếu tố miêu tả nội tâm. Bộc lộ được trực tiếp tâm trạng của Thúy Kiều khi gặp Hoạn Thư.</li> <li>- <b>Nội dung:</b> Kể được việc báo ân, báo oán của Kiều.</li> <li>- <b>Ngôi kể:</b> thứ nhất dưới lời kể của Thúy Kiều</li> <li>- <b>Miêu tả nội tâm:</b> khi gặp Hoạn Thư : lúc đầu quyết tâm trừng trị, về sau không muốn bị coi là người nhỏ nhen....</li> </ul>
<p><b>Đoạn văn tham khảo:</b></p>	

<p>Người đầu tiên tôi cho mời đến để báo ân chính là chàng Thúc- thấp cơ thua trí đàn bà. Khi vừa được đưa vào, tôi nhìn thấy chàng Thúc luống cuống sợ hãi, mặt tái đi như chàm đồ, người run rẩy đi như không vững. Thấy thế, tôi liền nói với chàng Thúc rằng: “Khi thiếp đang gặp hoạn nạn ở Lâm Tri, chàng là người có tấm lòng hào hiệp đã giang tay cứu giúp. Ôn nghĩa ấy làm sao có thể quên được. Dù chúng ta chẳng nên vợ nên chồng như chàng đã từng mong ước nhưng suốt đời thiếp vẫn nhớ ơn chàng. Nay có món quà nhỏ biểu chàng tỏ chút lòng thành.” Nói rồi tôi sai lính mang đến trăm cuốn gấm và một nghìn cân bạc tạ ơn chàng. Sau đó lính áp giải Hoạn Thư tới, tôi cố nén cơn giận dữ, lấy giọng ngọt ngào hỏi “ Chào tiểu thư! Tiểu thư cũng có ngày phải tới đây quỳ gối trước mặt hoa nô này sao? Phải công nhận rằng từ xưa đến nay đàn bà mà sâu sắc nước đời như tiểu thư là hiếm lắm. Nhưng lẽ đời cũng thật công bằng, gieo gió ắt phải gặp bão thôi phải không tiểu thư?. Tiểu thư xưa đã cậy quyền thế gây cho tôi bao nỗi ê chề, tủi nhục. Nhưng đống là nhân nào quả nấy, tiểu thư gây bao oan nghiệt sẽ nhận bấy nhiêu oan trái. Nhìn ả ta hồn lạc phách xiêu mà tôi cũng bớt đi phần nào cơn giận. Nhưng ngay sau đó, ả ta khấu đầu dưới trướng mà liệu điều kêu ca, biện minh chạy tội cho mình. Nghe mụ ta kêu ca dưới trướng, tôi ngồi nghe mà trong lòng thâm nghĩ: ả ta quả là một con người khôn ngoan, giao hoạt, sắc sảo, tinh đời. Nhưng lí lẽ của ả lại khiến tôi cảm động. Giờ đây, chẳng lẽ tôi lại đành lòng trách phạt sao? Như thế , chẳng khác nào tôi lại là một kẻ nhỏ nhen, ích kỉ, không biết tha thứ cho lỗi lầm của người khác. Dù sao thì Hoạn Thư đã biết tự nhận ra lỗi lầm của mình rồi thì thôi tha cho ả cùng được. Nghĩ vậy, tôi liền truyền lệnh xuống tha bổng cho Hoạn Thư.</p>	
<p>* Gọi đọc, nêu yêu cầu BT3? Để thực hiện được yêu cầu trên theo em phải làm ntn ?</p> <p>Ghi lại tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi với bạn( Không đủ thời gian, GV cho HS nêu vài câu ngắn gọn nêu lại tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi với bạn ?</p>	<p><b>6. Bài 3/SGK</b></p> <p><b>Ghi lại tâm trạng của em sau khi để xảy ra một chuyện có lỗi với bạn.</b></p> <p>- <b>Xác định kiểu bài</b> : tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm, có yếu tố miêu tả nội tâm.</p> <p>- <b>Xác định nội dung</b> : chuyện đó là chuyện gì ? chuyện xảy ra khi nào ? ở đâu ? Với ai ? (Với bạn) Tại sao đó lại là một chuyện có lỗi ? Tâm trạng của em sau khi mắc lỗi ra sao ?</p>

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**- Mục tiêu:**

- + Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.
- + **Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc
- + **Kỹ thuật:** Động não, hợp tác
- + **Thời gian:** 10 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Hs : Em có nhận xét gì trong giờ kể chuyện có đưa các yếu tố nội tâm vào việc kể chuyện	Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**- Mục tiêu:**

- + Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức
- + Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

- **Phương pháp:** Dự án

- **Kỹ thuật:** Giao việc

- **Thời gian:** 15 phút

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Gv giao bài tập - Sưu tầm một số đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nội tâm trong văn bản đã học	+ Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập, trình bày....

**Bước 4: Giao bài và hướng dẫn học bài , chuẩn bị bài về nhà.**

**1. Bài cũ**

- Học thuộc và nắm chắc nội dung phần Ghi nhớ.
- Làm tiếp bài tập số 3, 3.

**2. Bài mới:**

Chuẩn bị bài: Thuật ngữ

KẾT THÚC CHỦ ĐỀ